

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THỜI KỲ 2021-2030
VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021
HUYỆN THOẠI SƠN - TỈNH AN GIANG

Thoại Sơn, năm 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THỜI KỲ 2021-2030
VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021
HUYỆN THOẠI SƠN - TỈNH AN GIANG

An Giang, ngày tháng năm 2021
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Thoại Sơn, ngày tháng năm 2021
ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN

Thoại Sơn, năm 2021

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH SÁCH BẢNG	vi
TỪ NGỮ VIẾT TẮT	vii
ĐẶT VẤN ĐỀ	1
1. Mục đích, yêu cầu lập quy hoạch sử dụng đất.....	4
2. Phạm vi lập Quy hoạch sử dụng đất	5
3. Phương pháp lập Quy hoạch sử dụng đất	5
4. Tổ chức thực hiện và phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất.....	6
5. Nội dung và sản phẩm Quy hoạch sử dụng đất	6
Phần I. SỰ CẦN THIẾT LẬP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	7
I. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ TÀI LIỆU, SỐ LIỆU LIÊN QUAN ĐỂ LẬP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	7
1.1. Căn cứ pháp lý	7
1.2. Các tài liệu, số liệu liên quan	9
II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT	10
2.1. Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và thực trạng môi trường	10
2.1.1. Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên.....	10
2.1.2. Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên	15
2.1.3. Phân tích hiện trạng môi trường	21
2.1.4. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, tài nguyên	22
2.1.5. Đánh giá chung về thực trạng môi trường	23
2.1.6. Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến việc sử dụng đất.....	24
2.2. Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội	25
2.2.1. Tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.....	25
2.2.2. Phân tích thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực	27
2.2.3. Phân tích tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất	35
2.2.4. Phân tích thực trạng phát triển đô thị và khu dân cư nông thôn	36
2.3. Phân tích thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng	37

2.3.1. Giao thông	37
2.3.2. Thủy lợi	41
2.3.3. Năng lượng	42
2.3.4. Bưu chính viễn thông	43
2.3.5. Giáo dục – đào tạo	43
2.3.6. Y tế.....	44
2.3.7. Văn hóa – thể dục thể thao	45
2.3.8. Cơ sở dịch vụ về xã hội và chợ	46
2.3.9. Quốc phòng – an ninh	48
2.4. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường	48
2.4.1. Thuận lợi.....	48
2.4.2. Khó khăn, thách thức.....	49
III. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN THỜI ĐIỂM QUY HOẠCH.....	50
3.1. Phân tích, đánh giá tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai	50
3.1.1. Tình hình thực hiện các văn bản pháp quy.....	50
3.1.2. Xác định địa giới hành chính, lập và quản lý hồ sơ địa giới hành chính, lập bản đồ hành chính	50
3.1.3. Khảo sát, đo đạc lập bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất và bản đồ quy hoạch sử dụng đất.....	51
3.1.4. Quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.....	51
3.1.5. Quản lý việc giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất	52
3.1.6. Đăng ký quyền sử dụng đất, lập và quản lý hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.....	53
3.1.7. Công tác thống kê, kiểm kê đất đai.....	53
3.1.8. Tình hình quản lý tài chính về đất đai	53
3.1.9. Quản lý, giám sát việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất	53
3.1.10. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về đất đai và xử lý vi phạm pháp luật về đất đai.....	54

3.2. Phân tích, đánh giá hiện trạng và biến động sử dụng đất	55
3.2.1. <i>Hiện trạng sử dụng đất theo từng loại đất.....</i>	55
3.2.2. <i>Biến động sử dụng đất giai đoạn 2015-2020.....</i>	73
3.3. Hiệu quả kinh tế - xã hội, môi trường, tính hợp lý của việc sử dụng đất.....	77
3.3.1. <i>Hiệu quả kinh tế - xã hội, môi trường của việc sử dụng đất</i>	77
3.3.2. <i>Tính hợp lý của việc sử dụng đất</i>	79
3.3.2.1. <i>Cơ cấu sử dụng đất</i>	79
3.3.2.2. <i>Mức độ thích hợp của từng loại đất so với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội</i>	80
3.3.2.3. <i>Tình hình đầu tư về vốn, vật tư, khoa học kỹ thuật trong sử dụng đất</i>	80
3.4. Phân tích, đánh giá những tồn tại và nguyên nhân trong việc sử dụng đất	81
IV. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT 05 NĂM KỲ CUỐI (2015-2020)	82
4.1. <i>Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) huyện Thoại Sơn.....</i>	82
4.1.1. <i>Đất nông nghiệp.....</i>	85
4.1.2. <i>Đất phi nông nghiệp</i>	86
4.1.3. <i>Đất chưa sử dụng.....</i>	87
4.2. <i>Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020).....</i>	87
4.2.1. <i>Những mặt được.....</i>	87
4.2.2. <i>Những tồn tại</i>	88
4.2.3. <i>Nguyên nhân của tồn tại</i>	88
4.3. <i>Bài học kinh nghiệm cho việc thực hiện điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất</i>	89
PHẦN III ĐÁNH GIÁ TIỀM NĂNG ĐẤT ĐAI VÀ ĐỊNH HƯỚNG DÀI HẠN SỬ DỤNG ĐẤT	91
I. ĐÁNH GIÁ TIỀM NĂNG ĐẤT ĐAI	91
1.1. <i>Đánh giá tiềm năng đất đai để phục vụ sản xuất nông nghiệp</i>	91
1.2. <i>Đánh giá tiềm năng đất đai để phục vụ cho việc phát triển công nghiệp, đô thị, xây dựng khu dân cư nông thôn</i>	92
1.3. <i>Đánh giá tiềm năng đất đai để phục vụ cho việc phát triển du lịch.....</i>	93

1.4. Đánh giá tiềm năng đất đai để phục vụ cho việc chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất và phát triển cơ sở hạ tầng	94
Phần II .PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	95
I. ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT	95
1.1. Khát quát mục tiêu, định hướng phát triển	95
1.2. Quan điểm phát triển	96
1.3. Định hướng sử dụng đất	100
II. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	103
2.1. Chỉ tiêu cụ thể phát triển kinh tế - xã hội	103
2.1.2. Chỉ tiêu sử dụng đất theo các loại đất cho các ngành, lĩnh vực	105
3. Tổng hợp, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất	110
III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG.....	133
3.1. Tác động đến nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	133
3.2. Tác động đến khả năng bảo đảm an ninh lương thực	133
3.3. Tác động đối với việc giải quyết quỹ đất ở, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất.....	134
3.4. Tác động đến quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng	134
3.5. Tác động đến việc tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tồn văn hoá các dân tộc.....	135
3.6. Tác động đến khả năng khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên, tỷ lệ che phủ	135
3.7. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	135
Phần III KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021	138
I. CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021	138
1. Chỉ tiêu sử dụng đất còn lại	138
2. Tổng hợp, cân đối nhu cầu sử dụng đất năm 2021	139
II. DIỆN TÍCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021	144
1. Đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp	144

2. Chuyên đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp	144
III. DIỆN TÍCH ĐẤT CẦN THU HỒI ĐẤT NĂM 2021	144
IV. DIỆN TÍCH ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG ĐƯA VÀO SỬ DỤNG	144
V. DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN NĂM 2021	144
Phần IV GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	145
I. GIẢI PHÁP VỀ QUẢN LÝ	145
II. GIẢI PHÁP VỀ NGUỒN LỰC VÀ VỐN ĐẦU TƯ	145
III. GIẢI PHÁP VỀ KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ	146
IV. GIẢI PHÁP BẢO VỆ, CẢI TẠO ĐẤT, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU, NƯỚC BIỂN DÂNG	146
V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	148
4.1. UBND huyện	148
4.2. Sở, ngành tỉnh	148
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	149
I. KẾT LUẬN	149
II. KIẾN NGHỊ	149
PHỤ LỤC	151

DANH SÁCH BẢNG

Bảng 1. Nhiệt độ qua các năm (đơn vị: 0C).....	12
Bảng 2. Lượng mưa qua các năm (đơn vị: mm)	13
Bảng 3. Số giờ nắng trong năm đơn vị: Giờ)	14
Bảng 4: Các loại đất chính trên địa bàn huyện Thoại Sơn.....	15
Bảng 5. Nguy cơ ngập đối với tỉnh An Giang.....	25
Bảng 6. Tổng hợp Diện tích gieo trồng, năng suất, sản lượng cây hàng năm giai đoạn 2011 - 2020	28
Bảng 7. Tổng hợp tình hình chăn nuôi gia súc, gia cầm giai đoạn 2011 - 2020.	29
Bảng 8. Tổng hợp tình hình nuôi và đánh bắt thủy sản giai đoạn 2011 – 2020..	30
Bảng 9. Dân số của huyện thời kỳ 2011 - 2020	35
Bảng 10: Hiện trạng mạng lưới đường huyện.....	38
Bảng 11. Tổng hợp hiện trạng giao thông đường bộ huyện Thoại Sơn	39
Bảng 12. Hiện trạng trường lớp, giáo viên, học sinh năm 2019-2020.....	43
Bảng 13: Hệ thống chợ trên địa bàn.....	46
Bảng 14. Hiện trạng sử dụng theo từng loại đất năm 2020 huyện Thoại Sơn	55
Bảng 15. Diện tích đất phát triển hạ tầng năm 2020	58
Bảng 16. Hiện trạng sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2020.....	60
Bảng 17. Hiện trạng sử dụng đất năm 2020 huyện Thoại Sơn	67
Bảng 18. Diện tích đất khu vực đô thị năm 2020.....	70
Bảng 19. Tình hình biến động các loại đất giai đoạn 2010 – 2015 - 2020	75
Bảng 20. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu KHSDĐ 5 năm kỳ đầu (2015-2020)(82
Bảng 21. Chỉ tiêu sử dụng đất còn lại áp dụng năm 2021 huyện Thoại Sơn....	138
Bảng 22. Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Thoại Sơn	140

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

UBND:	Ủy ban nhân dân
HĐND:	Hội đồng nhân dân
QHSDĐ:	Quy hoạch sử dụng đất
ĐCQHSDĐ:	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất
KHSDD:	Kế hoạch sử dụng đất
ĐBSCL:	Đồng bằng sông Cửu Long
QCVN:	Quy chuẩn Việt Nam
TCVN:	Tiêu chuẩn Việt Nam
BTNM:	Bộ Tài nguyên và Môi trường
DTTN	Diện tích tự nhiên

ĐẶT VẤN ĐỀ

Đất đai là tài nguyên quốc gia vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất đặc biệt, là thành phần quan trọng hàng đầu của môi trường sống, là địa bàn phân bố các khu dân cư, xây dựng các công trình kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng.

Đất đai có những tính chất đặc trưng, là nguồn tài nguyên có giới hạn về số lượng; có vị trí cố định trong không gian, không thể di chuyển được theo ý muốn của con người; là tư liệu sản xuất không gì thay thế được, đặc biệt là ngành nông nghiệp. Đất đai là loại tài nguyên không tái tạo và nằm trong nhóm tài nguyên hạn chế của Việt Nam. Hiện nay nước ta vẫn đang thuộc nhóm những nước có nền kinh tế đang phát triển, vì vậy đặc điểm hạn chế của đất đai càng thể hiện rõ và đòi hỏi việc sử dụng đất đai phải dựa trên những cơ sở lý luận khoa học vững chắc. Sử dụng đất đai một cách khoa học, hợp lý là nhiệm vụ mang tính cấp bách và lâu dài của nước ta. Việc sử dụng đất đai hợp lý là vấn đề phức tạp, nó chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố quan trọng khác nhau, về thực chất đây là vấn đề kinh tế liên quan đến toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Nhiệm vụ đặt ra là sử dụng tối đa quỹ đất quốc gia để phục vụ phát triển nền kinh tế quốc dân và xã hội.

Trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở nước ta, sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ sang công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp đã và đang gây áp lực ngày càng lớn đối với đất đai. Việc sử dụng đất đai hợp lý liên quan chặt chẽ tới mọi hoạt động của từng ngành và từng lĩnh vực, quyết định đến hiệu quả sản xuất và sự sống còn của từng người dân cũng như vận mệnh của cả quốc gia. Đảng và Nhà nước ta luôn coi trọng công tác quản lý và sử dụng đất đai là vấn đề bức xúc và cần được quan tâm hàng đầu.

Hiến pháp Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 tại Khoản 1 Điều 54 chương III, đã nêu: “Đất đai là tài nguyên đặc biệt của quốc gia, nguồn lực quan trọng phát triển đất nước, được quản lý theo pháp luật”.

Luật Đất đai năm 2013 nêu rõ việc quy hoạch - kế hoạch sử dụng đất là một trong những nội dung quan trọng trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai. Đồng thời, quy định cụ thể nguyên tắc đầu tiên trong sử dụng đất phải “Đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và đúng mục đích sử dụng đất”.

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch tại Điều 6. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai năm 2013 từ Điều 35 đến Điều 51 quy định về nguyên tắc lập; hệ thống, trách nhiệm, thẩm định và thẩm quyền quyết định, phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất,... Trong đó, tại Điều 37 quy định “Thời kỳ quy hoạch sử dụng đất là 10 năm. Tầm nhìn của quy hoạch sử dụng đất quốc gia là từ 30 năm đến 50 năm và cấp huyện là từ 20 năm đến 30 năm.

Quy hoạch sử dụng đất đai là hệ thống các biện pháp kinh tế, kỹ thuật và pháp chế của Nhà nước thể hiện đồng thời 3 tính chất kinh tế, kỹ thuật và pháp chế) về tổ chức sử dụng và quản lý đất đai: **đầy đủ** (mọi loại đất đều được đưa vào sử dụng theo các mục đích nhất định), **hợp lý** (đặc điểm tính chất tự nhiên, vị trí, diện tích phù hợp với yêu cầu và mục đích sử dụng), **khoa học** (áp dụng thành tựu khoa học - kỹ thuật và các biện pháp tiên tiến) và có **hiệu quả nhất** (đáp ứng đồng bộ cả 3 lợi ích kinh tế - xã hội - môi trường), thông qua việc Phân bổ quỹ đất đai (khoanh định cho các mục đích và các ngành) và tổ chức sử dụng đất như tư liệu sản xuất cùng với các tư liệu sản xuất khác gắn liền với đất nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất xã hội, tạo điều kiện bảo vệ đất và bảo vệ môi trường.

Việc lập quy hoạch sử dụng đất có ý nghĩa đặc biệt quan trọng không chỉ cho trước mắt mà cả lâu dài. Căn cứ vào đặc điểm tự nhiên, phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của mỗi vùng lãnh thổ, quy hoạch sử dụng đất được tiến hành nhằm định hướng cho các cấp, các ngành trên địa bàn lập quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất chi tiết, từ đó xác lập sự ổn định về mặt pháp lý cho công tác quản lý nhà nước về đất đai, làm cơ sở để giao đất và đầu tư để phát triển sản xuất, đảm bảo an ninh lương thực và phục vụ các nhu cầu dân sinh, nhu cầu văn hóa xã hội.

Thời gian qua, huyện Thoại Sơn tiến hành quản lý, sử dụng đất đai trên cơ sở phương án Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011- 2015) được phê duyệt tại quyết định số 1916/QĐ-UBND ngày 09/9/2013 và Quyết định số 2360/QĐ-UBND ngày 26/9/2018 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, đã đảm bảo tính thống nhất trong công tác quản lý nhà nước về đất đai; làm cơ sở pháp lý quan trọng cho công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, và thực hiện công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra việc quản lý sử dụng đất; đảm bảo phân bổ đất đai

Đơn vị tư vấn: Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật tài nguyên môi trường

Địa chỉ: 822, Trần Hưng Đạo, P. Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

và chủ động dành quỹ đất hợp lý cho phát triển, đáp ứng nhu cầu đất đai cho phát triển cơ sở hạ tầng, khu đô thị, khu dân cư, đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý, có hiệu quả, bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái; góp phần quan trọng thúc đẩy Thoại Sơn trở thành một trong những huyện đầu tiên đạt chuẩn nông thôn mới trước thời hạn và có quá trình phát triển kinh tế - xã hội mạnh của tỉnh; Huyện đã xây dựng được một nền nông nghiệp ổn định với trình độ ứng dụng khoa học cao, từng bước phát triển tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ tạo những chuyển biến đáng kể về đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, vẫn còn bộc lộ một số hạn chế như: khả năng dự báo còn chưa đầy đủ nên chất lượng quy hoạch chưa cao, chưa đáp ứng nhu cầu thực tế; sự điều chỉnh định hướng trong thời gian tới của quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng, quy hoạch các ngành dẫn đến sự gắn kết với quy hoạch sử dụng chưa phù hợp, chưa đồng bộ; vị trí và quy mô diện tích của các công trình, dự án trong quy hoạch cũng thường bị thay đổi do tác động của cơ chế tài chính, chính sách giá đất bồi thường, giải phóng mặt bằng;

Cho nên, để huyện Thoại Sơn tiếp tục duy trì kế thừa và phát huy tối đa lợi thế, khai thác hiệu quả nguồn tài thiên nhiên hiện có, nhiệm vụ đặt ra cho huyện là phải phát triển nhanh nền kinh tế với cơ cấu thương mại - dịch vụ, công nghiệp - xây dựng và hiện đại hóa nông nghiệp. Tăng cường công tác an ninh quốc phòng, đảm bảo trật tự và ổn định xã hội, xây dựng vị thế để Thoại Sơn thật sự trở thành một trong những huyện trọng điểm của tỉnh An Giang; Đặc biệt định hướng đến năm 2030 Thoại Sơn sẽ đầu tư phát triển hoàn thiện chất lượng hạ tầng các tiêu chí đạt chuẩn đô thị loại IV. Với mục tiêu phát triển này, huyện tập trung khai thác mọi tiềm năng và lợi thế sẵn có trên địa bàn, nông nghiệp vẫn sẽ là nền tảng chủ yếu để thúc đẩy lĩnh vực thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng làm cơ sở vững chắc phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện. Thực hiện chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp, nâng cao hiệu quả các cụm tiểu thủ công nghiệp. Tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng, xã hội, công trình công cộng để phục vụ sản xuất; đầu tư quỹ đất để đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa và thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Để đạt được những mục tiêu trên, đòi hỏi cần phải xem xét lại, đánh giá lại và điều chỉnh bố trí sử dụng đất cho tất cả các ngành và lĩnh vực trên phạm vi toàn huyện nhằm đáp ứng một cách đầy đủ cho quá trình phát triển kinh tế - xã

hội trong thời điểm hiện tại và tương lai. Do đó, công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện càng trở nên quan trọng và cấp thiết trong thời điểm hiện nay.

Xuất phát từ vấn đề trên, Ủy ban nhân dân huyện Thoại Sơn đã tiến hành lập **“Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Thoại Sơn”** nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

1. Mục đích, yêu cầu lập quy hoạch sử dụng đất

- Lập quy hoạch sử dụng đất là biện pháp cần thiết để đưa đất đai vào sử dụng ổn định lâu dài và hợp lý, trên cơ sở khoa học đạt hiệu quả cao nhất nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, dựa trên cơ sở tuân thủ chính sách pháp luật và chiến lược kinh tế - xã hội của địa phương.

a) Mục đích

- Đánh giá tình hình quản lý và thực trạng sử dụng đất trong thời gian qua (thời kỳ 2011 - 2020) của huyện Thoại Sơn.

- Định hướng phát triển các ngành, tổ chức lại không gian cảnh quan kiến trúc của huyện, bố trí lại quỹ đất cho các mục đích sử dụng đất của địa phương, phù hợp với định hướng phát triển về lâu dài, đồng thời đáp ứng nhu cầu, chỉ tiêu sử dụng đất cụ thể đến năm 2030 và tầm nhìn cho những năm tiếp theo.

- Điều tra, khảo sát, phân tích, đánh giá đầy đủ, đúng thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất; biến động đất đai; kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2015-2020 làm cơ sở cho việc lập quy hoạch sử dụng đất hợp lý, có hiệu quả cao.

- Cụ thể hóa các chỉ tiêu sử dụng đất do tỉnh phân bổ vào điều kiện thực tế của huyện đến năm 2030, đảm bảo hài hòa các mục tiêu ngắn hạn và dài hạn, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của huyện nhằm sử dụng quỹ đất hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững.

- Cân đối, phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực, địa phương đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh đến năm 2030 đến từng năm theo đơn vị hành chính cấp xã.

- Cung cấp tầm nhìn tổng quan để các ngành và địa phương triển khai thực hiện đồng bộ các mục tiêu quy hoạch đề ra, từ đó góp phần quản lý chặt

chế nguồn tài nguyên đất đai, kế hoạch hóa việc giao đất, cho thuê, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất,... trên địa bàn huyện.

- Làm cơ sở để UBND huyện cân đối giữa các khoản thu ngân sách từ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; các loại thuế liên quan đến đất đai và các khoản chi cho việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đến từng đơn vị hành chính cấp xã trong hàng năm.

b) Yêu cầu

- Quy hoạch sử dụng đất đảm bảo thực hiện được các mục tiêu vĩ mô, bao quát của tỉnh An Giang và của cả khu vực, như về: an ninh lương thực, bảo vệ môi trường, an sinh và công bằng xã hội...

- Quy hoạch sử dụng đất theo địa giới hành chính nhằm cụ thể hoá các mục tiêu vĩ mô, cùng với việc hiện thực hóa các mục tiêu cụ thể của địa phương và các vấn đề cụ thể của các ngành, các cấp trong việc sử dụng đất trong địa giới hành chính mà huyện quản lý. Các nhu cầu sử dụng đất sẽ được tính toán tổng hợp đến từng công trình, cho từng đơn vị hành chính của huyện đến năm 2030 và phù hợp với dự báo về các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội và đặc điểm tình hình cụ thể trong giai đoạn quy hoạch.

- Phân bổ sử dụng đất đai tiết kiệm, hợp lý, đúng mục đích, có hiệu quả, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, môi trường sinh thái cho những năm trước mắt và lâu dài. Đáp ứng nhu cầu sử dụng đất phát triển kinh tế - xã hội bền vững của địa phương.

- Quy hoạch sử dụng đất cần đảm bảo mối quan hệ hài hoà giữa khai thác và sử dụng đất nhằm tạo sự cân đối giữa phát triển và bảo vệ môi trường sinh thái trên cơ sở bền vững.

2. Phạm vi lập Quy hoạch sử dụng đất

Dự án nghiên cứu lập Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cho toàn lãnh thổ huyện Thoại Sơn với diện tích 47.103,78 ha, gồm 03 nhóm đất là nông nghiệp, phi nông nghiệp và nhóm đất chưa sử dụng. Quy hoạch sử dụng đất được lập cho thời kỳ 2021-2030.

3. Phương pháp lập Quy hoạch sử dụng đất

Để lập Quy hoạch sử dụng đất theo đúng quy định hiện hành, quá trình thực hiện vận dụng một số phương pháp chính như sau:

- Phương pháp thống kê;
- Phương pháp điều tra;
- Phương pháp kế thừa;

- Phương pháp phân tích;
- Phương pháp so sánh;
- Phương pháp đánh giá đất đai của FAO;
- Phương pháp bản đồ và GIS;
- Phương pháp dự báo;
- Phương pháp tổng hợp;
- Phương pháp chuyên gia;
- Phương pháp đánh giá đa mục tiêu.

4. Tổ chức thực hiện và phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất

- Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh An Giang
- Cơ quan thẩm định: Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở, ngành tỉnh
- Cơ quan quyết định đầu tư: UBND huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang
- Cơ quan chủ đầu tư: Phòng Tài nguyên và Môi trường
- Cơ quan tư vấn: Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật tài nguyên môi trường
- Cơ quan phối hợp: phòng, ban và UBND các xã, thị trấn thuộc huyện
- Thời gian thực hiện: năm 2020-2021

5. Nội dung và sản phẩm Quy hoạch sử dụng đất

5.1. Nội dung

Báo cáo thuyết minh tổng hợp Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, ngoài phần Đặt vấn đề và Kết luận, bao gồm 4 phần chính sau:

Phần I: Sự cần thiết lập Quy hoạch sử dụng đất

Phần II: Phương án Quy hoạch sử dụng đất

Phần III: Kế hoạch sử dụng đất năm 2021

Phần IV: Giải pháp và tổ chức thực hiện

5.2. Sản phẩm

- Báo cáo thuyết minh tổng hợp Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang (kèm bảng biểu, số liệu, bản đồ A3 – A0): 05 bộ

- Bản đồ: tỷ lệ 1/25.000:

+ Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2020: 05 bản

+ Bản đồ Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030: 05 bản

+ Bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2021: 05 bản

+ Bản đồ chuyên đề có liên quan (nếu có): 05 bộ

- Đĩa CD (lưu trữ dữ liệu): 01 đĩa

Phần I

SỰ CẦN THIẾT LẬP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ TÀI LIỆU, SỐ LIỆU LIÊN QUAN ĐỂ LẬP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

1.1. Căn cứ pháp lý

- Luật Đất đai năm 2013;
- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;
- Luật số 28/2018/QH14 ngày 15/6/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch;
- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;
- Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;
- Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;
- Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;
- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;
- Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/09/2016 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

- Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 17/5/2018 của Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 – 2020) tỉnh An Giang;

- Thông tư số 17/2014/TT-BTNMT ngày 21/4/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc xác định ranh giới, diện tích và xây dựng cơ sở dữ liệu đất trồng lúa;

- Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

- Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

- Quyết định số 290/QĐ-UBND của UBND tỉnh An Giang về phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành thương mại tỉnh An Giang đến năm 2020 có xét đến năm 2025;

- Quyết định số 558/QĐ-UBND của UBND tỉnh An Giang về phê duyệt Quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh, tỉnh An Giang giai đoạn 2011 – 2020; Căn cứ Quyết định số 1351/QĐ-UBND của UBND tỉnh An Giang về phê duyệt Quy hoạch chi tiết phát triển các vùng sản xuất chuyên canh hàng hoá (lúa, rau màu, thủy sản) tỉnh An Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 149/QĐ-UBND của UBND tỉnh An Giang về phê duyệt Dự án điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch giao thông đường bộ và đường thủy tỉnh An Giang đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

- Quy hoạch tổng thể phát triển ngành y tế tỉnh An Giang từ năm 2015 đến

năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 2360/QĐ-UBND ngày 26/9/2018 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang;

1.2. Các tài liệu, số liệu liên quan

- Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối (2016-2020) tỉnh An Giang;

- Quy hoạch các Sở, ngành về Nông nghiệp, giao thông, công nghiệp, giáo dục, văn hóa thể dục thể thao; y tế....;

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Thoại Sơn lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020-2025;

- Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu (2011-2015) huyện Thoại Sơn;

- Kế hoạch sử dụng đất hàng năm huyện Thoại Sơn;

- Quy hoạch xây dựng nông thôn mới của các xã trên địa bàn huyện;

- Kế hoạch Phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025 huyện Thoại Sơn;

- Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng các thị trấn thuộc huyện Thoại Sơn đến năm 2035;

- Báo cáo tổng kết hàng năm ngành Tài nguyên và Môi trường huyện Thoại Sơn từ 2015-2020;

- Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh An Giang giai đoạn 2016 - 2020;

- Kết quả kiểm kê đất đai, bản đồ hiện trạng sử dụng đất huyện Thoại Sơn năm 2014, 2019;

- Kết quả thống kê đất đai huyện Thoại Sơn các năm từ 2015 – 2018 và 2020;

- Niên giám thống kê huyện Thoại Sơn năm 2016, 2019;

- Các tài liệu, số liệu khác có liên quan.

II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT

2.1. Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và thực trạng môi trường

2.1.1. Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên

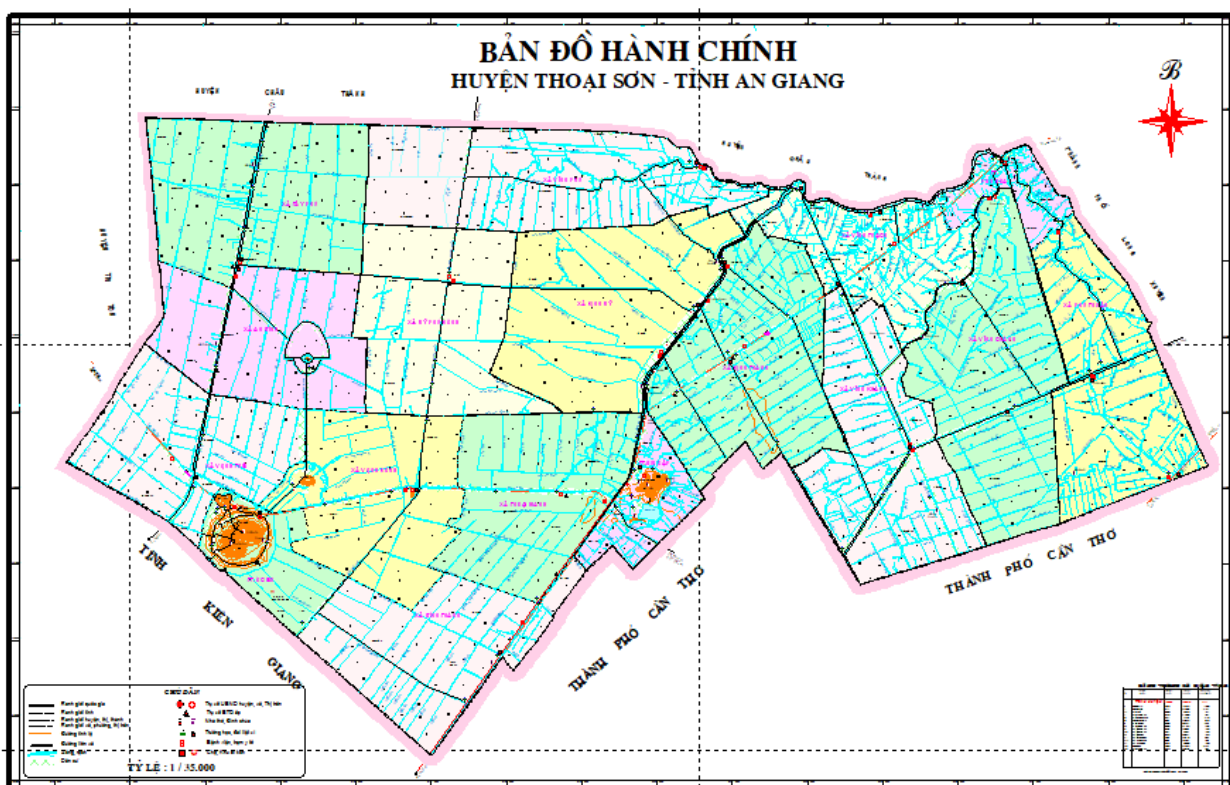
a) Vị trí địa lý

Thoại Sơn nằm về phía Đông Nam của tỉnh An Giang, thuộc vùng Tứ giác Long Xuyên, Trung tâm huyện lỵ là thị trấn Núi Sập (đạt đô thị loại IV vào năm 2015) cách TP. Long Xuyên khoảng 25 km về hướng Đông Bắc, cách TP. Châu Đốc khoảng 80 km về hướng Bắc, cách TP. Rạch Giá – Tỉnh Kiên Giang khoảng 25 km về phía Tây Nam và cách TP. Cần Thơ khoảng 70 km về phía Nam. Huyện có tọa độ địa lý trong khoảng từ 10016'09" đến 10022'22" vĩ độ Bắc và từ 105005'51" đến 105026'20" kinh độ Đông. Địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông giáp thành phố Long Xuyên.
- Phía Tây giáp huyện Tri Tôn.
- Phía Nam giáp tỉnh Kiên Giang và thành phố Cần Thơ.
- Phía Bắc giáp huyện Châu Thành.

Diện tích tự nhiên của toàn huyện là 47.103,78 ha (số liệu thống kê năm 2020) chiếm 13,31% diện tích của tỉnh, lớn thứ hai tỉnh (sau huyện Tri Tôn). Dân số 163.335 người, mật độ dân số trung bình đạt 347 người/km² (niên giám thống kê huyện Thoại Sơn). Đông dân thứ 5 so với các huyện khác của tỉnh.

Về đơn vị hành chính, Thoại Sơn gồm có 3 thị trấn: Núi Sập, Phú Hòa, Óc Eo và 14 xã gồm: Tây Phú, An Bình, Vĩnh Phú, Vĩnh Trạch, Phú Thuận, Vĩnh Chánh, Định Mỹ, Định Thành, Mỹ Phú Đông, Vĩnh Khánh, Thoại Giang, Bình Thành, Vọng Đông và Vọng Thê.



Bản đồ Hành chính huyện Thoại Sơn

b) Địa hình, địa mạo

Thoại Sơn có địa hình thuộc bán sơn địa (vừa có núi vừa có đồng bằng). Địa hình của huyện có cao độ thấp dần theo hướng Đông Bắc - Tây Nam, cao độ trung bình dao động trong khoảng 0,8 - 1,2m (khu vực đồng bằng). Nơi có địa hình thấp nhất tập trung chủ yếu thuộc địa bàn xã Bình Thành, có nơi cao độ rất thấp khoảng 0,3m so với mực nước biển. Nơi có địa hình cao nhất tập trung chủ yếu ở địa bàn thị trấn Núi Sập, thị trấn Óc Eo, xã Vọng Đông và một phần xã An Bình, nơi tập trung những đồi núi vừa và nhỏ. Đặc biệt khu vực núi Ba Thê thuộc thị trấn Óc Eo có nơi cao độ lên đến trên 200m.

c) Khí hậu

Tỉnh An Giang nói chung và huyện Thoại Sơn nói riêng nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa, nóng ẩm quanh năm. Trong năm, có một mùa mưa và một mùa khô, nền nhiệt tương đối cao và ổn định, lượng mưa nhiều và phân bố theo mùa.

c1) Nhiệt độ

Tương đồng với nền nhiệt của tỉnh, tuy nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng của các yếu tố khí hậu vùng Tây Nam Bộ, nhưng với địa hình đồi núi đan xen

đồng bằng, đã tạo cho Thoại Sơn có nền nhiệt độ chênh lệch giữa ngày và đêm cao hơn ở các vùng khác.

Nhiệt độ không khí trung bình tháng trong giai đoạn 2016-tháng 7/2020 của Thoại Sơn có biến động nhẹ, dao động trong khoảng 25,9⁰C – 30,4⁰C, nhiệt độ cao nhất xuất hiện trong tháng 5 năm 2020, thấp nhất trong tháng 12 năm 2017 và tháng 2 năm 2018. Tuy nhiên, trong năm cũng có những thời điểm nhiệt độ thay đổi thất thường theo ngày, có thời điểm biên độ nhiệt độ ngày khá cao, dao động trong khoảng từ 8⁰C - 13⁰C, cụ thể là những ngày trong các tháng mùa khô.

Bảng 1. Nhiệt độ qua các năm (đơn vị: ⁰C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
Nhiệt độ (⁰ C)	2016	27,3	26,8	28,0	30,1	29,8	28,5	27,9	28,7	28,0	28,5	27,8	26,7
	2017	27,7	26,7	27,7	28,7	28,6	28,6	28,6	28,1	28,6	28,6	27,5	25,9
	2018	26,6	25,9	27,8	28,9	28,6	29,9	28	27,6	27,9	28,2	27,7	27,9
	2019	26,7	27,2	28,4	30,1	29,4	28,4	28,5	27,5	27,5	28,3	27,5	26,3
	2020	26,9	27,0	28,9	29,7	30,4	28,6	28,3					

(Nguồn: Đài khí tượng thủy văn An Giang, 2016-tháng 7/2020, Báo cáo QTHTMT 2016-2020)

c2) Mùa

Chế độ mưa của huyện phân hoá thành 2 mùa rõ rệt, sự thay đổi lượng mưa giữa các tháng trong năm tương đối phức tạp nhưng mức độ biến động không lớn. Mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 11 do ảnh hưởng của gió mùa Tây Nam và lượng mưa tập trung vào các tháng từ tháng 7 đến tháng 11, tổng lượng mưa trung bình trong các tháng mùa mưa chiếm khoảng trên 81% tổng lượng mưa trung bình cả năm. Mùa khô bắt đầu từ tháng 12 đến cuối tháng 4 năm sau, tổng lượng mưa trung bình của 5 tháng mùa khô kể từ năm 2015 đến năm 2020 đạt không quá 500mm/năm. Nhìn chung kể từ năm 2015 đến nay, lượng mưa trung bình năm của huyện dao động trong khoảng từ 80 - 160mm/năm.

Bảng 2. Lượng mưa qua các năm (đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
Lượng mưa (mm)	2016	2,7	0	2,4	0,6	94,7	79,2	62,7	50,4	76,4	163,5	93,6	108,0
	2017	30,9	39,0	17,5	118,6	194,5	97,7	230,6	172	154,5	305,2	140,3	128,9
	2018	65,7	9,3	36,6	31,9	162,7	162,7	158,2	204,2	177,3	201,7	105,0	84,4
	2019	16,5	1,1	13,2	79,8	122,8	211,9	131,5	131,5	243,1	185,6	72,8	2,8
	2020	0,4	3,3	0,1	114,1	90,6	144,2	177,3					

(Nguồn: Đài khí tượng thủy văn An Giang, 2016-tháng 7/2020; Báo cáo QHTMT 2016-2020)

c3) Lượng bốc hơi và độ ẩm không khí

Lượng bốc hơi nước trên địa bàn huyện Thoại Sơn thay đổi theo mùa, mùa khô lượng bốc hơi nước tương đối lớn, thường chiếm khoảng 2/3 lượng bốc hơi nước của cả năm. Lượng bốc hơi bình quân hàng năm đạt từ 1.200 mm - 1.350 mm/năm. Tháng 3 và 4 có lượng bốc hơi lớn nhất (trên 160mm/tháng), tháng 9 và tháng 10 có lượng bốc hơi tương đối nhỏ (khoảng 80mm/tháng).

Độ ẩm không khí biến đổi theo mùa, mùa khô độ ẩm bình quân tháng qua các năm đạt khoảng 78,5%, tháng thấp nhất đạt 77% và tháng cao nhất đạt 83%; vào mùa mưa độ ẩm bình quân tháng qua các năm đạt trên 84%. Độ ẩm bình quân qua các năm đạt trên 81%/năm. Ẩm độ của khu vực huyện Thoại Sơn dao động trong khoảng 80,1 - 81,8%/năm.

c4) Năng

Tổng số giờ nắng trung bình tháng trong giai đoạn 2016-tháng 7/2020 dao động trong khoảng 129,9 giờ – 278,7 giờ, cao nhất vào tháng 4 năm 2016 và thấp nhất vào tháng 7 năm 2017. Thời kỳ ít nắng là từ tháng 6 đến tháng 9, số giờ nắng mỗi tháng dao động từ 90 -204 giờ, trung bình từ 3-6,8 giờ nắng/ngày. Thời kỳ nhiều nắng là từ tháng 01 đến tháng 5 và từ tháng 10 đến tháng 12, số giờ nắng mỗi tháng dao động từ 167 giờ trở lên, trung bình từ 5,59-8,93 giờ nắng/ngày.

Tổng số giờ nắng qua các năm có sự biến động theo thời gian và phần lớn số giờ nắng trong năm 2019 đều có giá trị cao hơn so với cùng kỳ năm 2017, 2018 và 2020, nhưng thấp hơn so với cùng kỳ 2016.

Bảng 3. Số giờ nắng trong năm đơn vị: giờ)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
Số giờ nắng (giờ)	2016	258,6	260,0	277,3	278,7	216,1	177,4	189,1	193,5	183,4	177,4	201,7	163,9
	2017	183,3	216,6	255,3	223,5	185,3	187,8	129,9	169,4	197,3	173,9	182,4	205,3
	2018	189,0	226,5	226,5	231,7	212,1	161,1	161,1	153,8	185,8	236,4	212,5	217,2
	2019	242,1	250,7	273,1	247,5	224,0	175,8	186	153,4	138,6	246,8	222,4	269,2
	2020	251,0	248,2	265,8	234,4	263,3	191,3	204,1					

(Nguồn: Đài khí tượng thủy văn tỉnh An Giang, 2016-tháng 7/2020 Báo cáo QTHTMT 2016-2020)

c5) Gió

Chế độ gió của huyện khá thuận với 2 chế độ gió mùa rõ rệt. Từ tháng 5 đến tháng 11 có gió mùa Tây Nam, Nam - Tây Nam mang theo hơi nước từ biển Đông về tạo mưa; từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau là gió mùa Đông Bắc, Bắc - Đông Bắc có đặc điểm lạnh và khô; tốc độ gió trung bình trong năm tương đối mạnh, đạt khoảng 3m/giây. Thoại Sơn trong những năm qua ít chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão, các hiện tượng lốc xoáy thỉnh thoảng xảy ra trong mùa mưa nhưng tần suất thấp nên mức độ ảnh hưởng không lớn.

Tóm lại, với nền nhiệt cao và đều trong năm, nhiều nắng, mưa theo mùa và không có bão, điều kiện khí hậu của huyện khá thuận lợi cho việc phát triển các ngành thuộc lĩnh vực nông nghiệp lẫn phi nông nghiệp.

d) Thủy văn

Chế độ thủy văn của huyện phụ thuộc chủ yếu vào chế độ bán nhật triều không đều, đồng thời chịu ảnh hưởng trực tiếp của dòng chảy sông Hậu cùng các yếu tố khác như: chế độ gió, chế độ mưa, đặc điểm địa hình, địa mạo và hình thái kênh, rạch,...Mức nước đỉnh triều cao nhất trên sông Hậu là 2,63m và mức nước thấp nhất là -0,79m.

Kênh Rạch Giá - Long Xuyên nối sông Hậu tại Long Xuyên kéo dài theo hướng Tây Nam, ngang qua thị trấn Núi Sập, tiếp giáp với sông Kiên Giang do

ra biển Tây tại cửa biển Rạch Giá, lưu lượng trung bình năm khoảng 3.000m³/giờ (lưu lượng vào mùa mưa khoảng 4.500m³/giờ, vào mùa khô khoảng 2.000m³/giờ). Hàng năm vào mùa nước nổi, Thoại Sơn thường ít bị thiệt hại hơn so với các địa bàn khác trong tỉnh do địa hình trung bình tương đối cao, trên 98% diện tích đất canh tác được đề bao kiểm soát lũ, cơ sở hạ tầng dần được hoàn thiện.

Ngoài ra còn có nhiều kênh rạch tự nhiên vừa phục vụ cho tưới tiêu trong sản xuất, vừa phục vụ cho sinh hoạt và giao thông đường thủy. Hệ thống kênh đào gồm các kênh chính như: Kênh ranh Thoại Sơn - Tri Tôn, Kênh Tân Vọng, Kênh Trục, Kênh Bốn Tổng... Hệ thống kênh mương trên địa bàn huyện đóng vai trò quan trọng trong việc cải tạo đất, cung cấp lượng phù sa màu mỡ và là hệ thống thoát lũ ra biển Tây. Bên cạnh đó, nguồn nước mưa tương đối lớn thuận lợi cho việc tích trữ sử dụng trong sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp.

2.1.2. Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên

a) Tài nguyên đất

Theo tài liệu thổ nhưỡng Chính lý, bổ sung bản đồ đất tỉnh An Giang do trường Đại học An Giang xây dựng năm 2005, trên địa bàn huyện Thoại Sơn có các loại đất như sau:

Bảng 4: Các loại đất chính trên địa bàn huyện Thoại Sơn

STT	Tên nhóm đất và loại đất chính	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
I	Nhóm đất cát núi	926	1,97
1	Eutric Leptosols (<i>ký hiệu LPe, đất xói mòn mạnh trơ sỏi đá, dinh dưỡng khá</i>)	730	1,56
II	Nhóm Đất phù sa	44.985	95,50
1	<i>Fluvi Mollic Gleysols (ký hiệu GLmf, đất glây, tầng mặt dày, dinh dưỡng khá, có dấu tích phù sa bồi)</i>	5.619	11,98
2	<i>Umbric Gleysols (ký hiệu GLu, đất glây, tầng mặt dày, dinh dưỡng kém)</i>	6.203	13,23
3	<i>Humi Umbric Gleysols (ký hiệu GLuh, đất glây, đọng mùn, dinh dưỡng kém)</i>	33.163	70,73
III	Nhóm đất phèn	1.157,88	2,46

*Báo cáo thuyết minh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030
và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Thọai Sơn - tỉnh An Giang*

STT	Tên nhóm đất và loại đất chính	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Orthi-Endo Thionic Fluvisols, with jarosite (ký hiệu <i>FLt(oenj)d</i> , đất phèn hoạt động trung bình, tầng mặt mỏng, dinh dưỡng kém, có đốm jarosite, có phù sa bồi)	10,95	0,02
2	Umbri-Orthi-Endo Thionic Gleysols (ký hiệu <i>GLt(oen)u</i> , đất phèn hoạt động trung bình, tầng mặt dày, dinh dưỡng kém, không có đốm jarosite, glây)	999	2,32
3	Umbri-Orthi-Endo Thionic Gleysols, with jarosite (ký hiệu <i>GLt(oenj)u</i> , đất phèn hoạt động trung bình, tầng mặt dày, dinh dưỡng kém, có đốm jarosite, glây)	148	0,32
	Đất sông, suối và mặt nước chuyên dùng	34,42	0,07
	Tổng	47.103,78	100,00

(Nguồn tài liệu thổ nhưỡng chính lý, bổ sung bản đồ đất tỉnh An Giang)

a1) Nhóm đất cát núi: huyện gồm có duy nhất 1 loại đất chính với diện tích 926 ha, chiếm 1,97% tổng diện tích tự nhiên.

- Eutric Leptosols (ký hiệu *LPe*, đất xói mòn mạnh trơ sỏi đá, dinh dưỡng khá). Đặc điểm của loại đất này là có tầng mặt rất mỏng, thường không dày hơn 30cm. Sa cấu của loại đất này phần lớn là cát và các thành phần không phải là đất (cấp hạt có đường kính >2mm), cùng với xác bã hữu cơ. Do bị rửa trôi hàng năm nên các nguyên tố dinh dưỡng của loại đất này rất kém, chỉ thích hợp cho việc trồng các loại cây lâu năm có bộ rễ ăn sâu hoặc trồng rừng. Đất này tập trung chủ yếu ở địa bàn thị trấn Óc Eo, thị trấn Núi Sập, xã An Bình và xã Vọng Đông.

a2) Nhóm đất phù sa: 44.985 ha, chiếm 95,50% tổng diện tích tự nhiên. Gồm 3 loại đất chính.

- *Fluvi Mollic Gleysols* (ký hiệu *GLmf*, đất glây, tầng mặt dày, dinh dưỡng khá, có dấu tích phù sa bồi): có diện tích 5.619 ha, chiếm 11,98% diện tích tự nhiên. Đây là loại đất có đặc tính fluvic ít nhất là một tầng đất trong suốt phẫu diện. Tuy nhiên, đặc tính chủ yếu của biểu loại đất này là đặc tính glây, xuất hiện trong vòng 50 cm lớp đất mặt. Khác với các biểu loại đất phù sa không phèn khác, biểu loại đất này có tầng mặt tương đối dày, thường là 25 cm hay sâu

hơn (đôi khi mỏng hơn tùy theo độ dày của solum). Tầng mặt này có màu sậm do tích tụ chất hữu cơ. Độ bão hòa base $\geq 50\%$ chứng tỏ độ phì tiềm tàng cao, thích hợp cho nhiều loại cây trồng. Tuy nhiên, cần thận trọng trong việc bón phân dư thừa trên các vùng thâm canh cao, điều này có thể dẫn đến việc tăng đặc tính hóa học không có lợi cho đất. Hiện tại phần lớn diện tích của loại đất này trên địa bàn huyện Thoại Sơn là dùng để canh tác nông nghiệp (trồng lúa nước, nuôi trồng thủy sản, cây lâu năm...). Loại đất này tập trung chủ yếu ở thị trấn Phú Hòa, xã Phú Thuận, xã Vĩnh Chánh và một phần xã Vĩnh Trạch.

- Umbric Gleysols (*ký hiệu GLu, đất glây, tầng mặt dày, dinh dưỡng kém*): có diện tích 6.203 ha, chiếm 13,23% diện tích tự nhiên, tập trung chủ yếu ở các xã Vĩnh Trạch, Vĩnh Phú, Vọng Thê, Vọng Đông và một phần xã Định Mỹ. Đặc tính của loại đất này là có tầng mặt tương đối dày thường là 25cm hoặc cao hơn, có màu hơi sậm do tích tụ nhiều chất hữu cơ. Tuy nhiên, độ bão hòa base < 50 , đây là dấu hiệu chứng tỏ độ phì tiềm tàng thấp. Vì thế khi canh tác cần bố trí mùa vụ thích hợp hoặc có biện pháp canh tác hợp lý.

- Humi Umbric Gleysols (*ký hiệu GLuh, đất glây, đọng mùn, dinh dưỡng kém*): có diện tích 33.163 ha, chiếm 70,73% diện tích tự nhiên của huyện. Đây là loại đất có sự tích tụ mùn ở tầng mặt tương đối dày, thích hợp với nhiều loại cây trồng đặc biệt là cây trồng cạn. Hiện trạng loại đất này chủ yếu dùng để canh tác lúa và các loại hoa màu. Đây cũng là loại đất hầu như bỏ biến ở 17 xã, thị trấn của huyện.

a3) Nhóm đất phèn: 1.157,88 ha, chiếm 2,46% tổng diện tích tự nhiên. Gồm có 3 loại đất chính.

- Dystric–Orthic–Endo Thionic Fluvisols, with jarosite (*ký hiệu FLt(oen)j*), *đất phèn hoạt động trung bình, tầng mặt mỏng, dinh dưỡng kém, có đốm jarosite, có phù sa bồi*): có diện tích 10,95 ha, chiếm 0,02% diện tích tự nhiên của huyện. Đây là loại đất phèn trung bình, thường tìm thấy đốm jarosite trong phần diện tích trong các tầng đất khác nhau ở độ sâu hơn 50 cm. Tầng mặt thường mỏng, và độ bão hòa base thấp là những yếu tố kết hợp gây bất lợi cho cây trồng, nên khi bón phân cần kết hợp thêm phân hữu cơ bên cạnh phân lân vốn cần thiết cho đất phèn hoạt động nói chung. Loại đất này tập trung duy nhất ở địa bàn xã Vọng Thê.

- Umbri–Orthic–Endo Thionic Gleysols (*ký hiệu GLt(oen)u, đất phèn hoạt động trung bình, tầng mặt dày, dinh dưỡng kém, không có đốm jarosite, glây*):

có diện tích 999 ha chiếm 2,23% diện tích tự nhiên, tập trung chủ yếu ở các xã Tây Phú, An Bình và một phần xã Vọng Thê. Đây là loại đất phèn trung bình, không có đóm jarosite trong phẫu diện đất. Loại đất này có tầng mặt khá dày (thường dày tối thiểu 25 cm, hay có khi mỏng hơn, tùy theo độ dày của solum), và có màu sậm (chứng tỏ có chứa hàm lượng chất hữu cơ khá). Tuy nhiên, tầng mặt dày này lại có độ phì tiềm tàng thấp (độ bão hòa base < 50%). Nhìn chung loại đất này thích nghi với nhiều loại cây trồng.

- Umbri–Orthi–Endo Thionic Gleysols, with jarosite (*ký hiệu GLt(oenj)u*, *đất phèn hoạt động trung bình, tầng mặt dày, dinh dưỡng kém, có đóm jarosite, glây*): có diện tích 148 ha, chiếm 0,32% diện tích tự nhiên, tập trung duy nhất ở địa bàn thị trấn Núi Sập. Đây là loại đất phèn trung bình, thường tìm thấy đóm jarosite trong phẫu diện đất ở các tầng đất khác nhau, thường ở độ sâu hơn 50 cm. Loại đất này có tầng mặt khá dày (thường dày tối thiểu 25 cm, hay có khi mỏng hơn, tùy theo độ dày của solum), và có màu sậm (chứng tỏ có chứa hàm lượng chất hữu cơ khá). Tuy nhiên, tầng mặt dày này lại có độ phì tiềm tàng thấp (độ bão hòa base < 50%). Do đó, trong quá trình canh tác cần bón kết hợp thêm phân hữu cơ bên cạnh phân lân vốn cần thiết cho đất phèn hoạt động nói chung.

b) Tài nguyên nước

b1) Nước mưa

Theo số liệu niên giám thống kê, vào khoảng từ tháng 5 đến tháng 11, lượng mưa trên địa bàn Thoại Sơn khá dồi dào, chiếm 90% lượng mưa cả năm với tổng lượng mưa trung bình năm từ 1.000 - 2.000 mm/năm. Tuy nhiên nguồn nước mưa hiện nay chưa hẳn là đã sạch. Vì thế trong quá trình sử dụng nước mưa ít nhất cần phải trải qua công đoạn lắng lọc và sau đó nấu chín hoặc xử lý vi sinh thì mới có thể sử dụng.

b2) Nước mặt

Nguồn nước mặt hiện nay được xem là nguồn nước chủ lực phục vụ tưới tiêu cho hầu hết diện tích đất canh tác nông nghiệp. Ngoài việc sử dụng nguồn nước mặt cho sản xuất nông nghiệp và các lĩnh vực sản xuất khác, nguồn nước mặt còn là nguồn cung cấp nước sinh hoạt chủ yếu cho các hộ dân, cho các nhà máy chế biến và nuôi trồng thủy sản... Nguồn nước mặt của huyện được cung cấp chủ yếu từ hệ kênh Rạch Giá - Long Xuyên với chiều dài chảy qua địa phận huyện Thoại Sơn khoảng 31km. Lưu lượng nước của kênh trung bình khoảng

3.000m³/giây nên khả năng dẫn nước vào các kênh, rạch nội đồng là khá lớn, đủ sức cung cấp nước cho nhu cầu sản xuất kể cả trong những tháng mùa khô. Mặc dù lượng nước mặt là rất dồi dào nhưng trước quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa... đã làm cho nguồn nước mặt của địa phương nói riêng và của tỉnh An Giang nói chung, đang đứng trước những nguy cơ ô nhiễm, đặc biệt là tại các khu đô thị tập trung đông dân cư, các nhà máy chế biến thủy sản và các khu vực nuôi trồng thủy sản.

Nhìn chung, lưu lượng và trữ lượng nước mặt trên địa bàn huyện Thoại Sơn hầu hết là nước ngọt và khá dồi dào, đây là điều kiện thuận lợi để huyện phát triển nông nghiệp và các ngành thuộc lĩnh vực phi nông nghiệp. Nhưng bên cạnh việc khai thác và sử dụng nguồn nước mặt thì địa phương cũng cần có những chính sách quản lý nguồn nước chặt chẽ hơn nhằm hướng đến một môi trường trong sạch, bền vững.

b3) Nước ngầm

Theo nhận định và nghiên cứu của nhiều chuyên gia thì nước ngầm của huyện Thoại Sơn có trữ lượng rất lớn. Qua kết quả khảo sát của Cục quản lý tài nguyên nước, An Giang là một trong những tỉnh có nguồn nước ngầm tương đối dồi dào nhưng cũng là tỉnh đứng hàng đầu của đồng bằng sông Cửu Long về mức độ nhiễm Asen trong nước ngầm.

Vì thế trong quá trình quản lý và sử dụng, địa phương cần có những biện pháp khắc phục để nguồn tài nguyên nước ngầm của huyện ngày càng phát huy hiệu quả, nhằm gánh bớt được phần nào về nhu cầu sử dụng nguồn nước mặt nhưng đang có nguy cơ và nhiều tiềm ẩn ô nhiễm như hiện nay

c) Tài nguyên khoáng sản

Một số tài nguyên khoáng sản được đánh giá có trữ lượng lớn như đá xây dựng và nước khoáng chứa khoáng silic. Ngoài các loại đá granit đã được khai thác, các nhà nghiên cứu còn tìm thấy những mạch pecmatic chứa trăn kali và natri rất quý cho công nghiệp sản xuất gốm sứ. Một số vùng rìa tiếp xúc giữa đá granit với đá thông thường, xung quanh phát hiện một số loại đá quý khác như hồng ngọc, thạch anh ám khói, thạch anh tím trong các mạch pecmatic, tập trung nhiều ở núi Ba Thê thuộc địa bàn thị trấn Óc Eo.

Bên cạnh đó, các nhà nghiên cứu còn phát hiện ra một loại khoáng sản vô cùng quý hiếm đó là gốm đen có trữ lượng rất lớn. Điểm nổi bật của gốm đen là có thể nổi trên mặt nước. Hiện nay, đã có chương trình phối hợp với tỉnh An

Giang hoàn chỉnh quy trình chế tác và nung thành công gốm đen thuộc nền văn minh Óc Eo, nhằm khôi phục và phát huy nghệ thuật truyền thống về đồ gốm cổ của địa phương.

Nhìn chung, nguồn tài nguyên khoáng sản của huyện khá dồi dào, có giá trị kinh tế khá cao. tiềm năng khai thác khá phong phú và điều kiện khai thác cũng tương đối thuận lợi. Tuy nhiên, trong quá trình khai thác địa phương nên cần nhắc đến tính hiệu quả về kinh tế - xã hội cũng như những biến đổi bất lợi về môi trường trong tương lai.

d) Tài nguyên rừng

Toàn địa bàn huyện Thoại Sơn 182,86 ha đất rừng, trong đó rừng đặc dụng có 130,98 chủ yếu tập trung ở thị trấn Óc Eo, còn lại là rừng phòng hộ là 51,89 ha tập chung ở thị trấn Núi Sập. Tài nguyên rừng Thoại Sơn có diện tích không lớn nhưng có ý nghĩa quan trọng về mặt sinh thái, du lịch và điều hòa khí hậu. Hơn nữa việc khai thác hợp lý rừng sẽ đem lại hiệu quả kinh tế khá cao. Vì vậy trong những năm tới cần phủ xanh hết đất quy hoạch bảo vệ diện tích đất rừng kết hợp với chăm sóc, bảo vệ rừng.

e) Tài nguyên nhân văn

Thoại Sơn đây được xem là vùng đất huyền thoại của tỉnh An Giang, có nhiều di tích lịch sử văn hóa với những công trình kiến trúc nghệ thuật, những danh lam thắng cảnh và đặc biệt là những di chỉ khảo cổ ghi đậm dấu ấn lịch sử tồn tại lâu đời. Từ những hiện vật phát hiện được ở quần thể di tích phân bố trên sườn núi Ba Thê và cánh đồng Óc Eo, chứng minh sự tồn tại của vương quốc Phù Nam - một vương quốc thịnh trị, có tầm ảnh hưởng bao trùm cả vùng Nam bộ từ thế kỷ thứ 1 đến thế kỷ thứ 7. Một số di tích nổi tiếng điển hình như: Khu di tích khảo cổ nền văn minh Óc Eo được công nhận là di tích Quốc gia đặc biệt, 02 bia đá và tượng phật 4 tay là di tích kiến trúc nghệ thuật tại thị trấn Óc Eo, bia Thoại Sơn tại đình thần Thoại Ngọc Hầu cũng được công nhận là di tích lịch sử cấp Quốc gia. Đặc biệt, với sự phát triển Thiền Viện Trúc Lâm An Giang, được xây dựng từ năm 2017 với quy mô diện tích 11 ha, tọa lạc tại Khu Du Lịch lòng hồ số 2 thuộc thị trấn Núi Sập, trở thành một danh lam thắng cảnh mới vừa đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa tâm linh tín ngưỡng của Nhân dân; vừa tạo thêm cảnh quan du lịch sinh thái cộng đồng góp phần lưu giữ và phát huy những nét văn hóa.

Ngoài các di tích nêu trên, huyện còn có nhiều đồng bào dân tộc sinh sống, gồm; dân tộc Kinh, Hoa, Khơme và các dân tộc khác. Trong đó dân tộc kinh chiếm phần lớn trên 97% dân số của huyện, các dân tộc nói chung đã hoà nhập thành một cộng đồng dân cư đoàn kết, gắn bó, thương yêu giúp đỡ lẫn nhau. Mỗi dân tộc đều mộ đạo và có tâm linh tín ngưỡng riêng, đặc thù cho dân tộc mình. Nhìn chung tất cả đều có chung mục đích là sống tốt đời, đẹp đạo, các hoạt động của các tổ chức tôn giáo đều tuân thủ theo quy định của Pháp luật.

2.1.3. Phân tích hiện trạng môi trường

Thoại Sơn là vùng đất bán sơn địa của tỉnh An Giang, huyện có cảnh quan khá đặc biệt, vừa có đồng bằng vừa có đồi núi. Diện tích độ che phủ chiếm trên 3% tổng diện tích tự nhiên. Trong những năm qua, môi trường Thoại Sơn chịu không ít những sức ép từ việc phát triển kinh tế - xã hội, mặc dù hiện tại chưa có dấu hiệu ô nhiễm nghiêm trọng, nhưng với những gì đang diễn ra địa phương đang đứng trước những nguy cơ tiềm ẩn về sự ô nhiễm môi trường. Cụ thể là sự tập trung, gia tăng dân số sẽ làm cho lượng rác thải và nước thải ngày càng nhiều hơn; tốc độ đô thị hoá, phương tiện lưu thông ngày càng phát triển trong khi người dân phần lớn chưa ý thức được việc bảo vệ môi trường; quá trình phát triển và mở rộng các khu và cụm công nghiệp, đặc biệt là các nhà máy chế biến nông sản, công ty may mặc... việc nuôi trồng thủy sản ao, hầm với lượng thức ăn dư thừa và tồn dư thuốc bảo vệ thực vật; việc canh tác nông nghiệp lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật; một lượng nước không nhỏ sau những cơn mưa lớn kéo theo cặn bả, rác thải chứa nhiều tạp chất, vi khuẩn gây hại chảy vào sông, kênh, rạch,... Các tiến trình trên sẽ là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự mất cân bằng sinh thái và là nguy cơ làm cho môi trường của huyện bị ô nhiễm nghiêm trọng, nếu trong tương lai địa phương không có biện pháp khắc phục.

a) Môi trường không khí

Môi trường không khí trên địa bàn huyện chưa có dấu hiệu ô nhiễm, kết quả quan trắc các chỉ tiêu như: TSP, NO₂, SO₂, CO,... vẫn còn nằm trong giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về không khí xung quanh (QCVN 05:2013/BTNMT) và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (Thông tư 26/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016).

b) Môi trường nước

- **Nước mặt:** kết quả quan trắc cho thấy môi trường nước mặt trên địa bàn huyện đã bị ô nhiễm (các chỉ tiêu như Fe, N-NH₄⁺, N-NO₂⁻, TSS, P-PO₄³⁻,

BOD₅, COD, Coliforms đã vượt mức cho phép của QCVN 08:2015/BTNMT), nhất là tại các kênh, rạch thuộc khu vực đông dân cư và các điểm chợ. Trong đó, các nguồn gây ô nhiễm chủ yếu là nước thải từ nuôi trồng thủy sản chưa được xử lý, lắng đọng trước khi thải ra sông, kênh rạch; nước thải từ các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp, nước thải sinh hoạt của người dân; phân bón và thuốc trừ sâu trong sản xuất nông nghiệp hòa tan vào nguồn nước mặt và lan truyền trên diện rộng...v.v.

- **Nước dưới đất:** nguồn nước trên địa bàn đã có hiện tượng ô nhiễm, kết quả quan trắc được thực hiện tại 03 tầng chứa nước như: tầng Pleistocen giữa – trên; tầng Pleistocen trên và tầng Holocen, có một số chỉ tiêu như N-NH₃, Ca²⁺, Mg²⁺, COD một số nơi đã vượt mức cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ngầm (QCVN 09:2015/BTNMT). Trong đó, nguyên nhân chính là do nước bị nhiễm hóa chất trong sản xuất nông nghiệp; sự xáo trộn mực nước, hoặc do khai thác sử dụng nước dưới đất không đúng kỹ thuật hoặc các lỗ khoan không sử dụng, hư hỏng không được trám lấp đã gây ô nhiễm làm giảm chất lượng nguồn nước.

c) Môi trường đất

Nguồn ô nhiễm đất và suy thoái đất chủ yếu là do chất thải phát sinh từ các hoạt động của con người trong quá trình sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, thương mại – dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp và sinh hoạt. Kết quả quan trắc các chỉ tiêu đo được còn nằm trong giới hạn cho phép, nên môi trường đất trên địa bàn chưa bị ô nhiễm. Tuy nhiên, các chỉ tiêu quan trắc có xu hướng tăng qua từng năm, năm sau cao hơn năm trước. Vì vậy, trong quá trình phát triển cần có chiến lược bảo vệ môi trường đất mang tính bền vững, lâu dài ngay từ lúc đất còn chưa có dấu hiệu ô nhiễm.

2.1.4. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, tài nguyên

Điều kiện đất đai thổ nhưỡng thuận lợi cho phát triển nền nông nghiệp phát triển ổn định, giá trị sản xuất đứng hai (sau Chợ Mới) trong 11 huyện, thị, thành của tỉnh An Giang;

Có địa hình đa dạng, kết hợp cả đồi núi và đồng bằng, tài nguyên đất khá phong phú, khí hậu tương đối hài hòa, đa phần thích nghi với nhiều loại cây trồng nên rất thuận lợi cho việc phát triển ngành nông nghiệp.

Có nền di tích lịch sử Óc Eo là điều kiện thuận lợi để huyện phát huy các ngành thuộc lĩnh vực nông nghiệp, thương mại - dịch vụ và du lịch.

Huyện Thoại Sơn nằm tiếp giáp với thành phố Long Xuyên, có tỉnh lộ 943 và kênh Rạch Giá - Long Xuyên chảy qua. Đây là tuyến giao thông thủy, bộ huyết mạch, là cầu nối với các huyện khác trong tỉnh cũng như tỉnh khác, là lợi thế quan trọng để huyện phát triển toàn diện kinh tế - xã hội, mà đáng chú ý là tiềm năng về lĩnh vực thương mại – dịch vụ, góp phần đưa huyện Thoại Sơn trở thành một trong những huyện trọng điểm của tỉnh.

Cơ sở hạ tầng và các công trình công cộng phục vụ an sinh xã hội được địa phương quan tâm đầu tư, công tác quản lý xây dựng và quy hoạch đúng hướng, nhằm phát triển hoàn thiện dần trên tất cả các lĩnh vực và phương diện. Năm qua, huyện duy trì ổn định sản xuất nông nghiệp và các hoạt động sản xuất kinh doanh thương mại dịch vụ - du lịch, tạo sự ổn định trong nền kinh tế của huyện.

Tinh thần đoàn kết, thống nhất cao trong nhân dân là điểm mạnh của huyện, các phong trào xây dựng nông thôn mới và xã hội hóa được triển khai thực hiện tốt. Thời gian qua rất nhiều công trình được thực hiện dựa trên nguồn kinh phí do dân đóng góp, là một trong những huyện đi đầu trong công tác huy động nguồn lực từ xã hội hóa xây dựng nông thôn mới. Nguồn lao động dồi dào có trên 65% số người trong độ tuổi lao động. Đây là điều kiện rất quan trọng trong việc đầu tư thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn huyện.

2.1.5. Đánh giá chung về thực trạng môi trường

Môi trường sinh thái ở Thoại Sơn ngày càng chịu nhiều sức ép từ phát triển kinh tế, gia tăng dân số, đô thị hóa, phát triển công nghiệp và nông nghiệp. Các chất ô nhiễm có nguồn gốc từ chất thải công nghiệp, sinh hoạt và đặc biệt là từ hoạt động sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản có chiều hướng tăng nhanh.

Trong những năm gần đây tốc độ phát triển đô thị cũng như hiện đại hóa trên địa bàn diễn ra nhanh chóng; trong khi đó, các công trình hạ tầng kỹ thuật như giao thông, cấp điện, cấp thoát nước, xử lý nước thải, thu gom và xử lý rác thải... không đủ khả năng đáp ứng với yêu cầu phát triển đô thị. Do nguồn vốn ngân sách có hạn, nên việc đầu tư cho lĩnh vực này còn khiêm tốn, vì vậy môi trường và mỹ quan đô thị đang có dấu hiệu xuống cấp; đặc biệt là vấn đề về thoát nước, rác thải có nguy cơ ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống và sức khỏe của người dân.

Đã xuất hiện tình trạng suy thoái môi trường không khí ở các đô thị và các khu vực tập trung các cơ sở sản xuất; ô nhiễm nguồn nước mặt làm giảm chất lượng nước cung cấp sinh hoạt và nuôi trồng thủy sản; suy giảm chất lượng môi

trường đất đang rõ nét ở các vùng đê bao; ô nhiễm do rác thải chưa có nơi xử lý hoặc chôn lấp đúng kỹ thuật.

Để khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường hiện nay, cần có giải pháp đồng bộ như xây dựng cơ sở hạ tầng, thực hiện các biện pháp xử lý nguồn nước, thu gom rác thải, phân loại và có cách xử lý đảm bảo vệ sinh; đồng thời, đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục người dân về trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ môi trường.

2.1.6. Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến việc sử dụng đất

Biến đổi khí hậu ngày một gia tăng là hiểm họa vô cùng lớn cho các sinh vật tồn tại trên trái đất do trái đất đang nóng dần lên. Sự biến đổi khí hậu diễn ra trên toàn cầu, trong các khu vực, bao gồm cả các thay đổi trong thành phần hóa học của khí quyển, biến đổi nhiệt độ bề mặt, nước biển dâng cao, các hiện tượng khí hậu cực đoan và thiên tai tăng lên đáng kể về cả số lượng và cường độ.

Đất đai vốn đã bị thoái hóa do quá lạm dụng phân vô cơ, hiện tượng khô hạn, rửa trôi do mưa tăng dẫn tới tình trạng thoái hóa đất trầm trọng hơn ở một số địa phương. Tài nguyên nước cũng biến động mạnh gây ảnh hưởng đến việc trữ nước và cấp nước. Nhiều năm qua, sâu hại và dịch bệnh xảy ra liên tục và lan rộng đã ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của cây trồng.

Bên cạnh đó, lượng mưa hàng năm biến động thất thường, tập trung nhiều vào mùa mưa. Trong mùa khô, lượng mưa tăng - giảm không rõ rệt, có xu hướng giảm nhiều hơn. Cường độ mưa, với những đợt mưa lớn nhiều hơn, dẫn đến ngập cục bộ tăng, nhất là khu vực đô thị. Các đợt không mưa kết hợp nắng nóng, hạn trong mùa khô, thậm chí ngay cả trong mùa mưa cũng xảy ra nhiều hơn.

Những tác động do biến đổi khí hậu nêu trên sẽ ảnh hưởng nặng nề đến đời sống và sức khỏe con người, đến phát triển kinh tế xã hội, uy hiếp sự phát triển bền vững của Thoại Sơn nói riêng, tỉnh An Giang nói chung. Diện tích đất có nguy cơ bị bạc màu, thoái hóa ngày càng tăng.

Theo kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng năm 2016, An Giang đã, đang và sẽ chịu tác động mạnh của biến đổi khí hậu và có nguy cơ bị ngập rất cao do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu. Khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long, nếu mực nước biển dâng 100 cm, sẽ có khoảng 38,90% diện tích đất toàn vùng có nguy cơ bị ngập. Trong đó, tỉnh An Giang có khoảng 1,82% diện tích có nguy cơ bị ngập và huyện Thoại Sơn có nguy cơ bị ngập là (8,75%).

Bảng 5. Nguy cơ ngập đối với tỉnh An Giang

STT	Đơn vị hành chính	Dự tích tự nhiên năm 2015	Nguy cơ ngập (% DTTN) ứng với các mực nước biển dâng					
			50 cm	60 cm	70 cm	80 cm	90 cm	100 cm
	Toàn tỉnh	353.668	0,08	0,16	0,29	0,49	0,9	1,82
1	TP Long Xuyên	11.536	0,3	0,95	1,87	2,42	3,11	3,32
2	TP Châu Đốc	10.523	kđk	kđk	0,03	0,16	0,39	0,76
3	TX Tân Châu	17.644	0,43	0,75	0,97	1,21	1,44	1,61
4	An Phú	22.617	0,25	0,64	0,17	2,12	3,05	4,78
5	Châu Phú	45.071	kđk	kđk	0,01	0,02	0,06	0,09
6	Châu Thành	35.483	0,01	0,02	0,05	0,11	0,23	0,63
7	Tri Tôn	60.024	0,06	0,09	0,12	0,18	0,27	0,47
8	Tịnh Biên	35.468	kđk	kđk	kđk	kđk	0,02	0,11
9	Phú Tân	31.314	0,05	0,18	0,35	0,52	0,86	1,02
10	Chợ Mới	36.906	0,1	0,13	0,23	0,41	0,5	0,59
11	Thoại Sơn	47.082	0,01	0,04	0,16	0,63	2,45	8,75

Nguồn: Điều chỉnh QHSDD đến năm 2020 tỉnh An Giang; Kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng cho Việt Nam năm 2016; kđk = không đáng kể

Trước tình hình đó, thời gian qua huyện Thoại Sơn đã có những hoạt động thích ứng và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, như: gia tăng cây xanh trong khu dân cư; Phát triển chăn nuôi theo hướng tập trung và hộ gia đình; Đẩy mạnh cơ chế phát triển sạch, bảo vệ giống cây trồng, chuyển đổi cơ cấu giống, cây trồng, vật nuôi... Chú trọng xử lý ô nhiễm môi trường triệt để nhằm giảm thiểu thiệt hại do thiên tai.

2.2. Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

2.2.1. Tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Thời gian qua, Thoại Sơn đã đoàn kết, năng động, sáng tạo thực hiện nhiều chủ trương phù hợp với tình hình thực tế, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, góp phần đưa diện mạo nông thôn có nhiều khởi sắc, đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng lên.

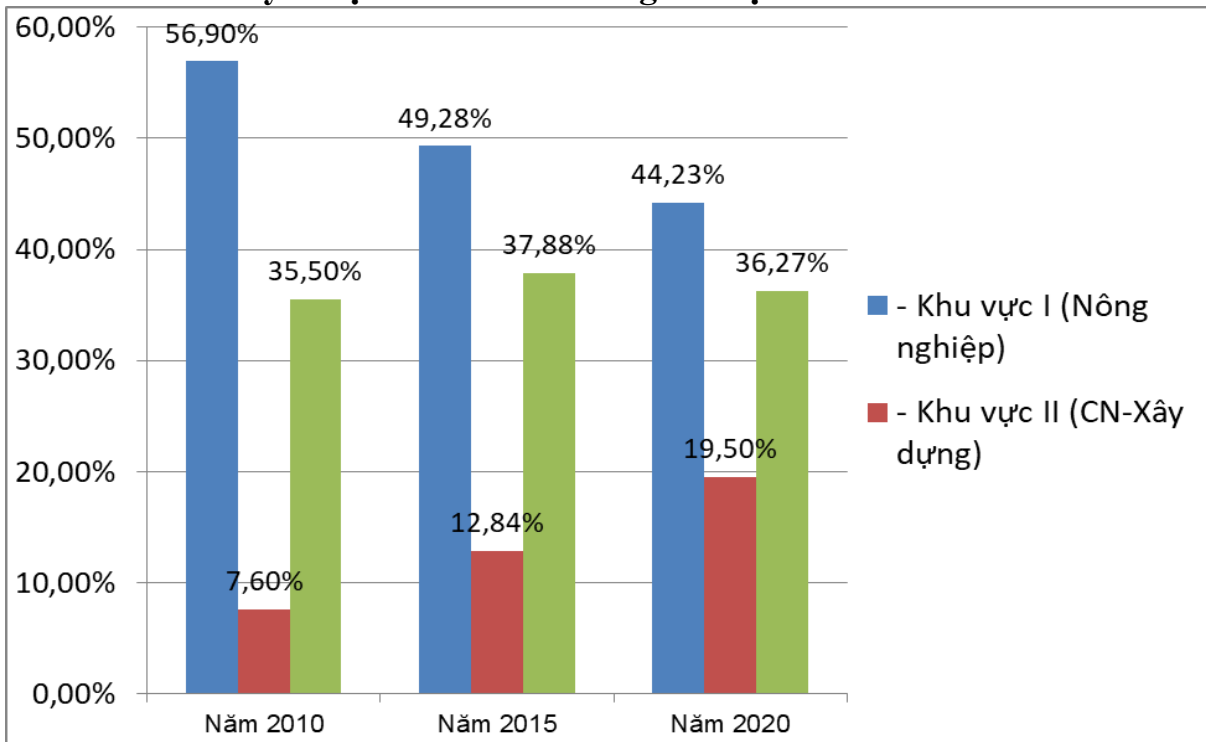
Tốc độ tăng trưởng của huyện bình quân hàng năm giai đoạn 2015-2020 là 10,07%. Thu nhập bình quân đầu người của huyện tăng từ mức 31,8 triệu đồng/người/năm đầu nhiệm kỳ (2015) lên đạt mức 54 triệu đồng/người/năm vào

năm 2020, tăng gần 70% so với kỳ trước. Đây là thành quả nổi bật, là kết quả tổng hợp của việc thực hiện có hiệu quả, đồng bộ nhiều giải pháp mang tính toàn diện, áp dụng rộng rãi khoa học kỹ thuật vào sản xuất, góp phần tăng năng suất, chất lượng, giảm chi phí sản xuất, từng bước đưa sản xuất nông nghiệp huyện theo chiều sâu, hướng vào chuỗi giá trị đến đây mạnh kêu gọi, thu hút đầu tư phát triển nông nghiệp, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, Thương mại - Dịch vụ - Du lịch, tăng cường đào tạo nghề, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người dân; đồng thời huy động các nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, chăm lo đời sống người dân và đảm bảo an sinh xã hội.

STT	Diễn giải	ĐVT	Năm 2010	Năm 2015	Năm 2020
	Cơ cấu kinh tế (Giá thực tế)		100%	100%	100%
1	- Khu vực I (Nông nghiệp)	%	56,9	49,28	44,23
2	- Khu vực II (CN-Xây dựng)	%	7,6	12,84	19,50
3	- Khu vực III (Thương mại-DV)	%	35,5	37,88	36,27

(Nguồn: Niên giám thống kê và báo cáo phát triển KTXH Thoại Sơn)

Biểu đồ chuyển dịch cơ cấu kinh tế giai đoạn 2010-2020



Nhìn chung, qua các giai đoạn từ năm 2010-2015 và giai đoạn từ năm 2015 – 2020, cơ cấu kinh tế của huyện luôn có những chuyển biến tích cực, tuy có những biến đổi thăng trầm, có lúc tăng, lúc giảm nhưng điểm nổi bật nhất là cơ cấu kinh tế nông nghiệp luôn có chiều hướng giảm, thay vào đó là sự tăng trưởng mạnh của khu vực II và khu vực III. Cùng với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, các thành phần kinh tế cũng có bước chuyển dịch tích cực, kinh tế hợp tác xã và cá thể phát triển nhanh, đã từng bước khai thác được tiềm năng và thế mạnh, xuất hiện nhiều cơ sở sản xuất kinh doanh, nhiều cá nhân thành đạt, góp phần không nhỏ vào sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của huyện.

Qua đánh giá tình hình phát triển kinh tế các năm cho thấy, xu hướng phát triển khu vực dịch vụ ngày càng tăng, đòi hỏi phải đầu tư kết cấu hạ tầng hoàn chỉnh để phục vụ cho việc mở rộng và nâng cao chất lượng hoạt động thương mại, dịch vụ và du lịch. Điều đó cho thấy nhu cầu diện tích đất chu chuyển cho việc đầu tư cơ sở hạ tầng sẽ tăng lên. Ngoài ra, diện tích đất nông nghiệp sẽ có xu hướng giảm để chu chuyển cho mục đích sử dụng khác nên yêu cầu về việc đầu tư, áp dụng khoa học kỹ thuật, chuyển đổi cơ cấu cây trồng và vật nuôi là cấp thiết để duy trì sản lượng và chất lượng nông sản cũng như phát triển rừng đồi núi.

2.2.2. Phân tích thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Khu vực kinh tế nông nghiệp

Những năm gần đây, huyện Thoại Sơn là một trong những huyện đi đầu của tỉnh về ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trong sản xuất. Cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn đã có bước chuyển dịch tích cực theo hướng đẩy mạnh sản xuất các loại giống nông sản có nhu cầu thị trường và có giá trị kinh tế cao. Sản xuất nông nghiệp chủ yếu là trồng lúa 03 vụ/năm, chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản. Tập trung phát triển nông nghiệp theo hướng chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, sản xuất gắn với thị trường tiêu thụ, chú trọng phát triển chiều sâu, tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh để xây dựng một nền nông nghiệp sản xuất hàng hoá mang tính chất công nghiệp, phát triển ổn định và bền vững. Tổng giá trị sản xuất của ngành nông lâm, thủy sản đạt trên 8.118 tỷ đồng (giá thực tế).

Trồng trọt: Trong năm, toàn huyện đã xuống giống lúa được 115.904 ha, vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra, năng suất bình quân đạt 6,5 tấn/ha, sản lượng lúa cả năm đạt 747.795 tấn. Để đạt được kết quả trên, huyện đã tích cực triển khai thực

hiện chương trình 3 giảm, 3 tăng, 1 phải 5 giảm, ký kết hợp đồng bao tiêu sản phẩm gần 5.000 ha.

Để nâng cao giá trị kinh tế trên cùng một đơn vị diện tích đất canh tác, huyện đã chủ trương vận động người dân chuyển đất lúa sản xuất kém hiệu quả sang trồng cây ăn trái với tổng diện tích gần 500 ha từ đất lúa kém hiệu quả và cải tạo vườn tạp sang trồng cây ăn trái. Đến nay, có khoảng 100 ha đã cho thu hoạch gồm các loại: Cam, bưởi, quýt, ổi, chanh...

Về cây màu đã trồng được 1.066 ha, đạt 107% kế hoạch, lợi nhuận bình quân 40 triệu đồng/ha/vụ. Ngoài ra, để tận dụng đất cặp vành đai núi Ba Thê, huyện đã tiến hành khảo sát đề qui hoạch vùng trồng màu và cây dược liệu.

Bảng 6. Tổng hợp Diện tích gieo trồng, năng suất, sản lượng cây hàng năm giai đoạn 2011 - 2020

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2011	Giai đoạn 2015 - 2020					
			Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1. Cây lương thực có hạt								
a. Cây lúa								
- Diện tích	ha	106.203	113.199	114.629	115.780	114.752	114.684	115.643
- Năng suất	Tạ/ha	65,18	66,48	62,64	63,36	65,08	65,38	64,62
- Sản lượng	tấn	692.259	752.521	717.980	733.552	746.766	749.795	717.980
b. Cây bắp								
- Diện tích	ha	120	126	106	119	113	156	106
- Năng suất	Tạ/ha	37,37	38,62	40,06	36,61	41,51	42,47	40,06
- Sản lượng	tấn	389	423	351	435	469	663	351
2. Cây thực phẩm								
a. Rau dưa								
- Diện tích	ha	688	645	630	612	674	750	645
- Năng suất	Tạ/ha	161,03	162,11	182,23	204,45	192	168,48	162,30
- Sản lượng	tấn	11.081	10.427	11.487	12.519	12.931	12.630	11.437
b. Đậu xanh								
- Diện tích	ha	38	23	17	11	6	7	22
- Năng suất	Tạ/ha	16,66	17,63	19,66	17,93	17,64	14,89	15,93
- Sản lượng	tấn	63	42	34	20	10	11	32
3. Cây CN ngắn ngày								
a. Cây đậu nành								
- Diện tích	ha	38	23	17	11	6	7	33
- Năng suất	Tạ/ha	16,66	111,6	114,68	102,65	91,37	114,25	110,6
- Sản lượng	tấn	63	42	34	20	10	11	44
b. Cây lạc (đậu phộng)								

*Báo cáo thuyết minh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030
và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Thoại Sơn - tỉnh An Giang*

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2011	Giai đoạn 2015 - 2020					
			Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
- Diện tích	ha	18	9	13	9	7	4	13
- Năng suất	Tạ/ha	23,4	27,68	34,88	31,91	31,69	27,36	34,88
- Sản lượng	tấn	42	25	45	30	21	11	45
c. Cây khoai sọ (khoai cao)								
- Diện tích	ha	-	5	11	22	12	-	18
- Năng suất	Tạ/ha	-	146,08	149,23	150,89	151,72	-	120,89
- Sản lượng	tấn	-	76	160	338	176	-	278

(Nguồn: Niên giám thống kê và báo cáo phát triển kinh tế xã hội huyện Thoại Sơn)

- Chăn nuôi: Việc chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản, do biến động về giá cả, chi phí mua con giống và thuốc phòng trị bệnh tăng cao, người nông dân chỉ nuôi nhỏ lẻ, số lượng con nuôi biến động lớn. Sản lượng gia súc, gia cầm xuất chuồng khoảng 3.000 tấn thịt, lợi nhuận thu được hàng trăm tỷ đồng

Bảng 7. Tổng hợp tình hình chăn nuôi gia súc, gia cầm giai đoạn 2011 - 2020

Đơn vị tính: con

Loại hình	Năm 2011	Giai đoạn 2015 - 2020					
		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1. Gia súc							
- Đàn Trâu	509	150	55	47	36	43	49
- Đàn Bò	1.139	4.158	3.101	2.141	2.053	1.997	1.997
- Đàn Heo	30.416	13.249	17.452	13.920	13.805	7.506	7.206
2. Gia cầm	437.779	405.036	475.050	413.814	433.570	497.366	597.366

(Nguồn: Niên giám thống kê & báo cáo phát triển KTXH Thoại Sơn)

- Lĩnh vực thủy sản: Nuôi trồng thủy sản cũng chiếm vị trí quan trọng trong khu vực kinh tế nông nghiệp trên địa bàn huyện Thoại Sơn. Trong đó, mô hình kết hợp nuôi cá tôm trên ruộng lúa đã đem lại hiệu quả kinh tế cao. Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản trong năm đạt khoảng 507,33 ha, sản lượng đạt trên 41.000 tấn. Tận dụng mặt nước ao, mương để nuôi trồng thủy sản, trong đó diện tích nuôi ao hầm có khoảng 198 ha, còn lại là diện tích nuôi chân ruộng, tập trung chủ yếu là nuôi cá tra, nuôi tôm càng xanh... tập trung ở xã Phú Thuận, Vĩnh Chánh, Vĩnh Khánh, Vĩnh Trạch và thị trấn Phú Hoà.

Nhìn chung, hoạt động sản xuất ngành thủy sản còn phụ thuộc nhiều vào biến động của thị trường. Gần đây do giá cả đầu vào tăng, giá đầu ra giảm mạnh, thị trường tiêu thụ không ổn định, thu nhập của nhiều hộ khá bấp bênh. Bên

cạnh đó, do ảnh hưởng của môi trường, nguồn nước và dịch bệnh nên tỷ lệ rủi ro trong nuôi trồng thủy sản còn khá cao. Ngành cần tiếp tục đẩy mạnh công tác quan trắc môi trường, công tác khuyến ngư, nghiên cứu chuyên giao ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào lĩnh vực nuôi trồng và sản xuất giống thủy sản. Đồng thời cần nhanh chóng xử lý, ứng cứu kịp thời với những diễn biến xấu về môi trường và dịch bệnh.

Bảng 8. Tổng hợp tình hình nuôi và đánh bắt thủy sản giai đoạn 2011 – 2020

Loại hình	Đơn vị tính	Năm 2011	Giai đoạn 2015 - 2020					
			Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
- Cá	ha	171,4		199,66	151,39	260	213,54	198,55
<i>Trong đó: cá tra, basa</i>		92,1		145,16	103,04	148,37	127,71	117,26
- Cá giống	ha	34,6		43,05	75,92	175,42	272,53	252,23
- Tôm	ha	374,04		172,4	62,3	114,35	19	19
- Thủy sản khác	ha	40,7		4,58	1,84	3,93	2,26	2,20

(Nguồn: Niên giám thống kê và báo cáo phát triển KTXH huyện Thoại Sơn)

- Lĩnh vực lâm nghiệp: Đất lâm nghiệp của huyện Thoại Sơn có diện tích 182,86 ha rừng đặc dụng và rừng phòng hộ, tập trung chủ yếu ở thị trấn Núi Sập và Óc Eo, có tiềm năng rất lớn về phát triển du lịch sinh thái, với khoảng 160.000 cây bạch đàn, 26.000 cây tre, trúc, tầm vông, 7.000 cây đặc sản (tre mạnh tông, tre tàu); 27.000 cây lâm nghiệp khác.

Nhìn chung, giá trị đóng góp của ngành lâm nghiệp trong khu vực kinh tế nông nghiệp là không đáng kể. Tuy nhiên tiềm năng khai thác để phát triển du lịch sinh thái sẽ có ý nghĩa thiết thực và giá trị hơn so với việc kinh doanh lâm nghiệp, vì vừa góp phần bảo vệ được hệ sinh thái, cảnh quan của địa phương vừa đem lại thu nhập cho huyện.

b) Khu vực kinh tế công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - xây dựng

Trong năm 2020, huyện đã phát triển mới 40 cơ sở kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp, hoàn thành 100% kế hoạch đề ra. Hiện tại trên địa bàn huyện có cụm công nghiệp Phú Hoà hoạt động tương đối ổn định, trong đó Công ty Thái Bình có 2 cơ sở sản xuất túi xách và giày dép hoạt động khá hiệu quả, đã giải quyết việc làm cho gần 4.000 lao động. Tại cụm công nghiệp Phú Hoà, một số cơ sở đang chuẩn bị đầu tư phát triển, cụ thể như: Công ty Thái Bình đang xúc tiến xây dựng thêm cơ sở số 3, Công ty Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu An Mỹ đang trong quá trình đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất thuốc thú y thủy sản.

Tính theo giá hiện hành, trong năm 2019 giá trị sản xuất ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của huyện đạt 4.121.562 triệu đồng, vượt chỉ tiêu kế hoạch huyện đề ra.

Trong thời gian qua, huyện Thoại Sơn đã và đang tập trung đầu tư các ngành công nghiệp mũi nhọn như: chế biến lương thực, thực phẩm, cơ khí, vật liệu xây dựng, mở ra các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, phát triển các dịch vụ công nghiệp phục vụ cho nông nghiệp, nhất là công nghệ sau thu hoạch, các nguyên liệu từ nông, thủy sản qua chế biến để tăng thêm giá trị hàng hóa nông sản. Bên cạnh đó, huyện đã quy hoạch, sắp xếp các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp để tạo ra sản phẩm chất lượng cao, tăng sức cạnh tranh trên thị trường. Trước mắt, huyện sẽ đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Phú Hòa, đẩy mạnh chương trình khuyến công, tiếp tục cải cách các thủ tục hành chính, chứng nhận ưu đãi đầu tư, vay vốn ngân hàng... tạo điều kiện thuận lợi nhất để mời gọi các nhà đầu tư, các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh đến đầu tư phát triển sản xuất.

Tỷ trọng của ngành công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 7,6% trong tổng giá trị kinh tế tăng thêm của huyện. Tổng giá trị tăng thêm ngành công nghiệp - xây dựng của huyện có quy mô nhỏ, nhưng có xu hướng tăng nhanh qua các năm. Nhịp độ tăng trưởng của toàn ngành luôn cao hơn mức tăng chung của toàn bộ nền kinh tế; Ước giá trị sản xuất ngành công nghiệp đạt 4.124 tỷ đồng (theo giá thực tế).

Số lao động ngành công nghiệp - tiểu công nghiệp có 8.000 lao động, với tổng số 268 doanh nghiệp. Bình quân 1 cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp sử dụng khoảng 30 lao động. Ngoài ra có khoảng 9.088 cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể trên địa bàn với hơn 18.000 lao động tham gia. Ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp của huyện phần lớn tập trung chủ yếu ở thị trấn Núi Sập, thị trấn Phú Hòa, thị trấn Óc Eo, xã Vĩnh Trạch, Vĩnh Phú, Định Thành, Định Mỹ, Thoại Giang và xã Vọng Đông. Tổng số các cơ sở và lao động sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp ở các thị trấn, xã này chiếm khoảng 76 - 85% tổng cơ sở và lao động công nghiệp của huyện. Các sản phẩm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp chủ yếu đáp ứng nhu cầu của người dân trên địa bàn Huyện. Trong thời gian qua, các sản phẩm công nghiệp có xu hướng gia tăng về số lượng và từng bước được đầu tư nâng cao về chất lượng, mẫu mã nhằm nâng cao sức cạnh tranh và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường. Một số sản phẩm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp chủ yếu của huyện như:

quần áo may sẵn, gỗ xẻ, gạch nung, cửa sắt các loại, nông cụ cầm tay, đóng ghe xuồng, trung đại tu ô tô, nước đá... Bên cạnh đó, những ngành nghề truyền thống cũng được khôi phục và phát triển với một số sản phẩm như: Cơ sở làm tranh lá thốt lốt, cơ sở đá thủ công mỹ nghệ, làng nghề bó chổi cọng dừa ở xã Vĩnh Chánh, cơ sở sản xuất rượu ở xã Vọng Đông, khô cá lóc ở thị trấn Núi Sập... Tập trung đầu tư các công trình xây dựng cơ bản theo kế hoạch được duyệt, nhất là các công trình phục vụ cho xây dựng nông thôn mới và nâng cấp thị trấn Núi Sập và thị trấn Phú Hòa thành đô thị loại IV.

Nhìn chung, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp của huyện tập trung chủ yếu ở ngành công nghiệp chế biến, sản phẩm tương đối đa dạng, đáp ứng được yêu cầu tiêu dùng của người dân địa phương và có hướng đến xuất khẩu. Tuy nhiên, các cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn chủ yếu có quy mô nhỏ, chưa tập trung, khả năng liên kết để mở rộng quy mô sản xuất và thị trường tiêu thụ (đặc biệt là thị trường xuất khẩu) còn nhiều hạn chế. Lao động phần lớn chưa được đào tạo tại các trung tâm hay trường dạy nghề mà chỉ làm theo kinh nghiệm hoặc truyền nghề tại chỗ nên năng suất lao động chưa cao, ý thức kỹ thuật về an toàn lao động của người lao động còn thấp. Dù ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đã có bước phát triển mạnh trong những năm gần đây nhưng mức đóng góp vào nền kinh tế của huyện nói riêng và ngành công nghiệp của tỉnh An Giang nói chung còn thấp.

c) Khu vực kinh tế Thương mại - dịch vụ

Trong những năm gần đây, tăng trưởng thương mại của huyện chủ yếu hoạt động nội thương, sức mua của người dân có xu hướng ngày càng gia tăng. Hàng hóa trên thị trường ngày càng dồi dào và đa dạng, thỏa mãn nhu cầu người tiêu dùng, không còn tình trạng khan hiếm hàng hay tăng giá đột biến. Kết cấu hạ tầng kỹ thuật và tài chính phát triển tương đối đồng bộ góp phần cho hệ thống mạng lưới thương mại, dịch vụ phát triển, đảm bảo điều tiết và phân phối hàng hóa đến người tiêu dùng trên địa bàn.

Thoại Sơn đã tập trung đa dạng hóa các ngành dịch vụ, phát triển tổng hợp các loại hình, nhất là phát triển mạnh dịch vụ ở nông thôn, dịch vụ gia đình và dịch vụ vãng lai. Đồng thời đầu tư nâng cấp mạng lưới tiêu thụ ở các chợ, khai thác lợi thế về vị trí của địa phương trong mối quan hệ mở rộng kinh tế giao lưu hàng hóa đến các khu vực lân cận, tuyến du lịch đi qua để lập dự án hình thành các trung tâm thương mại phục vụ khách du lịch tham quan mua sắm và đáp ứng

nhu cầu của người lao động trong khu công nghiệp. Trong đó đáng chú trọng nhất ở một số lĩnh vực như sau:

c1) Thương mại

Mạng lưới kinh doanh thương mại - dịch vụ những năm qua có chiều hướng giảm, song vẫn còn chiếm tỷ trọng cao trong nền kinh tế. Giai đoạn từ 2015-2020, giảm từ 37,88% xuống còn 36,27% do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh. Tổng số cơ sở kinh doanh thương mại có khoảng 7.200 cơ sở. Trong đó, số cơ sở là doanh nghiệp chỉ chiếm khoảng 0,5% trên tổng số cơ sở. Phần lớn trên địa bàn huyện là những hộ kinh doanh thương mại dịch vụ cá thể. Trung bình có khoảng 2,3 lao động/cơ sở. Tổng mức bán lẻ hàng hóa chiếm khoảng 3 - 5% của toàn tỉnh, đạt khoảng 8.607 tỷ đồng trong năm.

Trong những năm gần đây, tăng trưởng thương mại của huyện chủ yếu hoạt động nội thương, sức mua của người dân có xu hướng ngày càng gia tăng. Hàng hóa trên thị trường ngày càng dồi dào và đa dạng, thỏa mãn nhu cầu người tiêu dùng, không còn tình trạng khan hiếm hàng hay tăng giá đột biến. Kết cấu hạ tầng kỹ thuật và tài chính phát triển tương đối đồng bộ góp phần cho hệ thống mạng lưới thương mại, dịch vụ phát triển, đảm bảo điều tiết và phân phối hàng hóa đến người tiêu dùng trên địa bàn.

Về xuất khẩu, huyện Thoại Sơn nói riêng và tỉnh An Giang nói chung vẫn đang phát huy thế mạnh với hai mặt hàng xuất khẩu chủ lực là gạo và thủy sản. Tuy nhiên, do huyện là vùng nguyên liệu, nông sản thường được vận chuyển lên tuyến trên, cho nên giá trị xuất khẩu của huyện không cao.

Nhìn chung, mạng lưới kinh doanh thương mại - dịch vụ trên địa bàn huyện còn tương đối nhỏ, quy mô giá trị còn khiêm tốn. Tuy nhiên, về cơ bản đã phần nào đáp ứng được yêu cầu mua bán vật tư, hàng hoá và tiêu thụ sản phẩm.

c2) Ngành du lịch

Thoại Sơn là địa phương nằm trong tuyến du lịch khép của tỉnh (Thoại Sơn - Long Xuyên - Châu Đốc - Tịnh Biên - Tri Tôn - Thoại Sơn), với nhiều di tích tham quan khá nổi tiếng. Hiện nay, huyện đã và đang xây dựng nhằm đưa vào khai thác khu du lịch Núi Sập và khu di tích lịch sử văn hóa Óc Eo. Đây là những khu du lịch có tính đặc thù riêng, nếu được đầu tư đúng mức và có sự liên hợp trong quần thể Thất Sơn, kết nối tour mang tính chiều sâu thì du lịch Thoại Sơn sẽ phát triển ổn định và xứng tầm với tiềm năng hiện có của huyện.

Huyện Thoại Sơn có nhiều đặc điểm riêng đặc sắc, núi rừng nằm giữa đồng bằng mênh mông sông nước, đã tạo ra nhiều cảnh quan kỳ thú, riêng có của huyện, là điều kiện thuận lợi phát triển du lịch. Một số khu du lịch nổi tiếng của huyện như sau:

- Khu di chỉ Óc Eo:

Nằm tại thị trấn Óc Eo, khu di chỉ Óc Eo là khu di tích rộng lớn gắn liền với những vết tích vật chất của vương quốc Phù Nam.

Hiện nay, Óc Eo đã đầu tư cơ sở hạ tầng cho khu khai quật Nam Linh Sơn Tự, Gò Cây thị, nhà trưng bày cổ vật Óc Eo, vườn cây hang ông Hồ, chót ông Tà, Thạch Đại Đạo, chùa Sơn Tiên Tự, Bàn Chân Tiên...

- Khu du lịch núi Sập nằm tại thị trấn Núi Sập:

Đây là một trong những ngọn núi góp phần tạo thêm vẻ đẹp cho vùng Bảy Núi An Giang. Tuy không cao nhưng Núi Sập vẫn giữ được cho mình nét hoang dã bởi tán cây rừng bao phủ. Vẻ đẹp của Núi Sập còn được tôn lên nhờ Thiền Viện Trúc Lâm, hệ thống 3 hồ nước (hồ Ông Thoại, lòng hồ số 2 và hồ số 3), trong đó có 2 hồ thông nhau bằng các đường hầm xuyên núi: hồ số 2 và hồ số 3. Để tạo điểm nhấn cho cảnh quan, Ban quản lý khu du lịch Núi Sập đã dựng quanh hồ và các đảo nhỏ nhô lên mặt nước những tượng đá có hình nữ thần Siva, tháp Ponagar, tượng Linga bằng đá Ngũ Hành Sơn.

Việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển du lịch đã có bước chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, việc đầu tư phát triển du lịch còn thấp, chưa tương xứng tiềm năng; hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ du lịch còn thiếu và yếu. Cơ sở dịch vụ du lịch phát triển tự phát, hoạt động đơn điệu thiếu đồng bộ; phương tiện vận chuyển còn hạn chế; đội ngũ nhân viên phục vụ chưa chuyên nghiệp. Kỹ thuật khai thác du lịch yếu kém, chủ yếu đi dạo quanh khu thắng cảnh tự nhiên, chưa thu hút lôi cuốn khách du lịch từ những loại hình dịch vụ hỗ trợ khác như trò chơi, giải trí, nghỉ dưỡng... Do đó thu hút chủ yếu là khách du lịch nội địa, chưa lôi cuốn được khách quốc tế đến thăm quan, tìm hiểu về một trong ba nền văn hóa lớn của dân tộc Việt Nam đó là văn hóa Óc Eo.

d) Hoạt động dịch vụ vận tải

Hệ thống vận tải trên địa bàn huyện Thoại Sơn bao gồm bằng cả hai đường bộ và đường thủy. Nhu cầu vận chuyển hành khách và hàng hoá của dân cư khá nhộn nhịp. Số lượng phương tiện vận tải cả đường bộ và đường thủy đang từng bước được đổi mới và nâng cấp. Chất lượng vận tải đang ngày càng được hoàn

thiện, phục vụ tốt hơn cho sự nghiệp phát triển chung của nền kinh tế. Vận tải đường bộ đáp ứng phần lớn cho nhu cầu vận chuyển của hành khách. Trong khi đó vận tải đường thủy đáp ứng phần lớn cho nhu cầu vận chuyển hàng hóa nhằm giảm giá thành của sản phẩm.

Nhìn chung, khối lượng vận chuyển và khối lượng luân chuyển hành khách và hàng hoá trên địa bàn có chiều hướng tăng, theo kịp tốc độ phát triển của nền kinh tế. Do đó, về cơ bản ngành vận tải đã đáp ứng được yêu cầu phục vụ sản xuất và góp phần làm nâng cao đời sống nhân dân.

2.2.3. Phân tích tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất

a) Dân số

Theo niên giám thống kê, dân số toàn huyện có 163.335 người, mật độ dân số 347 người/km², với tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1,02%. Trong đó số dân thành thị là 40.947 người, chủ yếu tập trung tại 3 thị trấn, chiếm 25,07% dân số huyện, dân số nông thôn là 122.338 người, chiếm 74,93%.

Về cơ cấu dân số, tỷ lệ cơ cấu nam - nữ hiện nay là 1,01:1 với nam là 82.396 người (chiếm 50,44%) và nữ là 80.939 người (chiếm 49,56%). Tuổi thọ trung bình của dân số là 73,6 năm, trong đó nam là 71,1 năm và nữ là 76,2 năm.

Số người trong độ tuổi lao động của huyện chiếm khoảng 65% tổng dân số. Trong đó chủ yếu là hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp chiếm tỷ lệ tương đối cao.

Tỷ lệ tăng tự nhiên bình quân giai đoạn 2010 – 2020 giảm từ 1,16% xuống còn 1,10% (vẫn còn cao hơn so với bình quân của tỉnh là 0,92%).

Bảng 9. Dân số của huyện thời kỳ 2011 - 2020

Stt	Các hạng mục	Đơn vị tính	Năm 2010	Năm 2015	Năm 2020
1	Dân số trung bình	Người	179.008	170.261	163.335
2	<i>Dân số thành thị</i>	<i>Người</i>	<i>43.149</i>	<i>41.868</i>	<i>40.947</i>
3	Mật độ dân số trung bình	Người/km ²	386	347	333
4	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	1,16	1,10	1,02

(Nguồn: Niên giám thống kê huyện Thoại Sơn)

b) Lao động việc làm và thu nhập

Tổng sản phẩm bình quân đầu người của người dân sống trên địa bàn huyện Thoại Sơn (tính theo giá thực tế) ước đạt năm 2020 là 54 triệu đồng/người/người/năm tăng cao gấp 1,3 lần so với năm 2015 (41 triệu đồng/người/năm), và cao hơn thu nhập bình quân chung của tỉnh (với 39,27 triệu đồng). Thu nhập bình quân của huyện luôn tăng qua các năm và tuy có sự thu hẹp sự chênh lệch mức thu nhập giữa hộ giàu và hộ nghèo, nhưng vẫn còn ở mức cao, thu nhập bình quân khu vực nông thôn đạt 51,8 triệu đồng/người/năm.

Số người trong độ tuổi lao động của huyện chiếm trên 65% tổng dân số. Trong đó lao động chủ yếu là hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp chiếm tỷ lệ tương đối cao, còn lại phần lớn là thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng.

Năm 2020, huyện đã đào tạo được cho 1.681 lao động và đã giải quyết được khoảng 3.000 người có việc làm ổn định, vượt chỉ tiêu đề ra. Tính đến thời điểm hiện tại, huyện đã giảm số hộ nghèo xuống còn dưới 2%, vượt chỉ tiêu kế hoạch của huyện.

2.2.4. Phân tích thực trạng phát triển đô thị và khu dân cư nông thôn

Thoại Sơn là một trong những điểm dân cư được hình thành lâu đời của tỉnh An Giang, có từ thời của nền văn minh vương quốc Phù Nam. Trải qua những biến đổi của các hình thái xã hội cộng với những tập quán sinh sống của người dân đồng bằng sông nước Cửu Long, diện mạo dân cư của huyện phân bố chủ yếu ở 2 dạng chính đó là: (1) dạng tập trung thành cụm điểm bao gồm các đô thị (thị tứ), các trung tâm xã, các làng xóm, (2) dạng tuyến phân bố tập trung theo các tuyến đường giao thông, các sông rạch lớn và một phần nhỏ phân tán phân bố trên vườn, ruộng, kênh nội đồng nhỏ.

Dân cư của huyện phân bố không đều: Tập trung nhiều nhất ở khu vực đô thị (bao gồm thị trấn Núi Sập, thị trấn Phú Hòa và thị trấn Óc Eo), mật độ dân số trung bình của khu vực này khoảng hơn 1.617 người/km², (cao nhất là thị trấn Núi Sập – khoảng 2.043 người/km²), chiếm 24,14% dân số của toàn huyện, và thấp nhất ở khu vực nông thôn (xã Mỹ Phú Đông – 137 người/km²), chiếm 75,86% dân số.

2.3. Phân tích thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng

2.3.1. Giao thông

2.3.1.1. *Giao thông đường bộ*: trên địa bàn huyện có các tuyến chính như sau:

Mạng lưới giao thông đường bộ của huyện về cơ bản tương đối hoàn thiện, phục vụ tốt nhu cầu giao thương và vận chuyển hàng hóa.

a) Đường bộ quốc gia: Trên địa bàn huyện hiện chỉ có tuyến Quốc lộ 80 đi qua địa phận xã Phú Thuận dọc theo kênh Rạch Sỏi – Hậu Giang với chiều dài 1,2km, mặt nhựa 7m, nền rộng 10m, chất lượng trung bình. Tuyến nối kết huyện Thoại Sơn đi Kiên Giang và giao QL.91 đi các nơi.

b) Đường Tỉnh: Trên địa bàn huyện hiện có 02 tuyến đường Tỉnh đi qua là ĐT.943 và ĐT.947:

(b1) ĐT.943: Tuyến nối QL.91 tại TP.Long Xuyên – qua Thoại Sơn – đến TT.Tri Tôn (giao ĐT.941) với tổng chiều dài 64,0km, qui mô và chất lượng toàn tuyến chưa đồng bộ.

Đoạn đi qua huyện Thoại Sơn dài 37,8km, từ giáp ranh TP.Long Xuyên qua TT.Phú Hòa – TT.Núi Sập – TT.Óc Eo đến giáp ranh huyện Tri Tôn, bao gồm: - Đoạn từ cầu Phú Hòa – cầu Cống Vong dài 16,1km, hiện đã nâng cấp xong, mặt nhựa rộng 14m, nền rộng 20m;

- Đoạn từ cầu Cống Vong – cầu Thoại Giang dài 1,8km, mặt nhựa 7m, nền 12m, chất lượng tốt.

- Đoạn từ cầu Thoại Giang đến giáp ranh huyện Tri Tôn dài khoảng 20,0km, mặt nhựa 6m, nền 9m, chất lượng tốt.

(b2) ĐT.947: Tuyến nối QL.91 tại cầu Cây Dương (H.Châu Phú) – qua H.Châu Thành – H.Thoại Sơn – đến ranh tỉnh Kiên Giang (nối tiếp ra Quốc lộ 80) với chiều dài 35,0km; Hiện trên tuyến tải trọng của hệ thống cầu không đồng bộ với tải trọng của đường (còn nhiều cầu có tải trọng 1 – 1,5T), hạn chế khả năng lưu thông trên toàn tuyến.

Đoạn đi qua huyện Thoại Sơn dài 18,0 km, từ cầu Kênh Láng (giáp ranh H.Châu Thành) qua xã Tây Phú – An Bình – Vọng Thê đến giáp ranh tỉnh Kiên Giang, mặt nhựa 3,5m, nền rộng 5,5m, chất lượng tuyến trung bình.

c) Đường Huyện: Trên địa bàn huyện hiện có tổng cộng 12 tuyến đường Huyện, với tổng chiều dài 151,2 km; tỷ lệ bê tông và nhựa hóa chiếm 100%,

trong đó: đường nhựa chiếm 36,8% (dài 55,6 km), đường BTXM chiếm 63,2% (dài 95,6 km). Qui mô và chất lượng từng tuyến được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 10: Hiện trạng mạng lưới đường huyện

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Ch.dài (km)	Loại mặt đường (chiều dài/bề rộng km/m)		
					Nhựa	BTXM	CP+đất
1	ĐH.66 (Tây K.Rạch Giá-LXuyên)	Cầu Xã Diểu (ranh K.Giang)	Cầu Ba Dầu (ranh Ch.Thành)	22,4	12,0/3,5	10,4/3,5	
2	ĐH.67 (Đông K.Núi Chóc-N.Gũ)	Cầu Vĩnh Nhuận (ranh Ch.Thành)	Ranh Kiên Giang	19,1	1,7/3,5	17,4/2,5	
3	ĐH.69 (Tuyến lộ 15)	ĐT.943 (gần cầu Ba Thê 5)	ĐT.947 (gần c.Núi Chọi)	9,5		9,5/2,5	
4	ĐH.70 (Kênh Bón Tông-Ông Cò)	ĐH.78 (xã Vĩnh Trạch)	Ranh Cần Thơ	12,6		12,6/3,0	
5	ĐH.71 (Kênh Thanh Niên)	ĐT.943 (xã Vĩnh Trạch)	ĐH.72 (xã Vĩnh Chánh)	6,7	2,1/3,5	4,6/2,0	
6	ĐH.72 (Nam Kênh Đòn Dong)	Cầu Ranh (ranh TP.Lg Xuyên)	Ranh Cần Thơ	12,8	8,6/3,5	4,2/2,0	
7	ĐH.73 (Tây Bờ Ao)	ĐT.943 (gần cầu Phú Hòa)	Ranh L.Xuyên (P.Mỹ Thới)	9,2	9,2/3,5		
8	ĐH.74 (Tây Kênh Phú Tây)	ĐH.72 (gần cầu Kênh Đào)	QL.80 (xã Phú Thuận)	4,5	4,5/3,5		
9	ĐH.75 (Nam K.Ba Dầu-Vĩnh Tây)	ĐH.66 (cầu Ba Dầu)	ĐH.67 (xã Vĩnh Phú)	11,4	3,6/3,5	7,8/2,0	
10	ĐH.76 (Nam K.Mỹ Phú Đông)	ĐH.66 (xã Định Mỹ)	ĐT.947 (gần c.Hai Trám)	15,0		15,0/2,0	
11	ĐH.77 (Nam K.Mạc Cẩn Dên)	UB Phú Hòa cũ (TT.Phú Hòa)	ĐH.70 (xã Vĩnh Khách)	8,4	0,2/3,5	8,2/3,0	
12	ĐH.78 (Đông K.R.Giá-L.Xuyên)	ĐT.943 (gần cầu Kênh F)	ĐT.943 (gần c.Phú Hòa)	19,6	13,7/3,5	5,9/3,0	
TỔNG CỘNG				151,2	55,6	95,6	
Tỷ lệ nhựa hóa và bê tông hóa (%)				100,0	36,8	63,2	

* Nguồn: Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch giao thông tỉnh An Giang đến 2020, định hướng đến 2030

d) Đường Xã: Trên địa bàn huyện hiện có tổng cộng 130 tuyến đường Xã, với tổng chiều dài 630 km, trong đó: đường nhựa 80,4 km, chiếm 12,8%; đường bê tông xi măng (BTXM) 88,2 km, chiếm 14,0%; và đường cấp phối + đất 461,4 km, chiếm 73,2%. Tổng hợp mạng lưới đường xã hiện đã nhựa hóa và bê tông hóa được 86%.

e) Đường Đô thị: Trên địa bàn huyện hiện có tổng cộng 91 tuyến đường Đô thị tại 03 thị trấn (Phú Hòa, Núi Sập, Óc Eo) với tổng chiều dài 50,2 km, trong đó: hầu hết là đường nhựa 45,6 km, chiếm 90,8%; đường cấp phối + đất 4,3 km, chiếm 8,6%; đường bê tông xi măng (BTXM) 0,3 km, chiếm 0,6%. Tổng hợp mạng lưới đường Đô thị hiện đã nhựa hóa và bê tông hóa được 91,4%.

f) Hệ thống bến xe: Trên địa bàn huyện hiện có 02 bến xe khách:

- Bến xe Núi Sập: Nằm trên đường tỉnh ĐT.943, gần cầu Cống Vong, thị trấn Núi Sập với tổng diện tích 1.815 m² đạt tiêu chuẩn bến xe loại 5.

- Bến xe Óc Eo: Nằm trên đường tỉnh ĐT.943, thị trấn Óc Eo với tổng diện tích 3.329 m² đạt tiêu chuẩn bến xe loại 5.

- Trên địa bàn huyện hiện chỉ có 01 tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt từ phà An Hòa đến UBND xã Vọng Thê.

Bảng 11. Tổng hợp hiện trạng giao thông đường bộ huyện Thoại Sơn

STT	Loại đường	Ch.dài (km)	Nhựa (km)	BTXM (km)	CP+Đất (km)
	Tổng cộng	888,4	238,6	184,1	465,7
1	Đường Quốc lộ	1,2	1,2		
	<i>Tỷ lệ so với tổng (%)</i>	<i>0,1</i>	<i>0,5</i>		
2	Đường tỉnh	55,8	55,8		
	<i>Tỷ lệ so với tổng (%)</i>	<i>6,3</i>	<i>23,4</i>		
3	Đường huyện	151,2	55,6	95,6	
	<i>Tỷ lệ so với tổng (%)</i>	<i>17,0</i>	<i>23,3</i>	<i>51,9</i>	
4	Đường đô thị	50,2	45,6	0,3	4,3
	<i>Tỷ lệ so với tổng (%)</i>	<i>5,7</i>	<i>19,1</i>	<i>0,2</i>	<i>0,9</i>
5	Đường xã	630,0	80,4	88,2	461,4
	<i>Tỷ lệ so với tổng (%)</i>	<i>70,9</i>	<i>33,7</i>	<i>47,9</i>	<i>99,1</i>

* Nguồn: Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch giao thông tỉnh An Giang đến 2020, định hướng đến 2030

Nhìn chung, tuy mạng lưới giao thông đa dạng, mật độ giao thông khá cao nhưng chất lượng hệ thống giao thông tại một số xã còn hạn chế, một số tuyến có mặt đường xuống cấp, đường hẹp. Trong thời gian tới, địa phương cần tập trung đầu tư mở rộng và nâng cấp hơn nữa hệ thống giao thông nhằm thúc đẩy kinh tế - xã hội của huyện phát triển.

2.3.1.2. Đường thủy

a) Trung ương quản lý

- Tuyến đường thủy quốc gia Rạch Sỏi – Hậu Giang đi qua địa bàn xã Phú Thuận (huyện Thoại Sơn) dài 1,2km.

- Kênh Ba Thê: Nối sông Hậu tại Vàm xáng Cây Dương – qua tỉnh An Giang - Kiên Giang (nối vào tuyến vận tải thủy quốc gia Rạch Giá - Kiên Lương tại H.Hòn Đất); toàn tuyến đạt cấp IV-ĐTND (chiều rộng luồng Bđ = 13m, chiều sâu -2,1m). Đoạn qua huyện Thoại Sơn (xã Tây Phú – An Bình – Vọng Thê) dài 16km.

- Kênh Rạch Giá – Long Xuyên: Nối sông Hậu tại TP.Long Xuyên – qua tỉnh An Giang - Kiên Giang (nối vào tuyến vận tải thủy quốc gia Rạch Giá - Kiên Lương tại TP.Rạch Giá); toàn tuyến đạt cấp III-ĐTND (chiều rộng luồng Bđ = 30m, chiều sâu -2,5m). Đoạn qua huyện Thoại Sơn (TT.Phú Hòa – Vĩnh Trạch – Định Thành – TT.Núi Sập – Thoại Giang – Bình Thành) dài 30km. Cùng với kênh Vĩnh Tế, kênh Thoại Hà là một trong hai con kênh đào quan trọng ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, mang đậm dấu ấn của Thoại Ngọc Hầu. Nó có giá trị về nhiều mặt: giao thông, thủy lợi, thương mại, nông nghiệp,... góp phần làm thay đổi bộ mặt nông thôn trong vùng. Ngoài ra nó còn là công trình thoát lũ đầu tiên có từ thời nhà Nguyễn ở đồng bằng sông Cửu Long.

b) Tỉnh quản lý

- Kênh Núi Chóc – Năng Gù: Tuyến nối nhánh Năng Gù – Thị Hòa, sông Hậu – qua tỉnh An Giang – đi Kiên Giang (nối vào tuyến vận tải thủy quốc gia Rạch Giá - Kiên Lương); toàn tuyến đạt cấp VI-ĐTND (chiều rộng luồng Bđ = 13m, chiều sâu -2m). Đoạn qua huyện Thoại Sơn (xã Vĩnh Phú – Mỹ Phú Đông – Vọng Đông) dài 18km.

- Kênh Bốn Tổng: Tuyến nối kênh Mạc Cần Dung qua huyện Thoại Sơn (tỉnh An Giang) – đi TP.Cần Thơ (nối vào tuyến vận tải thủy quốc gia Rạch Sỏi – Hậu Giang); toàn tuyến đạt cấp VI-ĐTND (chiều rộng luồng Bđ = 7-10m, chiều sâu -2m). Đoạn qua huyện Thoại Sơn (xã Vĩnh Khánh) dài 13km.

- Kênh Sóc Triết – K.Tĩnh Đội – K.Ba Thê mới: Tuyến nối kênh Tri Tôn, chạy dọc theo phía Bắc ĐT.943 đến kênh Rạch Giá – Long Xuyên (tại TT.Núi Sập); toàn tuyến đạt cấp V-ĐTND (chiều rộng luồng Bđ = 12m, chiều sâu -2,5m). Đoạn qua huyện Thoại Sơn (xã Vọng Thê – TT.Óc Eo – Vọng Đông – Thoại Giang – TT.Núi Sập) dài 18,2km.

- Kênh ranh An Giang – Kiên Giang: Tuyến nối kênh Tri Tôn, chạy dọc theo ranh An Giang – Kiên Giang đến kênh Rạch Giá – Long Xuyên (tại H.Bình Thành); toàn tuyến đạt cấp VI-ĐTND (chiều rộng luồng Bđ = 6m, chiều sâu - 2m). Đoạn qua huyện Thoại Sơn (xã Vọng Thê – TT.Óc Eo – Bình Thành) dài 15,6km.

- Kênh Tân Huệ (Kênh ngang Huệ Đức): Tuyến nối kênh Rạch Giá – Long Xuyên, chạy dọc theo ranh TP.Long Xuyên - H.Thoại Sơn – Châu Thành đến ranh H.Tri Tôn (tại xã Tây Phú); toàn tuyến đạt cấp VI-ĐTND (chiều rộng luồng Bđ = 8m, chiều sâu -0,6m). Đoạn qua huyện Thoại Sơn (xã Vọng Thê – TT.Óc Eo – Bình Thành) dài 18,85km.

c) Huyện quản lý

Trên địa bàn huyện hiện có tổng cộng 36 tuyến sông – kênh với tổng chiều dài 279,8km, trong đó: kênh cấp V – ĐTND dài 2km, kênh cấp VI dài 277,8km.

Nhìn chung, với đặc thù chung của vùng sông nước Đồng Bằng Sông Cửu Long, huyện Thoại Sơn (tỉnh An Giang) có mạng lưới sông – kênh – rạch dày đặc, rất thuận lợi cho giao thông thủy và sản xuất nông nghiệp.

Mật độ giao thông đường bộ huyện Thoại Sơn hiện đạt 1,9 km/km² và 4,9 km/1000 dân; tỷ lệ nhựa hóa và bê tông hóa đạt 47,6%. Tuy mật độ giao thông khá cao nhưng chất lượng hệ thống giao thông còn hạn chế, hầu hết mặt đường các tuyến đều xuống cấp, mặt đường hẹp, tỷ lệ nhựa hóa và bê tông hóa còn thấp; Hệ thống cầu – đường trên toàn bộ mạng lưới đường bộ của huyện hiện chưa đồng bộ. Mạng lưới đường tỉnh và đường liên huyện còn hạn chế cả về số lượng và chất lượng; các tuyến đường Quốc lộ và Đường tỉnh đi qua nối kết liên huyện, liên tỉnh cũng còn hạn chế. Vì vậy, việc lưu thông hàng hóa và hành khách công cộng trên địa bàn huyện còn gặp rất nhiều khó khăn, đặc biệt là những loại hàng hóa tươi sống đòi hỏi vận chuyển nhanh với khối lượng lớn. Trong thời gian tới, cần tập trung đầu tư mở rộng và nâng cấp hơn nữa hệ thống giao thông, tạo tiền đề cho tất cả các ngành nghề khác phát triển, thúc đẩy mạnh kinh tế - xã hội của Huyện tăng trưởng.

2.3.2. Thủy lợi

Toàn huyện có trên 900 km kênh mương với 5 tuyến kênh cấp I, 55 tuyến kênh cấp II và trên 355 tuyến kênh cấp III. Đây là những kênh mương chủ yếu cung cấp nước tưới, tiêu cho nội đồng, cho sinh hoạt và cho sản xuất. Hiện địa phương có 199 trạm bơm điện phục vụ khoảng 80% diện tích, 232 cống hở, 254

công tròn tương đối hoàn chỉnh chủ động trong việc tưới tiêu và chống lũ hàng năm. Tỷ lệ km kênh mương do xã quản lý được kiên cố hóa. Tỷ lệ diện tích sản xuất nông nghiệp có hệ thống giao thông và thủy lợi nội đồng hoàn chỉnh đạt trên 80%.

Hàng năm, hệ thống thủy lợi - thủy nông nội đồng luôn được quan tâm đầu tư cải tạo, nạo vét thường xuyên đảm bảo phục vụ tốt cho sản xuất nông nghiệp, đồng thời để thoát nước lũ trong mùa mưa và cung cấp nước ngọt phục vụ nhu cầu sinh hoạt của nhân dân, nhất là vào mùa khô. Đặc biệt, huyện đã xây dựng được các tuyến kè chống sạt lở, các tuyến đê bao kết hợp với giao thông nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

2.3.3. Năng lượng

Nguồn năng lượng chủ yếu của địa phương là năng lượng điện. Hiện tại nguồn cung cấp điện chính của huyện là điện lưới quốc gia thông qua đường dây 110 KV từ Trà Nóc. Bên cạnh đó huyện còn có nguồn cấp điện dự phòng từ trạm phát điện diesel đặt tại điện lực Long Xuyên. Thực hiện chủ trương đưa lưới điện quốc gia đến tận huyện, các xã vùng sâu, vùng xa, miền núi, biên giới, đến nay hệ thống mạng lưới điện hầu như được phủ đều khắp trên địa bàn huyện với các tuyến chính nằm trên trục tỉnh lộ 943. Hiện tại trên địa bàn huyện, ngành điện lực Thoại Sơn và Xí nghiệp điện nước Thoại Sơn đang quản lý các hệ thống lưới điện:

- Đường dây trung thế 402km (Điện lực Thoại Sơn quản lý 256 km, còn lại do Xí nghiệp điện nước quản lý).

- Đường dây hạ thế 422 km (Điện lực Thoại Sơn quản lý 133,21km, còn lại do Xí nghiệp điện nước quản lý).

- Trạm biến áp tổng dung lượng 62.427,5KVA, với 614 trạm (riêng Điện lực Thoại Sơn quản lý 447 trạm, dung lượng 30.237,5 KVA; Xí nghiệp điện nước quản lý 46 trạm 2062,5KVA; Khách hàng 121 trạm, với dung lượng 30.127,5 KVA).

Tổng mức điện năng thương phẩm đạt khoảng 4.792 nghìn Kwh. Trong đó, mức điện năng tiêu thụ cho sinh hoạt là chủ yếu, chiếm trên 60%; mức điện năng phục vụ sản xuất công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 28% và còn lại là lĩnh vực nông lâm thủy sản. Hệ thống lưới điện trên địa bàn huyện về cơ bản đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện, tuy nhiên vẫn còn các trường hợp cầu chuyền sau điện kế không đảm bảo an toàn, các trường hợp kéo vượt đường,

vượt sông không đúng quy định, một số trường hợp cát nhà, lều quán, cột chằng ăngten vào trụ điện... vẫn còn phổ biến. Hiện tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên trên địa bàn huyện ước tính đạt khoảng 99,31%.

2.3.4. Bưu chính viễn thông

Hệ thống bưu chính viễn thông của huyện trong những năm gần đây được đầu tư xây dựng ngày càng hiện đại với mạng lưới rộng khắp từ trung tâm huyện về đến các xã, thị trấn, dịch vụ cung cấp phong phú, tiện lợi và nhanh chóng, đáp ứng cơ bản nhu cầu thông tin liên lạc trong nước và quốc tế. Toàn huyện hiện có 01 bưu cục cấp II, 02 bưu cục cấp III, 10 bưu điện văn hoá xã, 9 trạm viễn thông, 17 tổng đài. Chiều dài cáp quang hiện hữu có khoảng 45 km, cáp ngầm và treo 399 km. Hoạt động bưu chính viễn thông của huyện cơ bản đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt và sản xuất;

Nhìn chung, lĩnh vực bưu chính viễn thông của huyện trong thời gian qua phát triển khá nhanh. Các loại hình và chất lượng dịch vụ từng bước được nâng cao, trang bị công nghệ ngày một hiện đại, đáp ứng tốt yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2.3.5. Giáo dục – đào tạo

Toàn huyện đã có 41 đơn vị trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỉ lệ 61,2% tổng số trường, bao gồm: Mầm non: 10 đơn vị; Tiểu học: 15 đơn vị; Trung học cơ sở: 13 đơn vị; Trung học phổ thông: 03 đơn vị. Đang thực hiện đề nghị Tỉnh công nhận thêm 9 đơn vị, nâng toàn huyện có 50 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỉ lệ 74,63%, vượt 32 trường, tức tăng 2,7 lần so Nghị quyết đề ra đầu nhiệm kỳ và tăng gấp 10 lần so với kỳ trước. Việc hoàn thành xây dựng các trường đạt chuẩn quốc gia vượt Nghị quyết giúp quy mô, mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo từ mầm non đến phổ thông huyện cơ bản được hoàn chỉnh, góp phần lớn vào nâng cao chất lượng và hiệu quả trong công tác giáo dục - đào tạo của huyện.

Bảng 12. Hiện trạng trường lớp, giáo viên, học sinh năm 2019-2020

Stt	Hạng mục	Số trường	Số lớp	Số giáo viên	Số học sinh	Học sinh/ lớp	Học sinh/ giáo viên
1	Mầm non, mẫu giáo	17	147	224	4.293	29	19
2	Tiểu học	46	559	813	15.816	28	19
3	Trung học cơ sở	16	335	659	10.993	33	17
4	Trung học phổ thông	4	122	289	4.805	39	17

Nguồn: Niên giám thống kê huyện Thoại Sơn

2.3.6. Y tế

Cơ sở vật chất y tế ngày càng được đầu tư nâng cấp, công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho nhân dân được quan tâm ngày càng tốt hơn, nhất là đối tượng chính sách và hộ nghèo. Thực hiện tốt các chương trình y tế dự phòng, y tế địa phương, kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm, tăng cường công tác tuyên truyền vệ sinh môi trường, tổ chức các chiến dịch triển khai công tác phòng, chống dịch bệnh chủ động. Đặc biệt công tác phòng chống dịch Covid-19 trên địa bàn theo hướng dẫn của Ban chỉ đạo phòng, chống dịch tỉnh An Giang, tiếp tục duy trì các tổ công tác chốt chặn 24/24.

Theo số liệu thống kê năm 2020, toàn huyện có 01 bệnh viện (150 giường), 01 trung tâm y tế, 1 trung tâm dân số kế hoạch hóa gia đình, 1 phòng khám khu vực (20 giường) và 17 trạm y tế (170 giường) đạt Bộ tiêu chí quốc gia, trải đều ở 17 xã, thị trấn của huyện. Ngoài ra có 359 cơ sở y tế tư nhân trong đó có: 70 phòng khám bác sỹ, 15 phòng chẩn trị YHCT, 08 phòng trồng răng, 61 dịch vụ tiêm thuốc thay băng, 194 quầy thuốc, 01 nhà thuốc tân dược, 05 đại lý thuốc đông dược, 04 kính thuốc, 01 phòng xét nghiệm.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020		
			Kế hoạch	Thực hiện	Đánh giá
01	Tỷ lệ phát triển dân số	%	1,00	1,00	Đạt
02	Tỷ lệ trẻ SDD < 5tuổi (theo cân nặng)	%	11,2	11,13	Đạt
03	Tỷ lệ trẻ SDD < 5tuổi (theo chiều cao)	%	<20	18,65	Đạt
04	Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch	%	91	91,98	Đạt
05	Tỷ lệ hộ có CTHVS	%	96	96,32	Đạt
06	Số bác sĩ/10.000 dân		4,40	5,22	Đạt
	Trong đó: Số BS công/10.000 dân		3,58	4,12	Đạt
	Số DSĐH/10.000 dân		0,77	0,77	Đạt
07	Số giường bệnh công/10.000 dân		10,42	10,41	Chưa đạt
08	Tỷ lệ trẻ em <1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ	%	95	95,09	Chưa đạt
09	Tỷ lệ xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã	%	Duy trì	100	Đạt
10	Duy trì xã đạt chuẩn tiên tiến đông y	xã	17	17	Đạt
11	Tỷ lệ TYT xã, thị trấn có biên chế Bác sỹ làm việc	%	100	100	Chưa đạt

Đơn vị tư vấn: Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật tài nguyên môi trường

Địa chỉ: 822, Trần Hưng Đạo, P. Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020		
			Kế hoạch	Thực hiện	Đánh giá
12	Tỷ suất tử vong trẻ em < 1 tuổi/1000 trẻ đẻ sống	%	4,7	2,29	Đạt
13	Tỷ suất tử vong trẻ em < 5 tuổi/1000 trẻ đẻ sống	%	5,5	4,21	Đạt

(Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác y tế năm 2020)

2.3.7. Văn hóa – thể dục thể thao

Hoạt động thể dục thể thao của huyện từng bước được củng cố và phát triển trong điều kiện cơ sở vật chất còn nhiều hạn chế (chưa có khu liên hợp thể dục thể thao huyện). Tuy nhiên, huyện cũng đã thành lập được 42 sân bóng đá, trong đó có 33 sân mini với 104 đội bóng, 90 sân bóng chuyền với 92 đội, 16 sân cầu lông với 4 đội, 4 sân quần vợt và 3 phòng tập thể hình.

Phong trào xây dựng đời sống văn hóa được triển khai thực hiện gắn chặt với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh; tỷ lệ hộ gia đình văn hóa 95%, 76/76 đạt chuẩn ấp văn hóa, 11 xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới, 03 thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị, 05 tuyến đường văn minh – mỹ quan đô thị Nguyễn Huệ, Tôn Đức Thắng, Nguyễn Thị Minh Khai (thị trấn Núi Sập), Trần Phú (thị trấn Phú Hòa), Nguyễn Văn Muôn (thị trấn Óc Eo) đạt chỉ tiêu đề ra.

Công tác trùng tu, tôn tạo các di tích được thực hiện bằng nhiều nguồn vốn, từ năm 2015 đến nay, đã sửa chữa, nâng cấp 9 đình thần, với tổng số tiền 19.750 triệu đồng, Trong đó ngân sách nhà nước 9.640 triệu đồng; xã hội hóa 10.110 triệu đồng. Đề nghị xếp hạng 3 di tích lịch sử cấp tỉnh đối với Miếu Đá Nổi (Phú Thuận), Chùa Vĩnh Hòa (Vĩnh Trạch), Đình Vĩnh Phú. Di tích Đình Thoại Ngọc Hầu và Bia đá Thoại Sơn được công nhận di tích lịch sử cấp quốc gia. Phối hợp với Ban quản lý di tích văn hóa Óc Eo lập hồ sơ đề nghị UNESCO công nhận khu di tích quốc gia đặc biệt Óc Eo là di sản văn hóa thế giới. Tổ chức lễ công bố quyết định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận Đình Thoại Ngọc Hầu và Bia Thoại Sơn là di tích lịch sử cấp quốc gia. Tính đến nay toàn huyện hiện có 03 di tích cấp tỉnh, 02 di tích cấp quốc gia và 01 di tích cấp quốc gia đặc biệt. Phối hợp với Phân viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia tại TP.HCM lập hồ sơ khoa học đề nghị công nhận Lễ hội kỳ yên đình Thoại Ngọc Hầu thuộc danh mục di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia.

2.3.8. Cơ sở dịch vụ về xã hội và chợ

Trong quá trình hoàn thiện dần các tiêu chí xây dựng nông thôn mới theo Đề án giai đoạn 2010 - 2020 của huyện đã được phê duyệt, Thoại Sơn đã tập trung mọi nguồn lực và xã hội hóa mạnh mẽ việc đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng và các công trình phúc lợi xã hội với nguyên tắc tập trung dân chủ. Tính đến cuối năm 2020, huyện có 359 cơ sở dịch vụ y tế và cơ sở hành nghề dịch vụ y được tư nhân;... Nhìn chung các cơ sở dịch vụ này hoạt động khá tốt, đáp ứng được nhu cầu về dịch vụ xã hội của người dân.

Cùng với sự phát triển mạnh mẽ các cơ sở dịch vụ, hệ thống chợ từ trung tâm nội ô các thị trấn đến các xã không ngừng được nâng cấp phát triển, nhiều chợ được đầu tư xây mới hoặc mở rộng nâng cấp. Hiện huyện hoàn thành thi công xây dựng chợ kênh H, chợ Vĩnh Khánh, chợ Óc Eo, chợ Phú Hoà và chợ Thoại Sơn đạt chuẩn chợ an toàn vệ sinh thực phẩm đầu tiên của huyện. Bên cạnh phát triển các chợ nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc mua bán, trao đổi hàng hoá, trong năm huyện còn phát triển thêm các cửa hàng bách hoá xanh, cửa hàng nông sản an toàn, góp phần đa dạng hoá, cung cấp nguồn hàng phong phú phục vụ nhu cầu thiết yếu của người dân.

Đến năm 2020 toàn huyện có 24 chợ, trong đó có 3 chợ loại II và 21 chợ loại III, tất cả đều đạt tiêu chí xây dựng nông thôn mới, quy định mỗi xã cần có tối thiểu một chợ để phục vụ nhu cầu sinh hoạt hằng ngày của người dân. Hầu hết các chợ trung tâm xã có quy mô diện tích mỗi chợ $\geq 3.000 \text{ m}^2$ (bao gồm nhà chợ chính, diện tích kinh doanh ngoài trời, đường đi, bãi để xe, cây xanh). Việc phát triển mạnh mẽ mạng lưới chợ đã tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân sinh hoạt, trao đổi, mua bán hàng hóa, góp phần phục vụ tốt đời sống nhân dân, thúc đẩy sản xuất hàng hóa địa phương phát triển, giải quyết việc làm cho một lực lượng lớn lao động, đồng thời góp phần đáng kể vào nguồn thu ngân sách của địa phương.

Bảng 13: Hệ thống chợ trên địa bàn

STT	Tên chợ	Địa điểm	Diện tích (m ²)	Phân hạng chợ	
				II	III
Tổng cộng				3	21
1	Chợ Thoại Sơn	Bắc Sơn - TT Núi Sập	5.314	x	

*Báo cáo thuyết minh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030
và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Thoại Sơn - tỉnh An Giang*

STT	Tên chợ	Địa điểm	Diện tích (m ²)	Phân hạng chợ	
				II	III
2	Chợ TT Óc Eo	Tân Hiệp A - TT Óc Eo	5.464	x	
3	Chợ TT Phú Hòa mới	Phú Hữu - Phú Hòa	2.212		x
4	Chợ Phú Hòa cũ	Phú Hữu - Phú Hòa	2.352	x	
5	Chợ Vọng Đông	Sơn Tân - Vọng Đông	7.228		x
6	Chợ Phú Thuận	Kênh Đào - Phú Thuận	3.080		x
7	Chợ Hòa Tây B	Hòa Tây B - Phú Thuận	1.120		x
8	Chợ Bình Thành	Bình Thành - Bình Thành	1.391		x
9	Chợ An Bình	Sơn Hiệp - An Bình	3.215		x
10	Chợ Kênh F	Hòa Phú - Định Thành	3.478		x
11	Chợ Kênh H	Hòa Thành - Định Thành	932		x
12	Chợ Hòa Tân	Hòa Tân - Định Thành	2.317		x
13	Chợ Vĩnh Chánh	Tây Bình A - Vĩnh Chánh	1.500		x
14	Chợ Tây Bình C	Tây Bình C - Vĩnh Chánh	1.500		x
15	Chợ Trường Tiền	Mỹ Thới - Định Mỹ	1.716		x
16	Chợ Ba Bần	Tây Bình - Vĩnh Trạch	864		x
17	Chợ Vĩnh Trạch	Vĩnh Trung - Vĩnh Trạch	5.761		x
18	Chợ Tây Cò	Trung Bình I - Vĩnh Trạch	951		x
19	Chợ Vĩnh Phú	Trung Phú 2 - Vĩnh Phú	3.326		x
20	Chợ Ba Dong	Trung Phú 3 - Vĩnh Phú	1.530		x
21	Chợ Mỹ Phú Đông	Tân Mỹ - MPĐ	2.380		x
22	Chợ Vĩnh Khánh	Vĩnh Thành - Vĩnh Khánh	3.156		x
23	Chợ Tân Thành	Tân Thành - Vọng Thê	2.149		x
24	Chợ Tây Phú	Phú Thuận - Tây Phú	3.027		x

2.3.9. Quốc phòng – an ninh

- **Quốc phòng:** huyện luôn quán triệt và nhận thức sâu sắc hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thực hiện tốt công tác xây dựng lực lượng dân quân tự vệ; bộ đội thường trực đạt các chỉ tiêu trên giao.

- **An ninh:** thực hiện tốt công tác đấu tranh phòng chống tệ nạn xã hội, đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc gắn với xây dựng xã văn hóa, an toàn, giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa và đấu tranh với các loại tội phạm. Thế trận an ninh nhân dân được củng cố vững chắc, đặc biệt là ở các khu vực trọng điểm, vùng tôn giáo, dân tộc.

2.4. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường

2.4.1. Thuận lợi

- Thoại Sơn có diện tích tương đối lớn, nền nông nghiệp phát triển tương đối ổn định, sản lượng lúa đứng đầu trong 11 huyện, thị của tỉnh An Giang; có nền di tích Óc Eo khá đặc sắc và huyền bí... là điều kiện thuận lợi để huyện phát huy các ngành thuộc lĩnh vực nông nghiệp, thương mại - dịch vụ và du lịch.

- Huyện có vị trí nằm tiếp giáp với thành phố Long Xuyên, có tỉnh lộ 943 và kênh Rạch Giá - Long Xuyên chảy qua. Đây là tuyến giao thông thủy, bộ huyết mạch nối liền với trục hành lang quốc tế, quốc gia và cửa khu vực đồng bằng sông Cửu Long nên rất thuận lợi cho huyện trong việc đầu tư, đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, góp phần đưa huyện Thoại Sơn trở thành một trong những huyện trọng điểm của tỉnh.

- Nguồn tài nguyên đất, nước và khoáng sản khá phong phú. Tất cả các nguồn tài nguyên này đều có thể khai thác và phục vụ tốt cho lĩnh vực nông nghiệp lẫn phi nông nghiệp, trong điều kiện lãnh đạo địa phương có chính sách và biện pháp khai thác hợp lý, không làm ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường và hệ sinh thái của huyện.

- Khí hậu tương đối hoà hòa, ít khi xảy ra những biến động lớn. Đây là điều kiện thuận lợi để người dân yên tâm lao động sản xuất và phát triển.

- Lực lượng lao động rất đa dạng và dồi dào, có trên 65,8% số người trong độ tuổi lao động. Đây là điều kiện rất quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội của huyện nếu trong tương lai địa phương tận dụng tối đa nguồn nhân lực này.

- Mặc dù đứng trước những biến động khó lường của nền kinh tế nhưng trong những năm qua, tỷ lệ tăng trưởng kinh tế của huyện luôn giữ ở mức khá cao và ổn định, thu hút được nhiều doanh nghiệp đầu tư; nền kinh tế có xu hướng chuyển dịch từ kinh tế nông nghiệp sang thương mại - dịch vụ và du lịch, phù hợp với chủ trương phát triển chung của tỉnh.

- Môi trường của huyện chưa bị ô nhiễm nghiêm trọng và hiện đang được các ngành các cấp quan tâm hoàn thiện dần các thủ tục hành chính trong việc quản lý môi trường, nhằm khắc phục và cải thiện môi trường của huyện trên cơ sở phát triển bền vững.

2.4.2. Khó khăn, thách thức

- Lực lượng lao động của huyện khá dồi dào nhưng đa phần là lao động phổ thông, chưa qua đào tạo; số hộ nghèo của huyện vẫn còn nhiều, chiếm 6,58% số hộ của huyện; sự chênh lệch giàu nghèo vẫn còn khoảng cách khá cao.

- Địa hình của huyện thuộc vùng bán sơn địa, vừa có đồng bằng vừa có đồi núi nên việc đầu tư cơ sở hạ tầng của huyện thường gặp nhiều khó khăn, thiếu tính đồng bộ.

- Cơ sở hạ tầng của huyện so với các huyện, thị khác trong tỉnh còn nhiều hạn chế, đời sống vật chất và tinh thần của một số bộ phận người dân nông thôn còn gặp nhiều khó khăn... từ đó dẫn đến nhiều tệ nạn xã hội xảy ra trên địa bàn huyện.

- Vấn đề biến đổi khí hậu toàn cầu và thực trạng ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí tuy hiện tại chưa có những ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc phát triển kinh tế - xã hội của huyện, nhưng trong tương lai luôn đứng trước những nguy cơ tiềm ẩn cao. Đáng lo ngại nhất là môi trường nước sông, hàng ngày phải đón nhận lượng nước thải khá lớn, thải ra từ các nhà máy chế biến nông, thủy sản. Bên cạnh đó, một lượng tương đối lớn về tồn dư thuốc kháng sinh trong quá trình chăn nuôi từ các ao, hồ, chăn nuôi gia súc, gia cầm đang ngày qua ngày, thải vào môi trường nước sông. Bên cạnh đó, việc biến đổi khí hậu toàn cầu cũng phần nào ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng nguồn nước của huyện, đặc biệt là sự xâm nhập mặn trong những năm gần đây luôn có chiều hướng gia tăng, gây ảnh hưởng đến việc canh tác nông nghiệp của địa phương. Đồng thời việc biến đổi khí hậu còn ảnh hưởng không nhỏ đến lịch canh tác mùa vụ của nông dân, làm sạt lở đê bao vào các mùa lũ.

III. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN THỜI ĐIỂM QUY HOẠCH

3.1. Phân tích, đánh giá tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai

3.1.1. Tình hình thực hiện các văn bản pháp quy

Nhằm cụ thể hoá các văn bản quy phạm pháp luật về công tác quản lý đất đai của Chính phủ cũng như của tỉnh, huyện đã tổ chức tuyên truyền rộng rãi đến các tầng lớp nhân dân, tập huấn hướng dẫn chuyên môn đến các xã, thị trấn và các đơn vị quản lý sử dụng đất trên địa bàn huyện phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, làm cơ sở để quản lý và chỉ đạo thực hiện công tác quản lý đất đai ngày càng tốt hơn.

3.1.2. Xác định địa giới hành chính, lập và quản lý hồ sơ địa giới hành chính, lập bản đồ hành chính

Đây là nội dung đầu tiên, là nền móng trong 13 nội dung quản lý nhà nước về đất đai. Việc thực hiện công tác này là tiền đề cho việc thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai còn lại. Chính vì vậy, từ sau Luật Đất đai năm 1993, công tác địa chính đã tập trung chủ yếu cho việc đo đạc bản đồ và kê khai đăng ký nhằm phục vụ cho công tác đăng ký xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Giấy CNQSDĐ).

Đến năm 2002, nằm trong chương trình của Tổng Cục Địa Chính (nay là Bộ Tài nguyên và Môi trường) về việc xây dựng bản đồ địa chính chính quy, có khả năng cung cấp thông tin ở độ chính xác cao hơn, khả năng ứng dụng công nghệ thông tin để truy xuất, cập nhật, liên kết mạnh mẽ hơn. Các hồ sơ địa giới hành chính của huyện đã được lập đến cấp xã, thị trấn, đồng thời cũng đã xây dựng xong cơ sở dữ liệu địa chính cho 17/17 xã, thị trấn trên địa bàn huyện, đây là cơ sở quan trọng để huyện quản lý đất đai theo địa giới hành chính mình quản lý.

Từ năm 2010 đến nay đã tập trung biên tập bản đồ hành chính phục vụ nhu cầu của các cơ quan trong huyện; xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014 cấp xã, huyện; bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện đến năm 2020; bản đồ kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện; biên tập các bản đồ chuyên đề cho các ngành: Nông nghiệp, Thủy sản.

Trên cơ sở địa giới hành chính được xác lập theo chỉ thị 513/CT của Chính phủ, đến nay huyện đã thiết lập được bản đồ hành chính có độ tin cậy cao, đáp

ứng được nhu cầu quản lý về địa giới hành chính của địa phương với các đơn vị lân cận cũng như các xã, thị trấn trong phạm vi huyện.

3.1.3. Khảo sát, đo đạc lập bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất và bản đồ quy hoạch sử dụng đất

Thực hiện theo quy định về hoạt động đo đạc và lập bản đồ, đến nay huyện đã khảo sát và hoàn chỉnh xong bộ bản đồ địa chính cho 17/17 xã, thị trấn. Trong đó, các bản đồ địa chính được đo đạc dưới nhiều tỷ lệ khác nhau tùy theo diện tích các địa phương với mục đích nhằm phục vụ tốt cho công tác quản lý nhà nước về đất đai. Công tác đo đạc, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng đã dần thực hiện hoàn chỉnh trên toàn huyện.

Đối với bản đồ địa chính của các xã được chuyển được chuyển từ hệ tọa độ HN-72 sang hệ tọa độ VN2000, đồng thời được chuẩn hóa cơ sở dữ liệu địa chính, được cập nhật biến động thường xuyên. Về cơ bản hệ thống bản đồ địa của các xã, thị trấn trong huyện đáp ứng được nhu cầu quản lý, sử dụng đất của địa phương.

Thực hiện Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 17 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019. Ngoài ra, công tác thành lập bản đồ hiện trạng của 17 xã, thị trấn và bản đồ hiện trạng của huyện cũng được tiến hành thực hiện. Hiện tại bản đồ hiện trạng sử dụng đất của 17 xã, thị trấn và cả bản đồ huyện đã thành lập xong.

Công tác lập bản đồ quy hoạch sử dụng đất được tiến hành cùng với việc lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020. Hiện huyện có bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 được UBND tỉnh phê duyệt.

3.1.4. Quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

Công tác lập và quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện được thực theo đúng Luật Đất đai 2003, 2013 và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Thực hiện Công văn số 1422/UBND-KT ngày 10 tháng 9 năm 2012 của UBND tỉnh An Giang về việc phân khai chỉ tiêu các loại đất về cho UBND cấp huyện, huyện Thoại Sơn đã thực hiện việc lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011 - 2015) được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1916/QĐ-UBND ngày 9 tháng 9 năm 2013 và Quyết định số 2360/QĐ-UBND ngày 26/9/2018 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang

Nhìn chung việc bố trí sử dụng đất trong giai đoạn 2011 - 2020 phù hợp với tình hình phát triển kinh tế-xã hội của địa phương, đáp ứng nhu cầu sử dụng đất cho ngành, lĩnh vực, nâng cao hiệu quả sử dụng đất. Phòng Tài nguyên và môi trường đã kết hợp với Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức công bố, công khai rộng rãi trong nhân dân, đảm bảo đúng quy định và tính khách quan trong quy hoạch.

Hàng năm, huyện đều lập kế hoạch sử dụng đất cho địa phương dựa trên nhu cầu đầu tư xây dựng các dự án của các ngành, các địa phương và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và đây là bảng đăng ký các công trình sẽ thực hiện trong năm của huyện. Trên cơ sở đó các địa phương sẽ quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn mình, đặc biệt là công tác giao đất, thu hồi đất, giải phóng mặt bằng,... Dù điều kiện đầu tư gặp nhiều khó khăn, công tác giải phóng mặt bằng gặp nhiều trở ngại, các dự án quy hoạch xây dựng thường có những điều chỉnh không thu hút được các nhà đầu tư nên kế hoạch đăng ký sử dụng đất trong năm thường khó hoàn thành. Nhưng kết quả thực hiện các công trình, các dự án theo kế hoạch đã đăng ký hàng năm của huyện không ngừng cải thiện hiệu quả (trung bình đạt khoảng từ 80% - 90%),

Qua kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, nhìn chung việc giao đất, cho thuê, thu hồi đất đúng theo quy hoạch. Tuy nhiên vẫn còn một số trường hợp chuyển mục đích khi chưa được cấp có thẩm quyền cho phép và không theo quy hoạch đã được phê duyệt đã được phát hiện và xử lý kịp thời.

3.1.5. Quản lý việc giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất

Tình hình quản lý việc giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất luôn được Ủy ban nhân dân huyện quan tâm theo dõi và quản lý chặt chẽ dựa trên các phương án quy hoạch sử dụng đất và các dự án quy hoạch sử dụng đất được duyệt, hồ sơ được tiếp nhận giải quyết tại Văn phòng đăng ký đất chi nhánh huyện hoặc văn phòng đăng ký đất cấp tỉnh. Thời gian qua huyện đã thực hiện rất nhiều thủ tục hành chính về giải phóng mặt bằng, đặc biệt là các công trình trọng điểm.

Nhìn chung, công tác giải phóng mặt bằng của huyện thực hiện trên nguyên tắc dân chủ và đạt hiệu quả cao, nhận được sự đồng tình của đông đảo quần

chúng nhân dân. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt đạt được thì trong thời gian qua tình trạng chuyển mục đích trái phép, sử dụng đất không đúng mục đích của địa phương vẫn còn thường xuyên xảy ra, gây ảnh hưởng rất nhiều đến công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện

3.1.6. Đăng ký quyền sử dụng đất, lập và quản lý hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Hồ sơ đo đạc cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất nông nghiệp đến nay đã có nhiều biến động lớn, nhiều thửa đã thay đổi diện tích lẫn hình dạng thửa, không còn phù hợp cho việc quản lý hồ sơ địa chính theo hiện trạng nên trong thời gian qua huyện đã tiến hành đo đạc và thành lập lại hồ sơ địa chính đất nông nghiệp, hiện cơ sở dữ liệu địa chính đã được lập mới cho 17/17 xã, thị trấn. Nhìn chung trong giai đoạn tới khối lượng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cần phải cấp cho các loại đất trên địa bàn huyện là khá lớn, đặc biệt là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở nông thôn và đất cho các tổ chức.

3.1.7. Công tác thống kê, kiểm kê đất đai

Công tác thực hiện thống kê, kiểm kê đất đai được huyện thực hiện rất nghiêm túc và thường xuyên theo đúng định kỳ. Việc kiểm kê đất đai trên địa bàn huyện được thực hiện theo chu kỳ 5 năm một lần. còn công tác thống kê đất đai luôn được tiến hành thực hiện hàng năm trên cơ sở cập nhật những biến động về đất đai trong năm đã qua, trên cơ sở tổng hợp từ kết quả chỉnh lý biến động đất đai, cập nhật hồ sơ địa chính hàng năm, kết hợp với kết quả điều tra thực địa. Do đó đảm bảo được độ chính xác, đúng với tình hình thực tế sử dụng đất ở địa phương. Từ đó đánh giá được kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt, tạo điều kiện cho công tác quản lý đất đai trên địa bàn được chặt chẽ và hiệu quả hơn.

3.1.8. Tình hình quản lý tài chính về đất đai

Tình hình quản lý tài chính về đất đai trong thời gian qua được huyện thực hiện khá tốt, tuân thủ chặt chẽ các quy định của nhà nước. Công tác tài chính về chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển quyền sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất được thực hiện dựa trên bảng giá đất hàng năm do UBND tỉnh phê duyệt.

3.1.9. Quản lý, giám sát việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất

Trong thời gian qua, trên địa bàn huyện việc chuyển đổi diện tích đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp diễn ra tương đối lớn, do tốc độ phát triển kinh tế cũng như vấn đề đô thị hoá nông thôn, đặc biệt khi nhiều dự án trên địa bàn

huyện đang ra sức kêu gọi các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, với những chính sách ưu đãi nhằm khuyến khích các nhà đầu tư thì việc quản lý, giám sát việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất lại càng khó khăn, phức tạp hơn.

Trước đây, công tác quản lý đất đai của các cấp chính quyền trong huyện đã có phần bị buông lỏng; vai trò quản lý, giám sát việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất chưa được quan tâm đúng mức. Đây là nguyên nhân dẫn đến kết quả thực hiện một số nhiệm vụ quản lý Nhà nước về đất đai không cao trong đó có công tác lập quy hoạch sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhận thấy được những vấn đề trên, lãnh đạo huyện đã có những biện pháp nhằm khắc phục những sai sót trong khâu quản lý về đất đai, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất, hạn chế được nhiều khiếu kiện không đáng có xảy ra.

Công tác thi hành các quy định pháp luật về đất đai đã được quan tâm, bảo đảm thực hiện ngày càng nề nếp và đi vào ổn định, nâng cao hiệu quả của công tác quản lý, giám sát việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất.

3.1.10. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về đất đai và xử lý vi phạm pháp luật về đất đai

Trong xu thế phát triển kinh tế-xã hội, các tranh chấp đất đai luôn là một vấn đề phức tạp, đa dạng, tính chất và mức độ các vụ tranh chấp đôi khi rất phức tạp và một khi đã xảy ra thì luôn ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất của người dân và đời sống an sinh toàn xã hội.

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề trên, Huyện Ủy, UBND huyện và phòng Tài nguyên và Môi trường hàng năm đã tập trung giải quyết kịp thời công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo của người dân và đề ra các biện pháp cụ thể nhằm hoà giải và hạn chế đến mức thấp nhất các tranh chấp, nhất là khiếu nại về bồi thường, thu hồi đất, giải phóng nhanh mặt bằng, đáp ứng nhu cầu triển khai dự án của các chủ đầu tư.

Công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành và xử lý các vi phạm pháp luật về đất đai không chỉ giúp phát hiện và giải quyết các vi phạm pháp luật về đất đai mà qua đó còn là dịp để tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về luật đất đai, giúp các nhà làm luật hiểu sâu sắc hơn sự phức tạp của mối quan hệ đất đai, từ đó có chính sách điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn quản lý.

Huyện vẫn còn hạn chế về quản lý về đất công, diện tích sử dụng đất công chưa được khai đúng mục đích vẫn còn. Qua thanh tra, kiểm tra lãnh đạo huyện cũng đã kịp thời chấn chỉnh.

3.2. Phân tích, đánh giá hiện trạng và biến động sử dụng đất

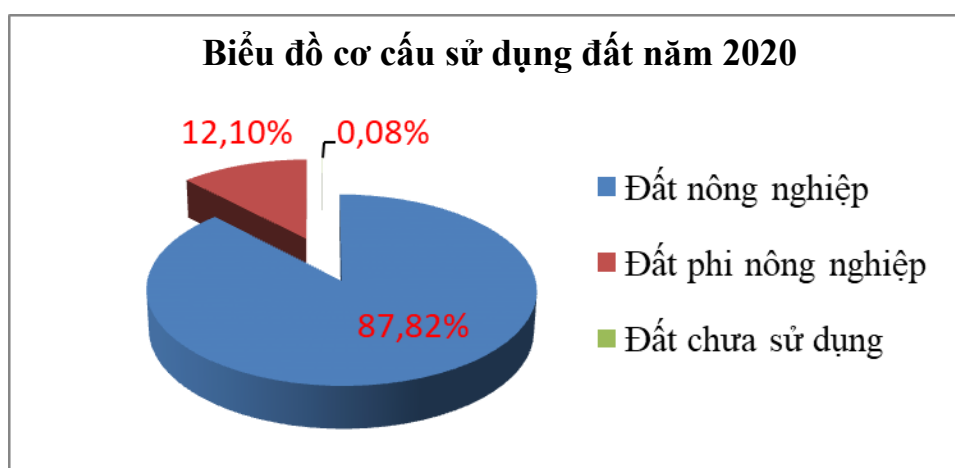
3.2.1. Hiện trạng sử dụng đất theo từng loại đất

- Hiện trạng sử dụng đất: Theo số liệu thống kê đất đai năm 2020 (đến ngày 31/12/2020), diện tích tự nhiên của huyện là 47.103,78 ha chiếm 13,3 % diện tích tự nhiên của tỉnh.

- Nhóm đất nông nghiệp: 41.369,91ha, chiếm 87,82% diện tích đất tự nhiên.

- Nhóm đất phi nông nghiệp: 5.697,73 ha, chiếm 12,10% diện tích đất tự nhiên.

- Nhóm đất chưa sử dụng: 36,14 ha, chiếm 0,08% diện tích đất tự nhiên.



Bảng 14. Hiện trạng sử dụng theo từng loại đất năm 2020 huyện Thoại Sơn

Stt	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	Tổng DTTN (1+2+3)		47.103,78	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	41.373,91	87,82
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	5.693,73	12,10
3	Đất chưa sử dụng	CSD	36,14	0,08
4	Đất khu công nghệ cao*	KCN		
5	Đất khu kinh tế*	KKT		
6	Đất đô thị *	KDT	2.953,66	6,27

Nguồn: Kết quả thống kê đất đai huyện Thoại Sơn

3.2.1.1. Đất nông nghiệp

Năm 2020, Tổng diện tích đất nông nghiệp của toàn huyện là: 41.373,9 ha, chiếm 87,8% tổng diện tích đất tự nhiên. Trong đó:

- Đất trồng lúa có diện tích 38.880,26 ha, chiếm 93,98 % diện tích đất nông nghiệp, tất cả là đất chuyên trồng lúa nước (chủ yếu là đất trồng lúa 2 - 3 vụ), tập trung nhiều nhất ở xã Tây Phú (3.148,08 ha), Vĩnh Phú (3.239,13 ha), Định Mỹ (3.242,46 ha), Vĩnh Chánh (2.771,17 ha); các xã có diện tích đất trồng lúa nhỏ là thị trấn Núi Sập (481,79 ha), Óc Eo (621,52 ha) và Phú Hòa (411,88 ha).

Trong giai đoạn qua diện tích đất lúa của huyện có giảm do chuyển sang các mục đích khác, nhưng địa phương đã mở rộng diện tích gieo trồng các giống lúa ngắn ngày có năng suất cao, chất lượng gạo tốt, kết hợp với ứng dụng khoa học công nghệ cao làm tăng năng suất để đảm bảo sản lượng, năng suất lúa bình quân các vụ trong năm trong giai đoạn 2015-2020 đạt 7,0 tấn/ha/vụ.

- Đất trồng cây hàng năm khác có diện tích 132,86 ha, chiếm 0,32% diện tích đất nông nghiệp, chủ yếu trồng cây màu thương thực như bắp, khoai mì, khoai lang; cây màu thực phẩm như các loại đậu, dưa hấu; cây màu công nghiệp như đậu phộng, mè, mía... và các loại cây màu mà khác làm thức ăn gia súc.

- Đất trồng cây lâu năm diện tích là 1.546,61 ha, chiếm 3,74 % diện tích nông nghiệp. Trong thời gian qua, loại đất này tăng khá mạnh do ngành nông nghiệp đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, khuyến khích người dân trồng các loại cây ăn trái đạt hiệu quả kinh tế cao như dứa, xoài và ổi... phân bố ở tất cả các xã trên địa bàn huyện, chủ yếu ở các vị trí như trên các vùng xung quanh thổ cư và ven các trục giao thông chính;

Nhìn chung, diện tích trồng cây lâu năm trong thời gian qua trên địa bàn huyện tăng nhanh đã góp phần cải thiện kinh tế của nhiều hộ gia đình mang lại hiệu quả sử dụng đất cao do chuyển đổi các mục đích sản xuất nông nghiệp khác kém hiệu quả và một phần được cải tạo từ các vườn tạp. Tuy nhiên, vẫn tồn tại tình trạng phát triển ồ ạt còn mang tính tự phát, theo xu hướng thị trường, chưa có định hướng chiến lược phát triển lâu dài cũng như chưa quy hoạch vùng chuyên canh hóa cụ thể từng loại cây trồng đặc thù sẽ là vấn đề tiềm ẩn nhiều rủi ro đáng lo ngại cần phải quan tâm đánh giá và có giải pháp quản lý quy hoạch hiệu quả trong thời gian tới.

* Đất lâm nghiệp:

- Đất có rừng phòng hộ là rừng tự nhiên có diện tích 51,89 ha, chiếm diện tích 0,13% diện tích đất nông nghiệp.

- Đất có rừng đặc dụng là rừng tự nhiên có 130,98 ha, chiếm 0,32% diện tích đất nông nghiệp.

* Đất nuôi trồng thủy sản có diện tích 516,03 ha, chiếm diện tích 1,25% diện tích đất nông nghiệp. Phân bố chủ yếu ở các xã có điều kiện thuận lợi để phát triển nuôi trồng thủy sản chủ yếu nuôi qua hình thức ao hàm; đặc biệt thời gian qua mô hình lúa tôm được áp dụng khá thành công trên địa bàn huyện, trong đó Phú Thuận là xã có diện tích cao nhất về mô hình này. Còn lại diện tích nuôi trồng thủy sản vẫn mang tính tự phát, tận dụng các diện tích ao, hàm xung quanh khu dân cư và chưa có áp dụng kỹ thuật nuôi nên năng suất chưa cao.

* Đất nông nghiệp khác có diện tích 111,29 ha, chiếm 0,27% diện tích đất nông nghiệp, chủ yếu là khu trang trại và các nhà nuôi chim yến tự phát do người dân xây dựng.

3.2.1.2. Đất phi nông nghiệp

Tổng diện tích đất phi nông nghiệp của huyện đến năm 2020 là 5.697,73 ha, chiếm 12,10 % tổng diện tích tự nhiên.

Trong đó:

- Đất quốc phòng: diện tích là 21,95 ha, chiếm 0,39 % đất phi nông nghiệp, phân bố chủ yếu ở thị trấn Óc Eo và thị trấn Phú Hòa và xã Thoại Giang.

- Đất an ninh: diện tích là 15,43 ha, chiếm 0,27% đất phi nông nghiệp, là đất làm trụ sở cơ quan công an huyện tại thị trấn Núi Sập, Trại giam Định Thành, và ở Vĩnh Trạch.

- Đất cụm công nghiệp: tập trung duy nhất ở thị trấn Phú Hòa với tổng diện tích 29,20 ha, chiếm 0,51% diện tích đất phi nông nghiệp. Diện tích đất cụm công nghiệp hiện do các tổ chức kinh tế sử dụng chủ yếu tập trung ở thị trấn Phú Hòa.

- Đất thương mại, dịch vụ: diện tích là 18,47 ha, chiếm 0,32 % diện tích phi nông nghiệp, phân bố đều ở 17/17 xã, thị trấn, chủ yếu là các nhà máy xay xát, kho dự trữ lương thực, cây xăng. Trong đó, hộ gia đình và cá nhân sử dụng 0,23 ha và còn lại do các tổ chức kinh tế sử dụng.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: diện tích là 89,50ha, chiếm 1,57% diện tích phi nông nghiệp, gồm các cơ sở sản xuất kinh doanh nằm ngoài cụm công nghiệp, được phân bố đều ở các xã, thị trấn.

- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: diện tích 0,90ha chiếm 0,02% diện tích đất phi nông nghiệp. Chủ yếu là hoạt động khai thác đá tại thị trấn Óc Eo.

- Đất phát triển hạ tầng: diện tích đất phát triển hạ tầng trên địa bàn huyện chiếm tỷ lệ rất cao với 3.057,62 ha, chiếm 53,66% diện tích đất phi nông nghiệp, Bình quân diện tích đất phát triển hạ tầng đô thị của huyện đạt 187 m²/người, so với định mức quy hoạch sử dụng đất thì diện tích này của huyện đạt (định mức 150 - 200 m²/người) bao gồm các loại đất sau:

+ Đất cơ sở văn hóa 2,55ha;

+ Đất xây dựng cơ sở y tế 7,36 ha;

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo 55,50 ha;

+ Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao 5,14 ha;

+ Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội 2,58ha;

+ Đất giao thông 1.453,59ha, trong đó tuyến tỉnh lộ 943 đạt chuẩn đường cấp IV khu vực đồng bằng, bình quân đạt trên 2 ha/km, so với định mức quy hoạch sử dụng đất thì diện tích đất tỉnh lộ 943 đã đạt chuẩn (định mức tỉnh lộ tối thiểu 1,2 ha/km); đường từ huyện về đến trung tâm các xã đa phần đều có độ rộng trung bình từ 4m - 6,5m, so với định mức quy hoạch sử dụng đất các đường này đều đạt chuẩn (định mức tối thiểu đường loại A rộng 5m, đường loại B rộng 4m).

+ Đất thủy lợi 1.523,75ha;

+ Đất công trình năng lượng 0,78ha;

+ Đất công trình bưu chính viễn thông 0,39ha;

+ Đất chợ 5,99ha.

Bảng 15. Diện tích đất phát triển hạ tầng năm 2020

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	3.057,62	53,66
1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	2,55	0,04

*Báo cáo thuyết minh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030
và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Thoại Sơn - tỉnh An Giang*

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
2	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	<i>DXH</i>	2,58	0,05
3	Đất y tế	<i>DYT</i>	7,36	0,13
4	Đất giáo dục và đào tạo	<i>DGD</i>	55,50	0,97
5	Đất thể thao	<i>DTT</i>	5,14	0,09
6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	<i>DKH</i>	0,00	0,00
7	Đất chợ	<i>DCH</i>	5,99	0,11
8	Đất giao thông	<i>DGT</i>	1.453,59	25,51
9	Đất thủy lợi	<i>DTL</i>	1.523,75	26,74
10	Đất công trình năng lượng	<i>DNL</i>	0,78	0,01
11	Đất công trình bưu chính viễn thông	<i>DBV</i>	0,39	0,01

- Đất có di tích lịch sử - văn hóa: diện tích là 14,16 ha, chiếm 0,25% tổng diện tích đất phi nông nghiệp, chi tập trung tại thị trấn Óc Eo với các di tích như di tích Óc Eo, hai bia đá và tượng phật 4 tay...

- Đất bãi thải, xử lý chất thải: diện tích là 2,49 ha, chiếm 0,04% diện tích đất phi nông nghiệp, gồm bãi rác thuộc địa bàn thị trấn Núi Sập và khu xử lý rác thải thuộc xã Vĩnh Phú.

- Đất ở tại nông thôn: 1.075,20 ha, chiếm 18,87% diện tích đất phi nông nghiệp. Bình quân diện tích đất ở trong khu dân cư nông thôn đạt 88 m²/người

- Đất ở tại đô thị: 238,68 ha, chiếm 31,45% diện tích đất phi nông nghiệp, đạt 58 m²/người;

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: diện tích là 18,77 ha, chiếm 0,33% diện tích đất phi nông nghiệp chủ yếu là các trụ sở ủy ban nhân dân huyện, thị trấn và các xã;

- Đất cơ sở tôn giáo: 25,25ha, chiếm 0,44% diện tích đất phi nông nghiệp;

- Đất nghĩa trang, nghĩa địa: 16,52 ha, chiếm 0,29% diện tích đất phi nông nghiệp, chủ yếu là các khu nghĩa địa tự phát của các hộ dân nhỏ lẻ trong các xã, chưa được quy hoạch tập trung gây mất mỹ quan và ảnh hưởng đến môi trường.

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: diện tích là 5,80ha, chiếm 0,10% diện tích đất phi nông nghiệp, gồm các điểm vui chơi công cộng, công viên chủ yếu tập trung ở thị trấn Núi Sập, Phú Hòa và Phú Thuận;

- Đất cơ sở tín ngưỡng: diện tích là 4,57ha, chiếm 0,08% diện tích đất phi nông nghiệp, gồm các đình, miếu, cơ sở thờ tự...;

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 1.041,11ha, chiếm 18,27%, diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất mặt nước chuyên dùng: Diện tích đất này chủ yếu là các lồng hồ hiện có trên địa bàn thị trấn Núi Sập (15,79 ha) và giếng nước thuộc thị trấn Óc Eo (2,38 ha) với tổng diện là 20,03 ha, chiếm 0,35% diện tích đất phi nông nghiệp. Diện tích này hầu hết do các tổ chức kinh tế sử dụng.

- Đất phi nông nghiệp khác: diện tích 1,97ha, chiếm 0,03% diện tích đất phi nông nghiệp.

Bảng 16. Hiện trạng sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2020

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	5.697,73	100
2.1	Đất quốc phòng	CQP	21,95	0,39
2.2	Đất an ninh	CAN	15,43	0,27
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	0,00	0,00
2.4	Đất khu chế xuất	SKT	0,00	0,00
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	29,20	0,51
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	18,47	0,32
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	89,50	1,57
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	0,90	0,02
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	3.057,62	53,66
	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	2,55	0,04
	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	2,58	0,05
	Đất y tế	DYT	7,36	0,13
	Đất giáo dục và đào tạo	DGD	55,50	0,97
	Đất thể thao	DTT	5,14	0,09
	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	0,00	0,00
	Đất chợ	DCH	5,99	0,11
	Đất giao thông	DGT	1.453,59	25,51
	Đất thủy lợi	DTL	1.523,75	26,74
	Đất công trình năng lượng	DNL	0,78	0,01
	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	0,39	0,01
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	14,16	0,25

Đơn vị tư vấn: Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật tài nguyên môi trường

Địa chỉ: 822, Trần Hưng Đạo, P. Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

*Báo cáo thuyết minh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030
và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Thoại Sơn - tỉnh An Giang*

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	0,00	0,00
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	2,49	0,04
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.075,20	18,87
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	238,68	4,19
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	18,77	0,33
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,10	0,00
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	0,00	0,00
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	25,25	0,44
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	16,52	0,29
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	0,00	0,00
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,00	0,00
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	5,80	0,10
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	4,57	0,08
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.041,11	18,27
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	20,03	0,35
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	1,97	0,03

3.2.1.3. Đất chưa sử dụng

Theo số liệu thống kê đất đai năm 2020, huyện Thoại Sơn có 36,14ha diện tích đất chưa sử dụng, chiếm 0,08% diện tích đất tự nhiên. Trong đó, chủ yếu là đất núi đá không có rừng cây. Diện tích đất chưa sử dụng tập trung chủ yếu ở địa bàn thị trấn Núi Sập.

*Báo cáo thuyết minh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030
và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Thoại Sơn - tỉnh An Giang*

Bảng 17. Hiện trạng sử dụng đất năm 2020 huyện Thoại Sơn

ĐVT: ha

ST T	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính																
			TT Núi Sập	TT Phú Hòa	TT Óc Eo	Tây Phú	An Bình	Vĩnh Phú	Vĩnh Trạch	Phú Thuận	Vĩnh Chánh	Định Mỹ	Định Thành	Mỹ Phú Đông	Vọng Đông	Vĩnh Khánh	Thoại Giang	Bình Thành	Vọng Thê
1	Đất nông nghiệp	41.369,91	658,59	549,55	967,25	3.213,95	2.497,12	3.377,37	1.808,68	2.759,97	2.894,27	3.337,56	3.048,09	2.849,37	2.565,39	3.198,96	2.597,65	2.656,92	2.389,21
1	Đất trồng lúa	38.880,26	481,79	411,88	621,52	3.148,08	2.441,78	3.239,13	1.548,02	2.520,63	2.771,17	3.242,46	2.752,58	2.803,28	2.450,10	3.021,77	2.496,14	2.591,86	2.338,06
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	38.880,26	481,79	411,88	621,52	3.148,08	2.441,78	3.239,13	1.548,02	2.520,63	2.771,17	3.242,46	2.752,58	2.803,28	2.450,10	3.021,77	2.496,14	2.591,86	2.338,06
1	Đất trồng cây hàng năm khác	132,86	3,64	9,08	10,61	14,43	0,20	11,52	17,73	24,59	2,48	0,29	7,97	-	5,13	21,46	1,93	1,80	-
1	Đất trồng cây lâu năm	1.546,61	99,26	108,37	192,27	38,66	47,02	101,80	154,07	91,07	69,54	82,99	140,72	37,94	94,88	106,26	84,94	55,60	41,22
1	Đất rừng phòng hộ	51,89	51,89	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Đất rừng đặc dụng	130,98	-	-	130,98	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Đất rừng sản xuất	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Đất nuôi trồng thủy sản	516,03	22,01	20,22	11,67	12,78	8,13	24,92	75,59	123,67	51,08	11,83	51,35	8,15	15,29	49,47	14,57	5,39	9,93
2	Đất làm muối	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Đất nông nghiệp khác	111,29	-	-	0,21	-	-	-	13,26	-	-	-	95,48	-	-	-	0,07	2,27	-
2	Đất phi nông nghiệp	5.697,73	291,98	243,24	223,61	304,13	273,81	407,95	385,53	364,53	369,22	371,44	435,04	240,08	378,61	401,25	346,34	339,73	321,24
2	Đất quốc phòng	21,95	0,03	6,24	12,84	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,05	-	2,79	-	-
2	Đất an ninh	15,43	3,11	-	-	-	-	-	-	-	-	-	12,32	-	-	-	-	-	-
2	Đất khu công nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Đất khu chế xuất	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Đất cụm công nghiệp	29,20	-	11,37	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	17,82
3	Đất thương mại, dịch vụ	18,47	4,50	0,99	0,50	0,32	0,19	0,22	3,84	0,34	0,14	-	6,36	0,04	0,12	0,05	0,41	0,39	0,05
3	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	89,50	6,45	28,68	0,84	2,53	0,03	0,27	6,91	0,50	9,91	0,35	6,83	0,02	14,09	0,11	9,38	2,55	0,06
3	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	0,90	-	-	0,90	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Đơn vị tư vấn: Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật tài nguyên môi trường
Địa chỉ: 822, Trần Hưng Đạo, P. Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

*Báo cáo thuyết minh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030
và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Thoại Sơn - tỉnh An Giang*

ST T	Chi tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính																
			TT Núi Sập	TT Phú Hòa	TT Óc Eo	Tây Phú	An Bình	Vĩnh Phú	Vĩnh Trạch	Phú Thuận	Vĩnh Chánh	Định Mỹ	Định Thành	Mỹ Phú Đông	Vọng Đông	Vĩnh Khánh	Thoại Giang	Bình Thành	Vọng Thê
3	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	3.057,62	118,30	67,48	101,35	161,50	160,04	195,19	152,87	217,88	245,00	228,39	279,07	94,50	184,25	257,96	204,13	192,66	197,04
	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	2,55	0,89	0,14	0,14	0,01	-	0,35	-	0,70	-	-	0,08	0,24	-	-	-	-	-
	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	2,58	-	-	-	-	-	-	2,58	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Đất y tế	7,36	0,12	0,14	0,56	0,21	0,14	0,19	0,18	0,18	0,12	0,09	0,13	0,17	0,22	0,15	4,43	0,16	0,18
	Đất giáo dục và đào tạo	55,50	7,56	5,11	3,54	1,72	2,97	2,20	2,67	2,53	2,60	4,05	3,79	2,08	3,17	3,58	4,14	1,97	1,80
	Đất thể thao	5,14	1,26	1,10	1,25	-	-	-	0,30	-	-	-	0,44	-	-	-	0,13	0,65	-
	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Đất chợ	5,99	0,68	0,51	0,19	0,16	0,15	0,48	0,72	0,69	0,31	0,06	0,56	0,17	0,69	0,37	-	0,19	0,05
	Đất giao thông	1.453,59	62,78	47,24	55,51	89,90	90,77	81,57	72,13	86,23	113,02	102,55	109,66	70,03	77,49	117,87	89,34	87,73	99,77
	Đất thủy lợi	1.523,75	44,78	13,21	40,13	69,50	66,00	110,37	74,19	127,55	128,94	121,64	163,82	21,81	102,67	135,91	106,04	101,93	95,25
	Đất công trình năng lượng	0,78	0,16	-	-	-	-	-	0,04	-	-	-	0,58	-	-	-	-	-	-
	Đất công trình bưu chính viễn thông	0,39	0,08	0,02	0,03	0,02	-	0,02	0,07	-	-	-	0,01	-	0,01	0,08	0,03	0,03	-
2	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	14,16	-	-	14,16	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Đất danh lam thắng cảnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Đất bãi thải, xử lý chất thải	2,49	2,15	-	-	-	-	0,35	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Đất ở tại nông thôn	1.075,20	-	-	-	50,65	49,90	104,04	142,98	79,20	77,29	62,80	105,10	39,77	90,53	90,88	72,17	73,82	36,06
2	Đất ở tại đô thị	238,68	93,54	79,33	65,81	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	18,77	6,30	1,05	0,62	0,84	0,70	0,78	1,24	0,73	0,42	0,99	0,40	0,66	0,59	1,36	0,84	0,68	0,58
2	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	0,10	0,10	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Đất cơ sở tôn giáo	25,25	11,25	0,71	4,69	-	-	-	3,95	0,06	0,89	0,67	1,85	-	0,58	-	-	0,59	-

*Báo cáo thuyết minh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030
và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Thoại Sơn - tỉnh An Giang*

ST T	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính																
			TT Núi Sập	TT Phú Hòa	TT Óc Eo	Tây Phú	An Bình	Vĩnh Phú	Vĩnh Trạch	Phú Thuận	Vĩnh Chánh	Định Mỹ	Định Thành	Mỹ Phú Đông	Vọng Đông	Vĩnh Khánh	Thoại Giang	Bình Thành	Vọng Thê
2	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	16,52	4,08	0,88	0,87	0,01	-	1,44	3,13	0,34	0,49	1,01	1,90	-	0,80	0,33	1,09	0,13	0,01
2	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Đất sinh hoạt cộng đồng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	5,80	5,49	-	-	-	-	-	0,13	0,08	-	-	-	-	-	-	-	-	0,10
2	Đất cơ sở tín ngưỡng	4,57	0,74	0,15	0,58	0,04	0,16	0,61	0,25	0,33	0,36	0,73	-	-	0,05	0,12	-	0,44	-
2	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	1.041,11	18,32	46,36	18,00	87,96	62,62	105,05	69,99	65,08	34,44	76,50	21,00	105,08	87,55	50,43	55,53	68,29	68,92
2	Đất có mặt nước chuyên dùng	20,03	17,58	-	2,45	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Đất phi nông nghiệp khác	1,97	0,03	-	-	0,28	0,17	-	0,22	-	0,28	-	0,20	-	-	0,01	-	0,18	0,59
3	Đất chưa sử dụng	36,14	-	-	19,44	-	1,97	-	-	-	-	-	-	-	14,72	-	-	-	-
4	Đất khu công nghệ cao*	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5	Đất khu kinh tế*	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6	Đất đô thị*	2.953,66	950,57	792,79	1.210,30	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Nguồn: Kết quả thống kê đất đai năm 2020 huyện Thoại Sơn

3.2.1.4. Đất đô thị⁽¹⁾

Bảng 18. Diện tích đất khu vực đô thị năm 2020

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Cơ cấu (%)	Phân theo đơn vị hành chính		
					TT Núi Sập	TT Phú Hòa	TT Óc Eo
	Loại đất		2.953,66	100,00	950,57	792,79	1.210,30
1	Đất nông nghiệp	NNP	2.175,39	73,65	658,59	549,55	967,25
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.515,19	51,30	481,79	411,88	621,52
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>1.515,19</i>	<i>51,30</i>	<i>481,79</i>	<i>411,88</i>	<i>621,52</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	23,33	0,79	3,64	9,08	10,61
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	399,89	13,54	99,26	108,37	192,27
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	51,89	1,76	51,89	-	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	130,98	4,43	-	-	130,98
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	-	-	-	-	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	53,90	1,82	22,01	20,22	11,67
1.8	Đất làm muối	LMU	-	-	-	-	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	0,21	0,01	-	-	0,21
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	758,82	25,69	291,98	243,24	223,61
2.1	Đất quốc phòng	CQP	19,11	0,65	0,03	6,24	12,84
2.2	Đất an ninh	CAN	3,11	0,11	3,11	-	-
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-	-	-	-
2.4	Đất khu chế xuất	SKT	-	-	-	-	-
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	-	-	-	-	-

⁽¹⁾ Theo Thông tư 27/2018/TT – BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ tiêu đất đô thị (KDT) bao gồm các loại đất được xác định thuộc phạm vi địa giới hành chính các phường, thị trấn...

*Báo cáo thuyết minh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030
và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Thoại Sơn - tỉnh An Giang*

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Cơ cấu (%)	Phân theo đơn vị hành chính		
					TT Núi Sập	TT Phú Hòa	TT Óc Eo
			11,37	0,39		11,37	
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	5,98	0,20	4,50	0,99	0,50
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	35,96	1,22	6,45	28,68	0,84
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	0,90	0,03	-	-	0,90
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	287,14	9,72	118,30	67,48	101,35
	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	1,17	0,04	0,89	0,14	0,14
	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	-	-	-	-	-
	Đất y tế	DYT	0,81	0,03	0,12	0,14	0,56
	Đất giáo dục và đào tạo	DGD	16,22	0,55	7,56	5,11	3,54
	Đất thể thao	DTT	3,61	0,12	1,26	1,10	1,25
	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	-	-	-	-	-
	Đất chợ	DCH	1,38	0,05	0,68	0,51	0,19
	Đất giao thông	DGT	165,53	5,60	62,78	47,24	55,51
	Đất thủy lợi	DTL	98,12	3,32	44,78	13,21	40,13
	Đất công trình năng lượng	DNL	0,16	0,01	0,16	-	-
	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	0,13	0,00	0,08	0,02	0,03
2.1	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	14,16	0,48	-	-	14,16
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-	-	-	-
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	2,15	0,07	2,15	-	-
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	-	-	-	-	-

*Báo cáo thuyết minh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030
và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Thọai Sơn - tỉnh An Giang*

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Cơ cấu (%)	Phân theo đơn vị hành chính		
					TT Núi Sập	TT Phú Hòa	TT Óc Eo
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	238,68	8,08	93,54	79,33	65,81
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	7,97	0,27	6,30	1,05	0,62
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,10	0,00	0,10	-	-
2,17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-	-
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	16,66	0,56	11,25	0,71	4,69
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	5,83	0,20	4,08	0,88	0,87
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	-	-	-	-	-
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	-	-	-	-	-
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	5,49	0,19	5,49	-	-
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	1,48	0,05	0,74	0,15	0,58
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	82,68	2,80	18,32	46,36	18,00
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	20,03	0,68	17,58	-	2,45
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,03	0,00	0,03	-	-
3	Đất chưa sử dụng	CSD	19,44	0,66	-	-	19,44
4	Đất khu công nghệ cao*	KCN	-	-			
5	Đất khu kinh tế*	KKT	-	-			
6	Đất đô thị*	KDT	2.953,66	100,00	950,57	792,79	1.210,30

*Ghi chú: * Không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên*

Đất đô thị của huyện tập trung chủ yếu ở 3 thị trấn với tổng diện tích 2.953,66 ha, chiếm 6,27 % tổng diện tích tự nhiên.

Trong cơ cấu các loại đất thuộc khu vực đô thị thì diện tích đất nông nghiệp của huyện vẫn còn khá cao: 2.175,39 ha chiếm 73,65% diện tích đất đô thị của toàn huyện. Đất phi nông nghiệp trong khu vực đô thị là 758,82 ha, chiếm 25,69 % diện tích đất đô thị của toàn huyện. Trong đó đất phát triển hạ tầng và đất ở đô thị là hai loại đất chiếm diện tích cao nhất:

- Diện tích đất phát triển hạ tầng đô thị của huyện đạt 287,14 ha chiếm 37,84 % diện tích đất phi nông nghiệp trong khu vực đô thị. Bình quân diện tích đất hạ tầng trên mỗi người dân sống khu vực đô thị có 70,12 m²/người.

- Đất ở đô thị có 238,68 ha chiếm 31,45 % diện tích đất phi nông nghiệp trong khu vực đô thị, bình quân đạt 58 m²/người, đạt chuẩn quy định;

Nhìn chung, diện tích đất phát triển hạ tầng và các loại đất chuyên dùng khác trong khu vực đô thị hiện nay cơ bản đáp ứng nhu cầu thúc đẩy phát triển kinh tế - văn hóa – xã hội của huyện. Tuy nhiên, với định hướng hình thành chuỗi đô thị phát triển dọc theo Tỉnh lộ 943 với 09 đơn vị hành chính gồm 03 thị trấn là Phú Hòa lên đô thị loại III, Óc Eo lên đô thị loại IV, Núi Sập lên đô thị loại III và 06 xã gồm Thoại Giang, Định Thành, Bình Thành, Vĩnh Trạch, Vọng Đông, Vọng Thê, về lâu dài cần đẩy mạnh việc mở rộng các công trình phúc lợi công cộng, các cơ sở dịch vụ hiện có cũng như quy hoạch mới hệ thống các tuyến tránh giao thông trong thời gian tới là cấp thiết.

3.2.2. Biến động sử dụng đất giai đoạn 2015-2020

** Khái quát tình hình biến động đất đai*

Nguyên nhân: Do chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất để phát huy hiệu quả trên một đơn vị diện tích. Nhu cầu xây dựng phát triển đất hạ tầng như: giao thông, thủy lợi, giáo dục, y tế, chợ,... phát triển cụm công nghiệp, sản xuất kinh doanh, thương mại. Xu hướng chuyển đổi mục đích sử dụng đất ở một số vùng trọng điểm để phát triển dịch vụ, đô thị. Đất ở và đất chuyên dùng sẽ lấn chiếm sang đất sản xuất nông nghiệp, thủy sản và đất sản xuất nông nghiệp, thủy sản sẽ mở rộng sang đất chưa sử dụng hoặc theo hướng chuyển dịch cơ cấu cây trồng. Cụ thể:

- Về đất sản xuất nông nghiệp: Tình hình sử dụng đất nông nghiệp đã có chuyển biến tích cực. Sự chuyển dịch cơ cấu cây trồng đã hình thành, củng cố và

mở rộng nhiều vùng sản xuất chuyên canh tập trung (các vùng lúa chuyên canh theo tiêu vùng, cánh đồng mẫu lớn và vùng lúa cao sản), là cơ sở đảm bảo khả năng ổn định và phát triển sản xuất lương thực cũng như phát triển các cơ sở công nghiệp chế biến đang trở thành một trong các lĩnh vực kinh tế mũi nhọn của huyện. Nhiều mô hình kinh tế trang trại đã xuất hiện mặc dù mới chỉ ở quy mô vừa và nhỏ; đất đai đang dần được khai thác hiệu quả, đúng hướng, phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng và khí hậu.

Mặt hạn chế là việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng chưa mạnh; diện tích và chất lượng các loại cây công nghiệp hàng năm, cây ăn quả, cây lúa chất lượng cao chưa tương xứng với tiềm năng và thế mạnh của huyện.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Diện tích đất có xu hướng tăng là do sự tự phát của bà con nhân dân nuôi trồng thủy sản ở các địa hình và điều kiện thích hợp như các ao, nuôi cá bè... phát triển nuôi trồng thủy sản tập trung với quy mô lớn trên toàn huyện đang là vấn đề cần nghiên cứu và cân nhắc.

- Đất phi nông nghiệp: Diện tích đất phi nông nghiệp thực tế luôn có xu hướng tăng và chủ yếu dùng vào các mục đích xây dựng hạ tầng kỹ thuật (giao thông, thủy lợi), hạ tầng xã hội... Tuy nhiên, sự phân bố các loại đất này hiện không đều giữa các xã, thị trấn, mới chỉ tập trung nhiều ở thị trấn và các khu trung tâm kinh tế. Hệ thống cơ sở hạ tầng ở các xã còn nhiều khó khăn.

- Đất khu dân cư nông thôn: Được quản lý sử dụng ngày càng chặt chẽ và hiệu quả hơn nhưng chậm được đầu tư chỉnh trang do điều kiện kinh tế của người dân còn gặp nhiều khó khăn; đất ở, đất xây dựng trong khu dân cư phân bố không tập trung, gây khó khăn trong việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cải thiện đời sống văn hoá, y tế giáo dục và sinh hoạt của nhân dân.

3.2.2.1. Biến động diện tích tự nhiên

Theo kết quả thống kê đất đai đến ngày 31/12/2020, tổng diện tích đất tự nhiên là 47.103,78ha. Tổng diện tích tự nhiên của huyện tăng 21,75 ha so với kỳ kiểm kê năm 2015. Nguyên nhân giảm là do việc điều chỉnh địa giới hành chính trên toàn tỉnh, mặt khác kỳ kiểm kê năm 2019 sử dụng phần mềm tự động hóa số liệu kiểm kê đất đai của Tổng cục Quản lý đất đai ban hành nên số liệu kiểm kê đất đai được tổng hợp từ bản đồ hiện trạng sử dụng đất, tạo sự thống nhất giữa bản đồ và các số liệu trong các biểu mẫu.

Bảng 19. Tình hình biến động các loại đất giai đoạn 2010 – 2015 - 2020

ĐVT: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2010	Diện tích năm 2015	Diện tích năm 2020	So sánh tăng (+), giảm (-) 2020/2010	So sánh tăng (+), giảm (-) 2020/2015
	LOẠI ĐẤT		46.651,43	47.082,03	47.103,78	452,35	21,75
1	Đất nông nghiệp	NNP	41.338,75	41.638,18	41.369,91	31,16	-268,26
1.1	Đất trồng lúa	LUA	39.320,60	39.639,93	38.880,26	-440,34	-759,67
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>39.320,60</i>	<i>39.639,93</i>	<i>38.880,26</i>	<i>-440,34</i>	<i>-759,67</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK		69,39	132,86	132,86	63,46
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.048,58	1.262,17	1.546,61	498,03	284,44
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	14,08	0,00	51,89	37,81	51,89
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	131,67	131,63	130,98	-0,69	-0,66
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX		0,00	0,00	0,00	0,00
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	823,82	425,08	516,03	-307,79	90,95
1.8	Đất làm muối	LMU		0,00	0,00	0,00	0,00
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH		109,97	111,29	111,29	1,33
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	5.312,68	5.337,10	5.697,73	385,05	360,63
2.1	Đất quốc phòng	CQP	20,58	21,90	21,95	1,37	0,05
2.2	Đất an ninh	CAN	158,57	10,32	15,43	-143,14	5,11
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK		0,00	0,00	0,00	0,00
2.4	Đất khu chế xuất	SKT		0,00	0,00	0,00	0,00
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	18,38	14,48	29,20	10,82	14,71
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD		7,86	18,47	18,47	10,61
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	22,08	41,98	89,50	67,42	47,53
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS		2,89	0,90	0,90	-1,99
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	0,00	2.936,26	3.057,62	3.057,62	121,36
	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>		<i>0,21</i>	<i>2,55</i>	<i>2,55</i>	<i>2,34</i>
	<i>Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội</i>	<i>DXH</i>		<i>1,92</i>	<i>2,58</i>	<i>2,58</i>	<i>0,66</i>

*Báo cáo thuyết minh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030
và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Thọai Sơn - tỉnh An Giang*

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2010	Diện tích năm 2015	Diện tích năm 2020	So sánh tăng (+), giảm (-) 2020/2010	So sánh tăng (+), giảm (-) 2020/2015
	Đất y tế	DYT		7,32	7,36	7,36	0,04
	Đất giáo dục và đào tạo	DGD		49,12	55,50	55,50	6,37
	Đất thể thao	DTT		4,16	5,14	5,14	0,98
	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH		0,00	0,00	0,00	0,00
	Đất chợ	DCH		8,96	5,99	5,99	-2,97
	Đất giao thông	DGT		1.281,42	1.453,59	1.453,59	172,17
	Đất thủy lợi	DTL		1.582,23	1.523,75	1.523,75	-58,48
	Đất công trình năng lượng	DNL		0,47	0,78	0,78	0,31
	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV		0,45	0,39	0,39	-0,06
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT		8,92	14,16	14,16	5,24
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	7,83	0,11	0,00	-7,83	-0,11
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA		2,45	2,49	2,49	0,04
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT		972,26	1.075,20	1.075,20	102,94
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT		220,60	238,68	238,68	18,08
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	16,05	15,47	18,77	2,72	3,30
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS		2,63	0,10	0,10	-2,53
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		0,00	0,00	0,00	0,00
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON		15,85	25,25	25,25	9,39
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD		12,19	16,52	16,52	4,33
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX		0,00	0,00	0,00	0,00
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH		1,83	0,00	0,00	-1,83
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV		6,77	5,80	5,80	-0,97
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN		4,78	4,57	4,57	-0,21
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON		1.012,97	1.041,11	1.041,11	28,15

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2010	Diện tích năm 2015	Diện tích năm 2020	So sánh tăng (+), giảm (-) 2020/2010	So sánh tăng (+), giảm (-) 2020/2015
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC		18,17	20,03	20,03	1,85
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK		6,38	1,97	1,97	-4,41
3	Đất chưa sử dụng	CSD		106,76	36,14	36,14	-70,62
4	Đất khu công nghệ cao*	KCN		0,00	0,00	0,00	0,00
5	Đất khu kinh tế*	KKT		0,00	0,00	0,00	0,00
6	Đất đô thị*	KDT		2.917,77	2.953,66	2.953,66	35,89

Nguồn: Kết quả kiểm kê đất đai, thống kê đất đai huyện Thoại Sơn

Những năm gần đây với các chương trình đầu tư các công trình lớn của Nhà nước và các chương trình dự án về cơ sở hạ tầng, phát triển đô thị của huyện, cùng với chương trình quy hoạch các công trình nông thôn mới ở hầu hết các đơn vị hành chính trong huyện (công trình giao thông liên thôn, liên xã, liên huyện, liên tỉnh và quốc lộ được mở mới, mở rộng; các công trình thủy lợi, công trình trường học, y tế...) vì vậy một số loại đất chuyên dùng tăng lên rõ rệt theo hướng tích cực.

Nhìn chung, việc đánh giá biến động đất đai theo các chỉ tiêu sử dụng trên địa bàn huyện chủ yếu mang tính chất tương đối, do có nhiều sai số trong công tác thống kê, kiểm kê đất đai theo nguyên nhân đã trình bày ở trên. Nhưng có thể thấy các loại đất phi nông nghiệp đều có diện tích tăng, phản ánh đúng nhu cầu thực tế về đất đai cho xây dựng cơ sở hạ tầng; là xu hướng tất yếu trong quá trình vận động của nền kinh tế - xã hội huyện nói riêng và của tỉnh An Giang nói chung. Phần lớn diện tích đất phi nông nghiệp tăng thêm được lấy từ nông nghiệp, vì vậy huyện đã có kế hoạch trong việc phát triển cơ sở hạ tầng, đồng thời quan tâm đến phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững về kinh tế-xã hội-môi trường.

3.3. Hiệu quả kinh tế - xã hội, môi trường, tính hợp lý của việc sử dụng đất

3.3.1. Hiệu quả kinh tế - xã hội, môi trường của việc sử dụng đất

Việc sử dụng đất đai đúng quy hoạch, đúng mục đích nhằm đảm bảo cho công tác quản lý nhà nước về đất đai đúng theo quy định. Bên cạnh đó còn đáp ứng đầy đủ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Quỹ đất đai được khai thác sử dụng đạt tỷ lệ cao. Đất cho sản xuất nông nghiệp tuy có giảm nhưng năng suất, số lượng, hiệu quả sử dụng đất ngày càng tăng. Đáp ứng được nhiều mục tiêu an toàn lương thực và xuất khẩu.

Tỷ lệ đất nông nghiệp còn lớn, đa số diện tích này hiện nay được sử dụng để trồng lúa và trồng cây ăn trái kết hợp du lịch đạt hiệu quả kinh tế khá cao. Do đó, diện tích đất sử dụng cho nông nghiệp phù hợp với điều kiện đất đai của huyện;

Chủ trương giao đất nông nghiệp ổn định cùng các chính sách đẩy mạnh sản xuất hàng hoá nông nghiệp đã làm cho nông dân năng động hơn, bố trí hợp lý cây trồng, vật nuôi; khôi phục và phát triển nhiều vườn cây ăn trái có giá trị kinh tế cao; đất trồng cây ăn trái giai đoạn 2015-2020 tăng khá cao đã tạo hiệu quả cao trong sử dụng đất nông nghiệp, đồng thời đã hạn chế được việc chuyển đất nông nghiệp sang sử dụng vào các mục đích khác;

Dành quỹ đất đáp ứng nhu cầu xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển công nghiệp, dịch vụ, chỉnh trang và xây dựng mới các khu dân cư đô thị, nông thôn, quản lý chặt chẽ việc chuyển đất nông nghiệp sang các mục đích phi nông nghiệp.

Đất phi nông nghiệp trên địa bàn ngày càng được chú trọng nâng cao, sử dụng tiết kiệm, đúng mục đích phần nào đáp ứng cho việc phát triển hạ tầng kỹ thuật – xã hội như giao thông, văn hóa, giáo dục,... cũng như phát triển thương mại – dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp nên đã góp phần quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo thêm việc làm cho người lao động, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân đúng như mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra.

Quỹ đất cho xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ trong lĩnh vực nông nghiệp đã được đầu tư hợp lý, do đó đã tăng cao hiệu quả sản xuất, đảm bảo vấn đề an ninh lương thực và phần nào đáp ứng cho xuất khẩu.

Nhìn chung, trong thời gian qua đất đai trên địa bàn huyện đã được sử dụng một cách khoa học và tiết kiệm nên đạt hiệu quả sử dụng đất khá cao. Do đó mang lại hiệu quả cao về kinh tế - xã hội và môi trường góp phần thúc đẩy phát triển nền kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái.

3.3.2. Tính hợp lý của việc sử dụng đất

3.3.2.1. Cơ cấu sử dụng đất

a) Cơ cấu theo mục đích sử dụng đất

- Đất nông nghiệp: diện tích 41.369,91ha, chiếm 87,83% diện tích tự nhiên.

- Đất phi nông nghiệp: 5.697,73 ha, chiếm 12,10% diện tích đất tự nhiên.

- Đất chưa sử dụng: 36,14 ha, chiếm 0,08% diện tích đất tự nhiên

b) Cơ cấu theo đối tượng sử dụng đất:

- Diện tích của Hộ gia đình và cá nhân (GDC) sử dụng:

+ Đất nông nghiệp: 40.528,4 ha chiếm 86,04% so với diện tích tự nhiên;

+ Đất phi nông nghiệp: 1.335,6 ha chiếm 2,84% so với diện tích tự nhiên;

- Diện tích của UBND xã sử dụng và quản lý:

+ Đất nông nghiệp: 46,7 ha chiếm 0,10% so với diện tích tự nhiên

+ Đất phi nông nghiệp: 2.902,6 ha chiếm 6,16% so với diện tích tự nhiên

- Các tổ chức kinh tế (TKT):

+ Đất nông nghiệp: 146,10ha chiếm 0,31% so với diện tích tự nhiên

+ Đất phi nông nghiệp: 129,9 ha chiếm 0,28% so với diện tích tự nhiên

- Cơ quan, đơn vị của Nhà nước (TCN):

+ Đất nông nghiệp: 469,5 ha chiếm 1,0% so với diện tích tự nhiên

+ Đất phi nông nghiệp: 73,7 ha chiếm 0,16% so với diện tích tự nhiên.

- Các tổ chức khác (TKH):

+ Đất phi nông nghiệp: 2,6 ha chiếm 0,01% so với diện tích tự nhiên.

- Cộng đồng dân cư (CDS):

+ Đất nông nghiệp: 1,6 ha chiếm 0,003% so với diện tích tự nhiên

+ Đất phi nông nghiệp: 42,7 ha chiếm 0,09% so với diện tích tự nhiên.

Toàn bộ quỹ đất nông nghiệp và phi nông nghiệp của huyện đã được đưa vào khai thác sử dụng cho việc phát triển kinh tế - xã hội an ninh, quốc phòng trên địa bàn. Trong những năm gần đây, cùng với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, tăng tỷ trọng khu vực kinh tế dịch vụ, công nghiệp và giảm tỷ trọng khu vực kinh tế nông nghiệp, do đó cơ cấu sử

dụng đất cũng thay đổi theo để phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

Tuy nhiên cơ cấu sử dụng đất còn một số tồn tại như: tỷ lệ đất phi nông nghiệp tuy ngày càng được nâng lên nhưng còn ở mức thấp (12,10%) so với nhu cầu phát triển, cho thấy hệ thống kết cấu hạ tầng chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trước mắt cũng như lâu dài. Tỷ lệ đất nông nghiệp còn cao (87,83%), chứng tỏ sản xuất nông nghiệp vẫn là chủ yếu, và đô thị phát triển chậm.

3.3.2.2. Mức độ thích hợp của từng loại đất so với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội

Đất trồng cây hàng năm khác giảm về quy mô diện tích, nhưng phân bố hợp lý về địa bàn và được đầu tư thâm canh nên sản lượng tăng, chất lượng sản phẩm được nâng cao;

Đất trồng cây ăn trái đang được mở rộng diện tích để trồng những loại cây có hiệu quả kinh tế cao, hình thành các vùng cây ăn trái tập trung kết hợp với du lịch sinh thái;

Diện tích đất dành cho xây dựng hạ tầng kỹ thuật (giao thông, thủy lợi...) và hạ tầng xã hội (giáo dục, y tế, văn hoá...) vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế nên làm hạn chế khả năng giao lưu, thu hút và hiệu quả đầu tư;

Do quá trình đô thị hóa nên phần lớn diện tích đất cần cho nhu cầu phát triển các ngành phi nông nghiệp phải lấy từ đất nông nghiệp làm hẹp diện tích đất nông nghiệp nhưng đây là nhu cầu tất yếu.

3.3.2.3. Tình hình đầu tư về vốn, vật tư, khoa học kỹ thuật trong sử dụng đất

Với truyền thống lâu đời trong sản xuất lúa nước, nuôi trồng thủy sản nông dân của huyện đã tận dụng được những lợi thế trong sản xuất lúa, nuôi trồng thủy sản,... đem lại hiệu quả khá cao trong sản xuất nhằm cải thiện đời sống của nhân dân trong huyện.

Tuy nhiên, trong sản xuất nông nghiệp nông dân vẫn thường lạm dụng phân bón hoá học và thuốc bảo vệ thực vật điều này đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến môi trường sinh thái tự nhiên.

Quỹ đất đất nông nghiệp của huyện ngày càng giảm trong khi nhu cầu cho phát triển sản xuất nông nghiệp - thủy sản ngày càng cao, trong khi đó hàng năm đất nông nghiệp thường phải chuyển sang đất phi nông nghiệp là khá lớn để phục vụ cho quá trình đô thị hoá và công nghiệp hoá.

Nhu cầu sử dụng nhóm đất phi nông nghiệp ngày càng cao nhưng hiện tại tỷ lệ đất phi nông nghiệp thấp chưa tương xứng với ý nghĩa và yêu cầu về sử dụng đất để phát triển kinh tế.

Trong giai đoạn 2015-2020, huyện Thoại Sơn đã tập trung mọi nguồn lực trong và ngoài huyện, cũng như các nguồn vốn được hỗ trợ từ Trung ương và tỉnh để đầu tư cho các ngành kinh tế trên địa bàn và phát triển cơ sở hạ tầng. Song song đó, huyện cũng đã thực hiện nhiều chính sách, giải pháp tương đối toàn diện liên quan đến vấn đề đầu tư vốn, vật tư, khoa học kỹ thuật làm đòn bẩy kinh tế trong sử dụng đất nhằm tạo mọi điều kiện cho các đối tượng có nhu cầu sử dụng đất nhận được sự đầu tư và có thể đầu tư vào đất bằng các hình thức như cho vay vốn đầu tư trang thiết bị sản xuất, mở các lớp tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ...v.v.

3.4. Phân tích, đánh giá những tồn tại và nguyên nhân trong việc sử dụng đất

Trong những năm qua công tác quản lý, sử dụng đất đai của huyện đã đạt kết quả khá cao. Nguồn tài nguyên đất đai đã được khai thác có hiệu quả, phù hợp với tiềm năng, thế mạnh của địa phương, từ đó góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, còn một số tồn tại trong sử dụng đất cần được chú trọng khắc phục trong những năm tới, cũng như trong phương án quy hoạch sử dụng đất, cụ thể:

- Nhu cầu sử dụng nhóm đất phi nông nghiệp ngày càng cao nhưng tỷ lệ đất phi nông nghiệp thấp chưa tương xứng với ý nghĩa và yêu cầu về sử dụng đất để phát triển kinh tế;

- Quỹ đất dành cho các hoạt động văn hoá, thể thao, y tế... chưa được bố trí thoả đáng và hợp lý, nhiều nơi bị thu hẹp do bị lấn chiếm để sử dụng vào các mục đích khác;

- Do nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và dân sinh nên vẫn phải chuyển một số diện tích đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích đầu tư phát triển tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, xây dựng kết cấu hạ tầng và đô thị hoá nhưng vẫn phải đảm bảo an ninh lương thực là một khó khăn lớn của huyện nói riêng và tỉnh An Giang nói chung;

- Việc chỉnh trang, xây dựng các khu dân cư đô thị và nông thôn vẫn còn bất cập cả về kinh tế, kỹ thuật. Do tập quán và điều kiện sinh hoạt, dân cư nông thôn chủ yếu sống phân tán dọc đường giao thông, sông, kênh, rạch, bờ vùng...nên

gây khó khăn cho việc quản lý và xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông, điện, nước.v.v.

- Nhận thức của người dân về chính sách đất đai chưa đồng đều nên có nhiều trường hợp chưa chấp hành nghiêm pháp luật đất đai.

IV. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT 05 NĂM KỲ CUỐI (2015-2020)

4.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) huyện Thoại Sơn

Thực hiện chỉ tiêu phân khai các loại đất của UBND tỉnh An Giang, huyện Thoại Sơn tiến hành lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011 - 2015) được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1916/QĐ-UBND ngày 9 tháng 9 năm 2013 và Quyết định số 2360/QĐ-UBND ngày 26/9/2018 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Thoại Sơn, UBND huyện triển khai thực hiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, bồi thường giải phóng mặt bằng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng đất cho các mục tiêu phát triển kinh tế - hội xã, an ninh, quốc phòng. Kết quả thực hiện giai đoạn 2016 - 2020 huyện thực hiện được 59 công trình trọng điểm.

Bảng 20. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu KHSDD 5 năm kỳ cuối (2015-2020)⁽²⁾

TT	Tên công trình, dự án trọng điểm	Loại đất	Địa điểm	Năm thực hiện	Quy mô	Ghi chú
1	Phát triển đất rừng đặc dụng (núi)	RDD	Thị trấn Núi Sập	2020	62,27	
2	Mở rộng trụ sở Công An huyện	CAN	Thị trấn Núi Sập	2017	2,20	
3	Cửa hàng xăng dầu trên đường Tuyến kênh Ba Thê (Mướp Văn-Cảng Dừa)	TMD	Xã Tây Phú	2017	0,06	
4	Kho trung chuyển LPG (xăng dầu) Thoại Sơn 2	TMD	Thị trấn Óc Eo	2018	0,05	
5	Quy hoạch cây xăng áp Tân Đông	TMD	Xã Mỹ Phú Đông	2020	0,06	
6	Xây mới siêu thị	TMD	Thị trấn Núi Sập	2020	1,00	

⁽²⁾1.Nguồn: Báo cáo quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011-2020.

2.Báo cáo thống kê đất đai đến ngày 31/12/2020 của huyện Thoại Sơn.

*Báo cáo thuyết minh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030
và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Thoại Sơn - tỉnh An Giang*

TT	Tên công trình, dự án trọng điểm	Loại đất	Địa điểm	Năm thực hiện	Quy mô	Ghi chú
7	Cây xăng	TMD	Thị trấn Núi Sập	2018	0,10	
8	Cây xăng	TMD	Xã Vĩnh Trạch	2018	0,16	
9	Mở rộng kho dự trữ lương thực	SKC	Xã Bình Thành	2018	8,00	
10	Cơ sở sản xuất giấy Thanh Trúc + Vĩnh An	SKC	Thị trấn Núi Sập	2018	2,80	
11	Cửa hàng nông sản an toàn thực phẩm của cty TNHH TMDV Phan An		Thị trấn Núi Sập	2019	0,03	
12	Nhà máy sản xuất cấu kiện bê tông	SKC	Xã Vĩnh Trạch	2019	1,18	
13	Cơ sở sản xuất bong bóng cá	SKC	Xã Vọng Thê	2019	6,97	
14	Công ty chế biến nông sản CPAP	SKC	Thị trấn Phú Hòa	2020	0,85	
15	Trung tâm VH TT & HTCD	DVH	Xã Mỹ Phú Đông	2018	0,25	
16	Nhà thiếu nhi Thoại Sơn (huyện đoàn)	DVH	Thị trấn Núi Sập	2017	0,95	
17	Xây mới nhà văn hóa xã	DVH	Xã An Bình	2017	0,25	
18	Nhà văn hóa huyện Thoại Sơn	DVH	Thị trấn Núi Sập	2017	0,20	
19	Xây mới TT văn hóa + TTHTCD kết hợp TDTT	DVH	Xã Vọng Thê	2020	2,70	
20	Mở rộng TT Văn Hóa xã kết hợp TTHTCD	DVH	Xã Định Thành	2020	0,25	
21	Mở rộng Trường Mẫu Giáo (điểm phụ)	DGD	Xã Mỹ Phú Đông	2018	0,02	
22	Mở rộng trường Tiểu Học "B" (điểm phụ)	DGD	Xã An Bình	2018	0,10	
23	Mở mới trường Tiểu Học "A" (điểm phụ)	DGD	Xã An Bình	2018	0,15	
24	Mở mới trường MG điểm phụ	DGD	Xã An Bình	2018	0,10	
25	Mở rộng Trường THCS	DGD	Xã Vọng Đông	2018	0,20	
26	Mở rộng trường mẫu giáo ấp Phú Thuận	DGD	Xã Tây Phú	2018	0,01	

*Báo cáo thuyết minh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030
và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Thoại Sơn - tỉnh An Giang*

TT	Tên công trình, dự án trọng điểm	Loại đất	Địa điểm	Năm thực hiện	Quy mô	Ghi chú
27	Mở rộng trường THCS	DGD	Xã Tây Phú	2020	0,20	
28	Xây mới trường mẫu giáo	DGD	Xã Thoại Giang	2020	0,35	
29	Xây mới mẫu giáo	DGD	Xã Vọng Thê	2020	0,29	
30	Mở rộng trường tiểu học điểm phụ	DGD	Xã Vọng Thê	2019	0,80	
31	Mở rộng Trường THCS	DGD	Thị trấn Núi Sập	2018	0,15	
32	Xây mới trường mẫu giáo	DGD	Thị trấn Núi Sập	2016	0,45	
33	Xây mới trường tiểu học C	DGD	Thị trấn Núi Sập	2017	0,64	
34	Đường vòng cung	DGT	Xã Bình Thành	2018	2,50	
35	Nâng cấp, mở rộng lộ 15	DGT	Xã An Bình	2019	0,07	
36	Nâng cấp, mở rộng tuyến giao thông bờ Tây kênh Mướp Vãn	DGT	Xã An Bình	2018	0,05	
37	Giao thông trong khu trung tâm hành chính	DGT	Xã Vọng Thê	2020	2,19	
38	Mở rộng đường kênh vành đai ngoài	DGT	Thị trấn Óc Eo	2018	3,50	
39	Đường tránh TT. Núi Sập	DGT	Thị trấn Núi Sập	2016	4,20	
40	Xây mới chợ	DCH	Thị trấn Óc Eo	2019	2,50	
41	Cụm dân cư Trường Tiền	ONT	Xã Định Mỹ	2016	3,38	
42	Khu tái định cư Hòa Phú	ONT	Xã Định Thành	2018	4,00	
43	Khu dân cư Tân Đông	ONT	Xã Mỹ Phú Đông	2019	3,00	
44	Mở rộng khu dân cư Bắc Thạnh	ONT	Xã Thoại Giang	2017	2,00	
45	Quy hoạch đất ở khu dân cư trung tâm xã Thoại Giang	ONT	Xã Thoại Giang	2020	11,00	
46	Khu dân cư Bắc Núi Lớn (gđ2)	ODT	Thị trấn Núi Sập	2017	2,30	
47	Vấp phòng áp Tân Phú	TSC	Xã Mỹ Phú Đông	2018	0,01	

Đơn vị tư vấn: Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật tài nguyên môi trường
Địa chỉ: 822, Trần Hưng Đạo, P. Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

*Báo cáo thuyết minh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030
và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Thoại Sơn - tỉnh An Giang*

TT	Tên công trình, dự án trọng điểm	Loại đất	Địa điểm	Năm thực hiện	Quy mô	Ghi chú
48	Vấp phòng áp Tân Mỹ	TSC	Xã Mỹ Phú Đông	2018	0,01	
49	Xây mới trụ sở UBND TT. Núi Sập	TSC	Thị trấn Núi Sập	2017	8,00	
50	Viện Kiểm sát nhân dân	TSC	Thị trấn Núi Sập	2019	0,25	
51	Xây mới xã đội	TSC	Thị trấn Phú Hòa	2018	0,02	
52	Xây mới công an	TSC	Thị trấn Phú Hòa	2018	0,02	
53	Trường tiểu học chuyển sang hợp tác xã	TSC	Xã Định Thành	2019	0,20	
54	Hợp tác xã nông nghiệp	TSC	Xã Vĩnh Phú	2018	0,18	
55	Mở rộng tịnh thất Quy nguyên	TON	Xã Định Thành	2017	0,38	
56	Thiền Viện Trúc Lâm	TON	Thị trấn Núi Sập	2020	11,61	
57	Mở rộng nghĩa địa	NTD	Xã Vĩnh Trạch	2020	1,00	
58	Xây mới trạm cấp nước (đầu kênh H giáp kênh RGLX)	DCK	Xã Định Thành	2019	0,06	
59	Trạm cấp nước	DCK	Thị trấn Óc Eo	2017	0,15	

4.1.1. Đất nông nghiệp

Theo chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp đến năm 2020 là 52.625,60 ha, kết quả thực hiện đến năm 2020 đất nông nghiệp có diện tích là 41.369,91 ha, đạt 78,61% so với chỉ tiêu được duyệt.

+ Đất trồng lúa: Theo chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất trồng lúa đến năm 2020 là 42.895,59 ha, kết quả thực hiện đến năm 2020 đất trồng lúa có diện tích là 38.880,26 ha, đạt 90,64% so với chỉ tiêu được duyệt.

+ Đất trồng cây hàng năm khác: Theo chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất trồng cây hàng năm khác đến năm 2020 là 221,97 ha, kết quả thực hiện đến năm 2020 đất trồng cây hàng năm khác có diện tích là 132,86 ha, đạt 59,85% so với chỉ tiêu được duyệt.

+ Đất trồng cây lâu năm: Theo chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất trồng cây lâu năm đến năm 2020 là 1.860,14 ha, kết quả thực hiện đến năm 2020 đất trồng cây

lâu năm có diện tích là 1.546,61 ha, đạt 83,14% so với chỉ tiêu được duyệt. Diện tích cây lâu năm phản ánh đúng với xu hướng phát triển của ngành nông nghiệp về đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, chuyển từ đất trồng lúa kém hiệu quả, kinh tế thấp sang đất trồng cây ăn trái áp dụng công nghệ cao.

+ Đất nuôi trồng thủy sản: Theo chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất nuôi trồng thủy sản đến năm 2020 là 124,00 ha, kết quả thực hiện đến năm 2020 đất nuôi trồng thủy sản có diện tích 516,03 ha, đạt 416,15% so với chỉ tiêu được duyệt. Diện tích nuôi trồng thủy sản phản ánh đúng với xu hướng phát triển của ngành thủy sản về đẩy mạnh phát triển các vùng nuôi áp dụng công nghệ cao.

4.1.2. Đất phi nông nghiệp

Theo chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp đến năm 2020 là 6.817,17 ha, kết quả thực hiện đến năm 2020 đất nông nghiệp có diện tích là 5.697,73 ha, đạt 83,58% so với chỉ tiêu được duyệt.

- Đất quốc phòng: Theo chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất quốc phòng đến năm 2020 là 52,53 ha, kết quả thực hiện đến năm 2020 đất quốc phòng có diện tích là 21,95 ha, đạt 41,79% so với chỉ tiêu được duyệt.

- Đất an ninh: Theo chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất an ninh đến năm 2020 là 9,00 ha, kết quả thực hiện đến năm 2020 đất an ninh có diện tích là 15,43 ha, đạt 171,49% so với chỉ tiêu được duyệt.

- Đất cụm công nghiệp: Theo chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất cụm công nghiệp đến năm 2020 là 90,00 ha, kết quả thực hiện đến năm 2020 đất cụm công nghiệp có diện tích là 29,20 ha, đạt 32,44% so với chỉ tiêu được duyệt.

- Đất thương mại, dịch vụ: Theo chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất thương mại, dịch vụ đến năm 2020 là 25,00 ha, kết quả thực hiện đến năm 2020 đất thương mại, dịch vụ có diện tích là 18,47 ha, đạt 73,89% so với chỉ tiêu được duyệt.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Theo chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp đến năm 2020 là 171,00 ha, kết quả thực hiện đến năm 2020 đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp có diện tích là 89,50 ha, đạt 52,34% so với chỉ tiêu được duyệt.

- Đất phát triển hạ tầng: Theo chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất phát triển hạ tầng đến năm 2020 là 4.356,39 ha, kết quả thực hiện đến năm 2020 đất phát triển hạ tầng có diện tích là 3.057,62 ha, đạt 70,19% so với chỉ tiêu được duyệt.

- Đất bãi thải, xử lý chất thải: Theo chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất bãi thải, xử lý chất thải đến năm 2020 là 9,00 ha, kết quả thực hiện đến năm 2020 đất bãi thải, xử lý chất thải có diện tích là 2,49 ha, đạt 27,68% so với chỉ tiêu được duyệt.

- Đất ở tại đô thị: Năm 2020 diện tích là 238,68 ha, đạt 57,93% so với chỉ tiêu quy hoạch.

- Đất ở tại nông thôn: Năm 2020 diện tích là 1.075,20 ha, đạt 99,52% so với chỉ tiêu quy hoạch.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp: Năm 2020 diện tích là 18,77 ha, đạt 81,61% so với chỉ tiêu quy hoạch.

- Đất tôn giáo: Năm 2020 diện tích là 25,25 ha, đạt 24,27 % so với chỉ tiêu quy hoạch (104,02 ha).

- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: Năm 2020 diện tích là 16,52 ha, đạt 51,64% so với chỉ tiêu quy hoạch (32,00 ha).

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: Năm 2020 diện tích là 5,80 ha, đạt 101,50% so với chỉ tiêu quy hoạch (5,71 ha).

4.1.3. Đất chưa sử dụng

Theo chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất chưa sử dụng đến năm 2020 là 581,03 ha, kết quả thực hiện đến năm 2020 đất chưa sử dụng có diện tích là 36,14 ha. nguyên nhân thay đổi là do các kỳ kiểm kê đất đai, đo đạc lại làm thay đổi lớn về diện tích đất và một phần diện tích đất đã được đưa vào khác thác sử dụng cho các đích phát triển kinh tế - xã hội.

4.2. Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020)

4.2.1. Những mặt được

- Đã phân bổ khá hợp lý quỹ đất đai trên địa bàn cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện giai đoạn 2015-2020.

- Tạo điều kiện thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu kinh tế, thu hút vốn đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, góp phần thực hiện chiến lược an ninh lương thực, sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và bảo vệ môi trường trên địa bàn;

- Góp phần quan trọng trong công tác quản lý đất đai trên địa bàn đúng quy định của pháp luật như giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất;

- Góp phần quản lý chặt chẽ nguồn tài nguyên đất đai tiết kiệm, hợp lý và có hiệu quả kinh tế cao.

4.2.2. Những tồn tại

- Kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối (2016-2020) cơ bản đáp ứng được yêu cầu của các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội dài hạn, nhưng chưa tạo được bước đột phá về thu hút và khuyến khích các thành phần kinh tế trong và ngoài huyện cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

- Còn thiếu sự quan tâm sâu sát và phối hợp đồng bộ giữa các ngành của huyện và các địa phương trong tổ chức thực hiện kế hoạch.

- Còn sự chòng chéo giữa quy hoạch sử dụng đất của huyện với quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch chi tiết xây dựng trên địa bàn.

- Tính khả thi của kế hoạch chưa cao, nên còn một số công trình, dự án phải điều chỉnh quy mô, hoặc chuyển sang quy hoạch (2021-2030), hoặc hủy bỏ.

4.2.3. Nguyên nhân của tồn tại

- Chính sách pháp luật về đất đai thời gian qua đã có sự thay đổi khá lớn liên quan đến giá đất, thu tiền sử dụng đất, chế độ bồi thường, hỗ trợ tái định cư,... Đặc biệt là do giá đất tăng cao vượt quá khả năng của nhà đầu tư. Do đó, đã tác động đến quá trình triển khai thực hiện dự án đầu tư trong kỳ kế hoạch được duyệt.

- Công tác giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi đất để thực hiện các dự án đăng ký trong kỳ kế hoạch còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc dẫn đến dự án chậm triển khai thực hiện, hoặc không triển khai được nên chỉ tiêu kế hoạch đạt chưa cao;

- Công tác kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện quy hoạch, kế hoạch chưa được sâu sát, cũng như chưa kiên quyết xử lý tình trạng tự ý chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất không theo phương án quy hoạch, kế hoạch đã được duyệt;

- Công tác cải cách thủ tục hành chính tuy đã được cải thiện đáng kể nhưng vẫn còn bất cập trong thực hiện các thủ tục về đầu tư xây dựng, giao đất, thu hồi đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất;

- Sự phối hợp giữa các ngành, địa phương trong công tác lập và thực hiện kế hoạch sử dụng đất còn hạn chế, nên còn mâu thuẫn, bất cập giữa quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy hoạch các ngành khác. Do đó, khi triển khai thực

hiện chưa đảm bảo tính đồng bộ giữa các quy hoạch, nhất là giữa quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy hoạch chi tiết xây dựng.

- Kết quả kiểm kê, thống kê đất đai còn sai lệch về diện tích giữa các loại đất. Do đó, đã ảnh hưởng đến việc dự báo, cũng như kết quả thực hiện kế hoạch.

- Việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất trong kỳ kế hoạch của một số ngành, địa phương khá nhiều, nhất là các ngành sử dụng đất phát triển hạ tầng (đất cơ sở văn hóa, giáo dục- đào tạo, thể dục thể thao,...) nhưng do không dự báo được tổng mức đầu tư, nên khi nguồn vốn gặp khó khăn dẫn đến không thực hiện, hoặc triển khai dự án chậm tiến độ theo kế hoạch đề ra.

- Do tình hình dịch bệnh trên thế giới đã ảnh hưởng đến Việt Nam nói chung, tỉnh An Giang và huyện Thoại Sơn nói riêng, nên mặc dù trong thời gian qua đã có nhiều chính sách khuyến khích đầu tư của Trung ương và tỉnh, nhưng vẫn chưa thu hút được nhiều nhà đầu tư đến đầu tư vào các dự án trong kỳ quy hoạch đã được duyệt, nhất là các dự án có sử dụng đất thương mại, dịch vụ, đất xây dựng cơ sở văn hóa, đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo, đất xây dựng cơ sở thể dục – thể thao, đất bãi thải, xử lý chất thải.

4.3. Bài học kinh nghiệm cho việc thực hiện điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

- Để đạt hiệu quả cao về công tác lập quy hoạch sử dụng đất của huyện nói riêng và các cấp nói chung việc lập quy hoạch sử dụng đất cần phải được triển khai đồng bộ, đúng trình tự, thủ tục và thời gian theo luật định.

- Cần phối hợp chặt chẽ với các ngành, địa phương trong quá trình lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để đảm bảo tính đồng bộ giữa quy hoạch sử dụng đất với các quy hoạch khác trên địa bàn nhằm nâng cao tính khả thi của quy hoạch.

- Quá trình lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phải bám sát các chỉ tiêu sử dụng đất được cấp tỉnh phân bổ và danh mục các công trình, dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn của huyện đã được phê duyệt để đảm bảo tính đồng bộ giữa quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh và huyện, cũng như tính khả thi của quy hoạch.

- Tăng cường hoàn thiện công tác kiểm kê, thống kê đất đai; tập trung hoàn thành việc xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính để hạn chế những sai lệch về thông tin đất đai nhằm góp phần nâng cao hiệu quả công tác lập và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về đất đai, công khai nội dung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên các phương tiện thông tin đại chúng; đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ làm công tác quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, nhất là ở cấp cơ sở.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện sau khi được phê duyệt; xử lý nghiêm đối với các trường hợp cố tình chậm triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; các hành vi vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trong quá trình giao đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

PHẦN III

ĐÁNH GIÁ TIỀM NĂNG ĐẤT ĐAI VÀ ĐỊNH HƯỚNG DÀI HẠN SỬ DỤNG ĐẤT

I. ĐÁNH GIÁ TIỀM NĂNG ĐẤT ĐAI

Trong khoảng hơn 40 năm hình thành và phát triển, quá trình đô thị hóa của huyện chủ yếu tập trung phát triển cấp theo tỉnh lộ 943. Tuy nhiên, việc đầu tư phát triển của địa phương chưa khai thác hết tiềm năng và thế mạnh của vùng. Vì thế, trong kỳ quy hoạch địa phương sẽ tiếp tục khai thác tối đa về tiềm và lợi thế của trục tỉnh lộ 943, đồng thời giữ vững thế mạnh là huyện có sản lượng lương thực đứng đầu 11 huyện, thị, thành phố của tỉnh.

1.1. Đánh giá tiềm năng đất đai để phục vụ sản xuất nông nghiệp

Trong những năm qua, đất đai để phục vụ cho sản xuất nông nghiệp đã có bước phát triển đáng kể, nhưng xét trên nhiều phương diện, tiềm năng đất đai để phục vụ sản xuất nông nghiệp vẫn còn nhiều, chưa được địa phương khai thác một cách tối ưu:

- Diện tích đất chưa sử dụng tuy thời gian qua đã được đưa vào sử dụng nhưng hiện tại đất này vẫn còn tương đối cao. Trong tương lai địa phương có thể đưa vào khai thác du lịch sinh thái hoặc trồng rừng phủ xanh đồi núi.

- Huyện nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa, thời tiết tương đối hài hòa, hệ thống kênh, rạch dày đặc và phân bố đều ở các địa phương, bên cạnh đó đất đai lại rất màu mỡ thích hợp với nhiều loại cây trồng, đây là điều kiện thuận lợi để phát triển ngành sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là việc chuyển đổi giống cây trồng, vật nuôi sao cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Hiện lĩnh vực nuôi trồng và chế biến thủy sản được xem là một trong những thế mạnh của địa phương nên vấn đề phân bổ đất đai để phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản cũng được xem là tiềm năng của huyện...

- Sản lượng lương thực hàng năm luôn ổn định và đứng đầu các huyện, thị của tỉnh. Vì thế trong tương lai địa phương nên đầu tư và phát triển hơn nữa các cơ sở xay xát, chế biến nông sản nhằm đưa huyện trở thành vùng trọng điểm, là địa phương không những dẫn đầu về sản xuất lương thực mà còn là nơi dẫn đầu của tỉnh về chế biến và xuất khẩu nông sản.

1.2. Đánh giá tiềm năng đất đai để phục vụ cho việc phát triển công nghiệp, đô thị, xây dựng khu dân cư nông thôn

- **Tiềm năng đất đai để phục vụ phát triển công nghiệp:** Xét trên phương diện tổng thể, tiềm năng cho việc phát triển công nghiệp trên địa bàn huyện Thoại Sơn là rất lớn, tiềm năng đó được thể hiện ở các yếu tố chính sau:

Một là: Định hướng chung của các ngành, các cấp trong tương lai là sẽ đẩy mạnh và tăng trưởng nhanh các ngành thuộc khu vực II và khu vực III, do đó vấn đề đầu tư để phát triển các ngành nghề thuộc lĩnh vực công nghiệp sẽ được lãnh đạo các ngành, các cấp quan tâm đầu tư phát triển.

Hai là: huyện có vị trí thuận lợi về giao thông thủy lẫn giao thông bộ liên kết với các huyện và các tỉnh khác trong khu vực. Đặc biệt, sau khi dự án đường Cao tốc, các đường dẫn cao tốc, tỉnh lộ 943B được nâng cấp hoàn thiện... thì tiềm năng khai thác giao thông thủy và giao thông bộ với các địa phương khác trong khu vực và quốc tế sẽ được mở ra và tạo điều kiện cho các các ngành dịch vụ phát triển. Bên cạnh đó, huyện Thoại Sơn tiếp giáp với thành phố Long Xuyên (trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa của tỉnh) và nằm trong vùng ảnh hưởng của 2 trung tâm kinh tế lớn ở khu vực Nam Bộ, là vùng phát triển kinh tế trọng điểm phía Nam (thành phố Hồ Chí Minh - Bình Dương - Đồng Nai - Bà Rịa Vũng Tàu) và thành phố Cần Thơ, do đó sẽ có tác động nhiều mặt đến sự phát triển công nghiệp của huyện nói riêng và kinh tế - xã hội của tỉnh An Giang nói chung.

Ba là: Nguồn nguyên liệu phục vụ cho việc phát triển công nghiệp khá dồi dào, bởi huyện trong những năm gần đây luôn dẫn đầu của tỉnh về sản lượng lương thực và nuôi trồng chế biến thủy sản xuất khẩu. Ngoài ra, sản lượng khai thác đá, cát phục vụ cho ngành xây dựng và chế biến trên địa bàn tỉnh An Giang khá cao, có thể đáp ứng tốt cho các ngành công nghiệp chế biến đang đặt trên địa bàn huyện...

Bốn là: Nguồn lao động của huyện khá dồi dào, theo niên giám thống kê của huyện năm 2020, số người trong độ tuổi lao động là 103.176 người, chiếm 65% tổng dân số. Đây là tiềm năng và là nguồn nhân lực không thể thiếu trong việc phát triển kinh tế công nghiệp của huyện.

Năm là: Hiện tại huyện đang có những dự án xây dựng các cụm công nghiệp với nhiều chính sách ưu đãi nhằm khuyến khích phát triển ngành công

ng nghiệp, đặc biệt là các chính sách ưu đãi về vốn, chính sách về giao đất, thu hồi đất...

- **Tiềm năng đất đai cho việc phát triển đô thị:** Đến năm 2020, tốc độ đô thị hóa của huyện tăng gấp 3 lần so với năm 2010. Điều này cho thấy tiềm năng phát triển đô thị của huyện trong tương lai là rất lớn. Định hướng sau năm 2030, huyện sẽ triển khai chương trình phát triển đô thị Thoại Sơn đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV, trong thời gian tới sẽ đẩy mạnh đầu tư phát triển toàn diện các lĩnh vực; đặc biệt là các dự án phát triển cơ sở hạ tầng về giao thông, y tế, giáo dục, các cụm công nghiệp, các cụm, tuyến dân cư... được thực hiện thì nhu cầu về đất đai để phục vụ cho việc phát triển đô thị là khá cao, đòi hỏi địa phương cần có quỹ đất thích hợp để phát triển, quan trọng nhất là quỹ đất phục vụ phát triển cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi xã hội và đất ở đô thị trên địa bàn huyện.

- **Tiềm năng đất đai cho việc phát triển xây dựng khu dân cư nông thôn:** Tiềm năng đất đai để phục vụ cho việc phát triển xây dựng khu dân cư nông thôn chủ yếu trong thời gian tới sẽ tập trung ở 14 xã của huyện. Với việc nhiều hộ dân còn nằm trong những khu vực bị ngập lũ hoặc có nhà xây cất trên sông, kênh, rạch; vi phạm hành lang lộ giới thì trong tương lai quỹ đất đai để phục vụ cho việc di dời các hộ này cũng như nhu cầu về nhà ở cho việc gia tăng dân số trong những năm tới là khá cao. Quỹ đất để xây dựng các khu dân cư sẽ là đất trồng cây hàng năm hoặc đất trồng cây lâu năm ở những vị trí thuận tiện về giao thông, thương mại cũng như đáp ứng tốt về nhu cầu điện, nước, trường, trạm,...

1.3. Đánh giá tiềm năng đất đai để phục vụ cho việc phát triển du lịch.

An Giang là tỉnh có rất nhiều điểm tham quan, du lịch nổi tiếng mang cấp quốc gia và cấp khu vực. Trong đó, Thoại Sơn lại là địa phương nằm trong tuyến du lịch khép của tỉnh (Thoại Sơn - Long Xuyên - Châu Đốc - Tịnh Biên - Tri Tôn - Thoại Sơn), với nhiều di tích tham quan khá nổi tiếng. Với những lợi thế này, trong tương lai huyện có thể khai thác, phát triển các điểm tham quan, du lịch như khu du lịch Núi Sập, Thiền Viện Trúc Lâm; khu di tích lịch sử văn hóa Óc Eo; đình thần Thoại Ngọc Hầu; di tích Gò Cây Thi; di tích Hang Dơi ... Đa dạng hóa các loại hình tham quan, dịch vụ nhằm thu hút khách tham quan, du lịch trong và ngoài nước. Do đó tiềm năng đất đai để phục vụ cho việc phát triển du lịch trên địa bàn huyện cần được quan tâm đầu tư, đặc biệt là việc xây dựng các dự án mang tính khả thi để thu hút được các nhà đầu tư.

1.4. Đánh giá tiềm năng đất đai để phục vụ cho việc chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất và phát triển cơ sở hạ tầng

Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của huyện luôn gắn liền với sự chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất đai, giữa chúng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Sự phát triển kinh tế - xã hội thông qua các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng sẽ dẫn đến sự thay đổi về mục đích sử dụng đất theo hướng đáp ứng ngày một tốt hơn các nhu cầu phát triển của huyện trong tương lai.

Do đó, trong tương lai vấn đề đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất của huyện theo hướng đô thị hóa, công nghiệp hóa, đa dạng hóa các loại hình dịch vụ... là một xu hướng tất yếu. Quá trình chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất của huyện sẽ diễn ra theo hướng giảm dần diện tích đất nông nghiệp, tăng dần diện tích đất phi nông nghiệp, trong đó tỷ trọng các loại đất nằm trong nhóm đất phát triển hạ tầng và đất ở trong tương lai sẽ tăng lên đáng kể. Đặc biệt trong bối cảnh hiện tại, cơ sở hạ tầng của huyện còn nhiều yếu kém, nhiều công trình an sinh, phúc lợi xã hội đã xuống cấp hoặc khả năng phục vụ còn nhiều hạn chế thì áp lực về nhu cầu sử dụng đất lại càng gia tăng. Tuy nhiên, với diện tích đất tự nhiên của huyện tương đối cao, diện tích đất nông nghiệp còn khá nhiều nên tiềm năng đất đai để phục vụ cho việc chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất và phát triển cơ sở hạ tầng của huyện trong tương lai là hoàn toàn có thể đáp ứng tốt.

Phần II

PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

I. ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT

1.1. Khát quát mục tiêu, định hướng phát triển

Thoại Sơn thuộc tiểu vùng 1 - vùng trung tâm của tỉnh An Giang, kết nối thuận tiện với các hành lang kinh tế Quốc gia trọng điểm như: đường QL91, QL 80, QL N2, Sông Hậu, là khu vực tiềm năng gắn kết An Giang với các trung tâm Đồng bằng Sông Cửu Long, vùng TP. Hồ Chí Minh và vùng Thủ đô Phnompenh.

Định hướng phân vùng phát triển được chia huyện làm 05 vùng phát triển:

- Vùng I - Vùng Trung tâm: Khu vực phát triển đô thị, hạt nhân là thị trấn Núi Sập với 03 xã Thoại Giang, Bình Thành và Định Thành. Đây là Trung tâm hành chính, y tế, văn hóa, giáo dục, thể thao của huyện. Tập trung phát triển tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại. Cơ sở dịch vụ nghỉ dưỡng, phát triển nông nghiệp gắn với du lịch sinh thái.

- Vùng II – Vùng Tây Nam: Khu vực phát triển đô thị hạt nhân là thị trấn Óc Eo và 02 xã Vọng Đông và Vọng Thê. Đây là khu vực phát triển thương mại dịch vụ và du lịch văn hóa, lịch sử, sinh thái, tham quan, dã ngoại. Tôn tạo bảo vệ các di tích, danh lam thắng cảnh. Phát triển và mở rộng khu di tích văn hóa Óc Eo.

- Vùng III – Vùng Đông Bắc: Khu vực phát triển đô thị với hạt nhân là thị trấn Phú Hòa với xã Vĩnh Trạch. Đây là khu vực phát triển tiểu thủ công nghiệp và chế biến nông thủy sản.

- Vùng IV – Vùng Tây Bắc: gồm 05 xã Tây phú, An Bình, Mỹ Phú Đông, Vĩnh Phú và Định Mỹ. Đây là khu vực phát triển vùng nguyên liệu nông nghiệp theo hướng hiện đại hóa. Phát triển vùng chuyên canh lúa nước, màu kết hợp với cải tạo vườn tạp, hình thành các vùng cây ăn trái có lợi nhuận cao. Hình thành các trang trại có quy mô vừa với hình thức trang trại gia đình.

- Vùng V - Vùng Đông Nam: gồm 03 xã Vĩnh Chánh, Vĩnh Khánh và Phú Thuận: đây là khu vực phát triển nuôi trồng thủy sản và nông nghiệp chất lượng cao. Định hướng hình thành khu vực logistic tại khu vực cao tốc Châu Đốc – Sóc Trăng – Cần Thơ.

Theo đó mục tiêu phát triển đô thị hướng tới mục tiêu đầu tư xây dựng hoàn thiện chất lượng hạ tầng đô thị trên phạm vi toàn huyện theo tiêu chí đô thị loại IV vào năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2035, toàn bộ không gian được phân làm 03 vùng phát triển đô thị (Vùng I, II, III với 9 phường) chạy dọc theo Tỉnh lộ 943 và 02 điểm dân cư nông thôn (Vùng IV, V với 08 xã).

Trên cơ sở phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030 của tỉnh An Giang, để huyện đóng một vai trò quan trọng trong tình hình mới, phát huy tối đa lợi thế, khai thác hiệu quả nguồn tài thiên nhiên hiện có, nhiệm vụ đặt ra cho huyện là phải phát triển nhanh nền kinh tế với cơ cấu thương mại - dịch vụ, công nghiệp - xây dựng và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Xu hướng này sẽ tác động sâu sắc đến quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư của nhiều thành phần kinh tế, yêu cầu nhiệm vụ đặt ra của huyện là phải kịp thời nắm bắt thời cơ cho từng giai đoạn, đẩy nhanh phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an sinh và trật tự an toàn xã hội, đồng thời tập trung đầu tư xây dựng phát triển Thoại Sơn trở thành huyện nằm trong nhóm những huyện có mức độ phát triển cao của tỉnh. Đời sống vật chất và tinh thần của người dân trên địa bàn cao hơn mức chung của toàn tỉnh. Huyện tập trung xây dựng một số ngành, sản phẩm có quy mô, giá trị lớn trong toàn tỉnh và mang nét đặc trưng của huyện. Trong đó, đặc biệt chú trọng phát triển các sản phẩm trong nông nghiệp (lúa, tôm càng xanh), công nghiệp chế biến (chế biến lương thực, thực phẩm), du lịch và thương mại.

1.2. Quan điểm phát triển

Đất đai thuộc nhóm tài nguyên có giới hạn, có liên quan đến đa ngành, đa lĩnh vực, là điều kiện không thể thiếu cho sự tồn tại và phát triển. Vì vậy, việc khai thác sử dụng đất đai hợp lý, khoa học, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững là nhiệm vụ cấp bách, thường xuyên và liên tục lâu dài.

Phát triển kinh tế - xã hội huyện đặt trong mối quan hệ chặt chẽ với các huyện, thị trong tỉnh, với các địa phương trong Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Tiếp tục phát huy cao nhất các nguồn lực và lợi thế, nhất là khai thác tốt các tiềm năng chưa được huy động đầy đủ, đảm bảo phát triển bền vững. Phát triển kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, nâng chất các vấn đề văn hóa xã hội nhất là giáo dục và đào tạo, giải quyết việc làm, giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; Phát triển kinh tế phải gắn với ổn định chính trị, đảm bảo trật tự xã

hội, gắn với củng cố tăng cường quốc phòng, an ninh; củng cố kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị và xây dựng nền hành chính vững mạnh.

Tiếp tục khai thác có hiệu quả tiềm năng và thế mạnh về thương mại, du lịch và nông nghiệp nhằm phát triển thương mại, du lịch trở thành mũi đột phá trên nền tảng nông nghiệp trong phát triển kinh tế của huyện. Huyện Thoại Sơn phải thực hiện tốt vai trò là một trong những đầu tàu lôi kéo phát triển kinh tế chung của cả tỉnh trên cơ sở nâng cao chất lượng tăng trưởng, hướng dẫn đến tăng trưởng xanh; chú trọng phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao; thường xuyên ứng dụng trình độ khoa học công nghệ hiện đại vào sản xuất.

Đẩy mạnh đầu tư phát triển có trọng tâm trọng điểm, ưu tiên đầu tư cho phát triển nông thôn mới, hạ tầng giao thông nông thôn. Đồng thời khuyến khích hộ gia đình và các đơn vị đầu tư khai thác mô hình sinh thái nhằm thu hút khách đến tham quan và du lịch.

1.2.1. Khai thác khoa học, hợp lý và sử dụng tiết kiệm, bền vững, có hiệu quả quỹ đất đai

Việc khai thác triệt để quỹ đất tự nhiên và sử dụng đất tiết kiệm, đúng mục đích, đủ nhu cầu, có hiệu quả và bền vững mang ý nghĩa thiết thực quan trọng trong quá trình sử dụng đất.

Đối với đất khu vực đô thị diện tích đất dành cho nhu cầu phát triển có hạn cần có giải pháp quy hoạch không gian, nâng tầng đối với các công trình công cộng và nhà ở để tiết kiệm đất cho phát triển các khu vui chơi giải trí và không gian xanh của đô thị.

Đối với sản xuất nông nghiệp, hiện nay hệ thống thủy lợi cơ bản đã hoàn chỉnh, cơ bản đáp ứng được yêu cầu phát triển sản xuất. Biện pháp quan trọng trong thời gian tới là đẩy mạnh áp dụng các giống cây trồng vật nuôi thích hợp để nâng cao hệ số, hiệu quả sử dụng đất và ứng dụng công nghệ cao vào trong kỹ thuật canh tác. Tiếp tục bảo vệ vùng đất chuyên lúa cần bảo vệ nghiêm ngặt, chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu cây trồng, vật nuôi, thực hiện nghiêm ngặt quy hoạch mang tính khoa học kỹ thuật, tăng nhanh nguồn nông sản đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao của nhân dân, nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, nâng cao độ phì và hệ số sử dụng đất, đảm bảo sử dụng đất bền vững.

Đối với khu dân cư nông thôn vấn đề quan trọng là bố trí hợp lý, kết hợp hài hòa phong tục tập quán định cư, thuận tiện cho sản xuất nhưng phải tạo điều kiện đầu tư tập trung và phát huy hiệu quả, thuận lợi cho phát triển xã hội. Cần sớm xác định và ổn định địa bàn các khu dân cư tập trung mang tính chất là trung tâm khu vực để có điều kiện thuận lợi cho đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, thúc đẩy các hoạt động công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ, du lịch.

1.2.2. Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất phù hợp với điều kiện tự nhiên - môi trường

Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất một cách phù hợp đáp ứng đúng, đủ nhu cầu đất đai cho phát triển kinh tế - xã hội mang ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong những năm tới. Thực tế một vài năm gần đây cho thấy việc chuyển đổi một phần diện tích đất lúa sang lúa cao sản hàng hóa có chất lượng cao và một số vùng chuyển đổi cơ cấu cây trồng là bước đi phù hợp mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao. Trong những năm tới phát triển vùng lúa đặc sản, ứng dụng công nghệ cao là ưu tiên chính trong phát triển kinh tế của huyện đòi hỏi phải có những đánh giá xác định cụ thể diện tích. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất trong nông nghiệp, nông dân nông thôn theo định hướng của nền kinh tế hàng hóa. Chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất phù hợp với quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế, có sự nghiên cứu, tính toán có cơ sở khoa học, dự báo tốt các dữ kiện về kinh tế, xã hội và đảm bảo môi trường sinh thái.

Ngoài ra yêu cầu phát triển đòi hỏi các xã, thị trấn cần đầu tư nâng cấp cải tạo, mở rộng, phát triển nhiều công trình trên nhiều lĩnh vực như tiểu thủ công nghiệp, giao thông, thủy lợi, vui chơi giải trí, nhu cầu đất cho các mục đích này không thể không đáp ứng. Việc phát triển các khu đô thị, các khu dân cư trong tương lai đòi hỏi quỹ đất không nhỏ. Trong khi diện tích đất chưa sử dụng có thể khai thác cho các nhu cầu này không nhiều vì vậy chủ yếu phải chuyển từ đất nông nghiệp. Trong quá trình chuyển đổi cần cân nhắc hiệu quả kinh tế - xã hội, môi trường.

1.2.3. Duy trì bảo vệ đất nông nghiệp

Đối với huyện Thoại Sơn, trong nhiều năm tới sản xuất nông nghiệp vẫn là ngành kinh tế quan trọng, nên việc bố trí hợp lý cơ cấu diện tích cây trồng, vật

nuôi phát huy thế mạnh của từng vùng, từng bước ra khỏi thế sản xuất độc canh, tạo bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp - nông thôn.

Khi sản xuất nông nghiệp vẫn là nguồn lực chính đóng vai trò nền tảng trong việc hỗ trợ thúc đẩy các thành phần kinh tế khác phát triển thì việc duy trì, bảo vệ quỹ đất sản xuất nông nghiệp cần được quan tâm hàng đầu trong quá trình khai thác sử dụng đất. Phát triển công nghiệp, đô thị, kết cấu hạ tầng phải đồng bộ với chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn. Cần đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để sử dụng đất đai tiết kiệm, nhất là đất trồng lúa nước.

Trong nghiên cứu và tổ chức thực hiện việc chuyển đổi các loại đất nông nghiệp sang các loại đất phi nông nghiệp, cần hạn chế thấp nhất việc chuyển diện tích đất chuyên trồng lúa nước sang loại đất phi nông nghiệp khi chưa thật sự cần thiết hoặc còn có những giải pháp hoặc diện tích các loại đất khác có thể thay thế được.

Trong trường hợp cần chuyển đổi đất nông nghiệp sang các mục đích khác (trừ những công trình mang tính chất bắt buộc) cần chọn những khu đất có năng suất kém, hiệu quả kinh tế thấp; hạn chế tối đa lấy vào loại đất này nhất là đất trồng lúa. Áp dụng các biện pháp thâm canh tăng vụ, ứng dụng công nghệ cao, tăng năng suất ở những địa bàn trọng điểm sản xuất lương thực, từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng đất. Gắn phát triển sản xuất nông nghiệp với nhu cầu của thị trường, hội nhập kinh tế tỉnh, quốc tế.

1.2.4. Dành quỹ đất cho phát triển hệ thống hạ tầng cơ sở và đô thị

Những hạn chế về hạ tầng cơ sở đang là một trong những trở ngại chính trong tiến trình công nghiệp hóa hiện đại hóa của huyện. Nhiệm vụ cấp bách của huyện hiện nay là cần tập trung tiềm lực đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng cơ sở trên các lĩnh vực như giao thông, thủy lợi, giáo dục, y tế, văn hóa.

Việc phát triển các khu đô thị, các khu dân cư tương lai đòi hỏi quỹ đất không nhỏ. Vì vậy trong sử dụng đất phải dành quỹ đất thỏa đáng cho nhu cầu này, việc đầu tư trên cơ sở cân đối ưu tiên hiệu quả các khu vực trọng điểm, có tác dụng mang tính chất vùng. Cần cân nhắc hiệu quả kinh tế - xã hội và những tác động về môi trường.

1.2.5. Khai thác sử dụng đất phải đảm bảo bền vững gắn liền với việc bảo vệ môi trường

Đất đai là thành phần quan trọng hàng đầu của môi trường sống. Môi trường đất được cải thiện hay phá hủy một phần là do chính tác động của con người. Do đó trong quá trình khai thác đất đai không thể tách rời việc sử dụng đất với bảo vệ môi trường đất để đảm bảo tính bền vững, ổn định lâu dài.

Trong sản xuất nông nghiệp, việc bố trí cơ cấu cây trồng phải phù hợp với cơ cấu mùa vụ, điều kiện đất đai, nguồn nước, khí hậu tránh làm suy thoái đất do bố trí cây trồng không đúng hoặc sử dụng các biện pháp kỹ thuật không hợp lý. Đồng thời cần phải xem xét đến tính độc hại của các loại chế phẩm hóa học như phân bón, thuốc bảo vệ thực vật để sử dụng hợp lý, tránh gây ô nhiễm môi trường đất.

Trong quá trình phát triển tiểu thủ công nghiệp cần xác định rõ các loại hình, tính độc hại của các chất thải để bố trí đất đai cho phù hợp với môi trường xung quanh. Cần có biện pháp xử lý chất thải đảm bảo không gây ô nhiễm đất, phá huỷ cân bằng hệ sinh thái.

Kết hợp hài hòa giữa đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội với khôi phục môi trường sinh thái, tái tạo tài nguyên, đa dạng sinh học, bảo vệ các di tích lịch sử, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

Quá trình phát triển kinh tế - xã hội, môi trường sinh thái sẽ bị tác động, xâm hại. Trong quy hoạch sử dụng đất cần tính toán, có các giải pháp hữu hiệu, tái tạo tài nguyên, môi trường, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên bền vững.

1.2.6. Đảm bảo quỹ đất cho mục tiêu an ninh quốc phòng

Với mục tiêu xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân, kết hợp chặt chẽ xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, đấu tranh ngoại giao với bảo đảm an ninh quốc phòng.

1.3. Định hướng sử dụng đất

Trên cơ sở các quan điểm sử dụng đất dài hạn đã được xác định, định hướng sử dụng đất cho từng mục đích sử dụng đất như sau:

1.3.1. Định hướng quy hoạch địa giới hành chính

Thực tế quá trình sử dụng đất đặt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch lãnh thổ trong giai đoạn mới, cần phải xem xét, nghiên cứu, thực hiện phù hợp với yêu cầu của phát triển kinh tế xã hội trong giai đoạn mới “công nghiệp hóa và hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn”.

Đối với cấp huyện, Thoại Sơn trong thời kỳ điều chỉnh quy hoạch trong thời gian tới, chưa đặt ra vấn đề điều chỉnh hoặc chia tách địa giới của huyện.

Đối với cấp xã, trong giai đoạn quy hoạch định hướng giai đoạn 2020 - 2025 sẽ tiến hành nâng cấp 03 thị trấn hiện có gồm: thị trấn Núi Sập, Phú Hòa hoàn thiện hạ tuần theo tiêu chí đô thị loại IV hướng tới chất lượng hạ tầng đạt tiêu chuẩn loại III; thị trấn Óc Eo hoàn thiện hạ tuần theo tiêu chí đô thị loại V hướng tới chất lượng hạ tầng đạt tiêu chuẩn loại IV Bên cạnh đó, tiếp tục rà soát, đánh giá phân đấu đến năm 2030 nâng cấp thêm 06 xã có hạ tầng hoàn thiện theo tiêu chí loại V.

1.3.2. Định hướng phát triển khu vực nông nghiệp

Tiếp tục phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng chuyên sâu. Đẩy mạnh thực hiện “cánh đồng liên kết”, “cánh đồng lớn”, áp dụng cơ giới hóa các khâu canh tác, thu hoạch và ứng dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật mới đặc biệt là ứng dụng công nghệ sinh học nhằm tăng năng suất, chất lượng, giảm giá thành, và thích ứng với biến đổi khí hậu nhằm tăng hiệu quả sản xuất trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp. Phát triển các vùng chuyên canh sản xuất lúa, rau màu... từng bước hình thành vùng sản xuất hàng hóa lớn; xây dựng và nhân rộng các mô hình khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Đẩy mạnh tổ chức lại sản xuất nông nghiệp gắn với thị trường tiêu thụ và thu hút mạnh mẽ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp.

Tiếp tục phát huy thế mạnh và tiềm năng nuôi trồng thủy sản của huyện như mô hình nuôi tôm càng xanh, cá tra, cá lóc và một số loại thủy sản khác có giá trị kinh tế cao tập trung nhằm tạo nên bước đột phá trong chuyển đổi cơ cấu giữa các ngành trong khu vực nông - lâm - thủy sản của huyện theo hướng bền vững. Hình thành các vùng chuyên canh nuôi trồng thủy sản hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao vào nuôi trồng.

Đến năm 2030, cơ bản đạt các tiêu chí về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn mới, bằng cách phát triển nông nghiệp đi đôi với phát triển tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ và ngành nghề ở nông thôn, nâng thu nhập của dân cư nông thôn. Kết hợp phát triển nông nghiệp, nông thôn với nâng cao trình độ dân trí và bảo vệ môi trường sinh thái

1.3.2. Định hướng phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp

Ngoài những lợi thế về vị trí địa lý, có nhiều tuyến giao thông huyết mạch chạy qua, huyện còn có quỹ đất nông nghiệp khá, địa hình một số khu tương đối

thuận lợi, có thể dành cho sản xuất công nghiệp. Nguồn lao động, nguyên liệu sản xuất dồi dào, cơ sở hạ tầng điện, nước, thông tin liên lạc...được đầu tư mạnh trong thời gian qua là những yếu tố tạo cho huyện Thoại Sơn có nhiều tiềm năng để phát triển công nghiệp.

Trong những năm tới, ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp của huyện sẽ được phát triển mạnh theo hướng đầu tư chiều sâu, nâng cao năng lực, quy mô sản xuất. Ưu tiên cho sản xuất sản phẩm xuất khẩu trên cơ sở khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế trong một số lĩnh vực như công nghiệp khai thác, công nghiệp chế biến nông sản, công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, cơ khí, dệt may, sản xuất hàng tiêu dùng. Xây dựng mới một số khu, cụm công nghiệp có quy mô tập trung. Đồng thời từng bước di chuyển các cơ sở sản xuất có khả năng gây ô nhiễm ra xa khu dân cư...

Tập trung đầu tư phát triển các tổ hợp chế biến xay xát gạo chất lượng cao, gạo xuất khẩu theo công nghệ liên hoàn, từ khâu sấy khô, bảo quản, kho chứa đến xay xát, lau bóng gạo nhằm tạo ra sản phẩm đạt tiêu chuẩn, có sức cạnh tranh và giá trị cao, hạ giá thành sản phẩm để tăng hiệu quả xuất khẩu. Khuyến khích các cơ sở chăn nuôi đầu tư dây chuyền công nghệ khép kín từ nuôi dưỡng đến giết mổ và tiêu thụ sản phẩm. Phát triển mạng lưới cơ sở chế biến thức ăn chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản gắn với vùng sản xuất tập trung; khuyến khích các cơ sở chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản đầu tư dây chuyền chế biến có quy mô vừa và nhỏ.

Hướng bố trí đất cụm công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp sẽ gắn kết với dịch vụ và phát triển đô thị theo hướng tập trung. Dự kiến phát cụm tiểu thủ công nghiệp tại Cụm công nghiệp Phú Hòa (30 ha), Định thành (50 ha), Vọng Thê (25 ha) và tiểu thủ công nghiệp Vĩnh Trạch 40 (ha).

1.3.3. Định hướng phát triển khu đô thị - thương mại - dịch vụ.

Trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, sự phân công hợp tác diễn ra mạnh mẽ sẽ thúc đẩy dịch vụ phát triển, đồng thời đời sống của nhân dân không ngừng được nâng lên cũng đòi hỏi các ngành dịch vụ phát triển nhanh để đáp ứng được yêu cầu. Mặt khác, theo định hướng phát triển đô thị, huyện Thoại Sơn sẽ triển khai chương trình phát triển đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV sau năm 2030, phạm vi nội thị phát triển sẽ hình thành 09 đơn vị hành chính được định hướng tạo chuỗi đô thị dọc theo tỉnh lộ 943 của huyện gồm: Thị trấn Phú Hòa, thị trấn Núi Sập, thị trấn Óc Eo và 06 xã Vĩnh Trạch, Định Thành, Thoại Giang, Bình Thành, Vọng

Đông, Vọng Thê. Cho nên trong thời kỳ gian tới, huyện sẽ nhận được một vốn đầu tư xây dựng đáng kể cho xây dựng cơ bản do đó kéo theo tiềm năng phát triển ngành dịch vụ của huyện là rất lớn đặc biệt là các ngành ngân hàng, tín dụng, bưu chính, vận tải, thương mại...

Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư xây dựng siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện ích ở địa bàn thị trấn Núi Sập, Phú Hòa và Óc Eo. Phần đầu đến trước năm 2030, huyện Thoại Sơn có ít nhất 03 siêu thị tại thị trấn Núi Sập, Phú Hòa và Óc Eo.

Cơ hội phát triển khu vực kinh tế dịch vụ của huyện là rất lớn, việc bố trí quỹ đất cho xây dựng các công trình kinh doanh thương mại hoàn toàn có thể đáp ứng được. Tuy nhiên do đặc điểm riêng của ngành nên nhu cầu sử dụng đất thường có mối quan hệ chặt chẽ với việc phát triển thị trấn, trung tâm xã, khu vực đông dân cư. Vì vậy việc quy hoạch sử dụng đất cần bám sát quy hoạch phát triển đô thị, trung tâm cụm xã, trung tâm xã, khu dân cư để đáp ứng được yêu cầu phát triển các ngành.

1.3.4. Định hướng phát triển khu du lịch

An Giang là tỉnh có rất nhiều điểm tham quan, du lịch nổi tiếng mang cấp quốc gia và cấp khu vực. Trong đó, Thoại Sơn lại là địa phương nằm trong tuyến du lịch khép của tỉnh (Thoại Sơn - Long Xuyên - Châu Đốc - Tịnh Biên - Tri Tôn - Thoại Sơn), với nhiều di tích tham quan khá nổi tiếng. Khai thác tiềm năng và thế mạnh về văn hóa lịch sử để phát triển du lịch Thoại Sơn trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của huyện, là một trong những điểm đến hấp dẫn của du lịch tỉnh An Giang. Xây dựng hình ảnh ngành du lịch có chất lượng, uy tín. Trong tương lai huyện có thể khai thác, phát triển các điểm tham quan, du lịch như khu du lịch Núi Sập; khu di tích lịch sử văn hóa Óc Eo; đình thần Thoại Ngọc Hầu; di tích Gò Cây Thị; di tích Hang Dơi... Đa dạng hóa các loại hình tham quan, dịch vụ nhằm thu hút khách tham quan, du lịch trong và ngoài nước. Do đó tiềm năng đất đai để phục vụ cho việc phát triển du lịch trên địa bàn huyện cần được quan tâm đầu tư trong thời gian tới, đặc biệt là việc xây dựng các dự án mang tính khả thi để thu hút được các nhà đầu tư.

II. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

2.1. Chỉ tiêu cụ thể phát triển kinh tế - xã hội

2.1.1. Chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Thoại Sơn là một huyện nông nghiệp và trong thời gian tới huyện vẫn sẽ phát triển dựa trên nền tảng lĩnh vực này. Tuy nhiên, sự phát triển này không

phải là sự phát triển của một nền nông nghiệp thuần túy mà nó gắn liền với ngành công nghiệp chế biến nông sản, thủy sản đồng thời phát triển khối ngành dịch vụ với mũi nhọn là thương mại mậu dịch, với các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý.

Khai thác mạnh mẽ những lợi thế, huy động nguồn lực xã hội, tập trung tái cơ cấu kinh tế theo hướng tăng trưởng bền vững. Theo đó, chú trọng phát triển mạnh về thương mại, du lịch làm chủ đạo trên nền tảng sản xuất nông nghiệp chuyên sâu ứng dụng công nghệ cao và ngành công nghiệp chế biến tiên tiến nhằm đưa Thoại Sơn trở thành huyện có cơ cấu kinh tế hiện đại, mạng lưới kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao, có đóng góp ngày càng to lớn vào sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa chung của tỉnh An Giang.

Đến năm 2030, giá trị sản xuất (GO) của huyện Thoại Sơn có tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 9,5% giai đoạn 2021 – 2025 và ước đạt 10% vào giai đoạn 2026 – 2030. Cơ cấu GO đến năm 2030 là khu vực 1 (23,5%) – khu vực 2 (32%) – khu vực 3 (44,5%). Cụ thể:

- Giá trị sản xuất (GO) của ngành Nông, lâm nghiệp và thủy sản:

+ Theo giá hiện hành năm 2025 đạt 15.950 tỷ đồng và đến năm 2030 đạt 23.570 tỷ đồng.

- Giá trị sản xuất (GO) của ngành Công nghiệp - Xây dựng:

+ Theo giá hiện hành: năm 2025 đạt 12.900 tỷ đồng và đến năm 2030 đạt 22.510 tỷ đồng.

- Tổng mức bán lẻ hàng hoá tiêu dùng xã hội đến năm 2025 đạt 12.000 tỷ đồng và đến năm 2030 đạt 23.500 tỷ đồng.

- Đến năm 2025, giá trị sản xuất nông nghiệp đạt khoảng 212 triệu đồng/ha và đến năm 2030 trên 261 triệu đồng/ha.

- Tổng thu ngân sách từ kinh tế địa bàn năm 2025 đạt khoảng 1.500 tỷ đồng và đến năm 2030 đạt khoảng 2.700 tỷ đồng.

- Quy mô dân số đến năm 2025 ước đạt 182.800 người, tỷ lệ đô thị hóa đạt 25,5% và đến năm 2030 ước đạt 183.500 người, tỷ lệ đô thị hóa đạt 26%.

- Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế quốc dân phần đầu đạt 70% năm 2025 và đạt trên 70% vào năm 2030.

- Tỷ lệ hộ nghèo bình quân giảm bình quân 1,2-2% vào năm 2025 và 1,5-2% vào năm 2030.
 - Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế phần đầu đạt 90% vào năm 2025 và trên 95% vào năm 2030.
 - Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân phần đầu giảm còn 8% vào năm 2025 và dưới 5% vào năm 2030.
 - Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi bậc tiểu học phần đầu đạt 100% vào năm 2025 và năm 2030.
 - Tỷ lệ học sinh đi học trong độ tuổi bậc trung học cơ sở phần đầu đạt 95% vào năm 2025 và 95% vào năm 2030.
 - Tỷ lệ học sinh đi học trong độ tuổi bậc trung học phổ thông phần đầu đạt 70% vào năm 2025 và trên 80% vào năm 2030.
 - Phần đầu tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước sạch, nước hợp vệ sinh đạt 100% vào năm 2025 và năm 2030.
 - Phần đầu đến năm 2025 đạt 100% số xã nông thôn mới nâng cao.
- (Nguồn: Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Thoại Sơn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”)

2.1.2. Chỉ tiêu sử dụng đất theo các loại đất cho các ngành, lĩnh vực

2.1.2.1. Chỉ tiêu phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật.

a). Mạng lưới giao thông.

- **Về giao thông đường bộ:** Địa phương nên cân đối quỹ đất để phục vụ việc phát triển mạng lưới đường bộ do cấp trên phân bổ trên địa bàn huyện, cụ thể như tuyến đường cao tốc, tuyến tỉnh lộ 943. Bên cạnh đó địa phương sẽ đầu tư phát triển các tuyến giao thông huyện nhằm liên kết với các địa bàn lân cận. Đặc biệt đối với giao thông nông thôn, giai đoạn 2021 - 2025: phần đầu xây dựng 100% đường đến trung tâm xã đạt chuẩn loại AH và 100% đường giao thông nông thôn còn lại đạt chuẩn loại A. Xây dựng mới và nhựa hóa các tuyến đường giao thông liên ấp trọng điểm; Giai đoạn 2021 - 2025: tiếp tục củng cố vững chắc các tuyến đường hiện có, đồng thời mở rộng nâng cấp các tuyến đường giao thông nông thôn liên ấp đạt chuẩn:

+ Tỷ lệ km đường giao thông chính về đến trung tâm xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn thiết kế 22TCN 210 - 92 (tiêu chuẩn loại đường AH), đến năm 2030 đạt 100%.

+ Tỷ lệ km đường giao thông nông thôn từ trung tâm xã, thị trấn về đến các ấp; đường liên ấp và đường ra cánh đồng đạt tiêu chuẩn thiết kế 22TCN 210 - 92 (tiêu chuẩn loại đường A) đạt 100%.

- **Về Giao thông đường thủy:** Trong những năm qua, công tác quản lý cũng như đầu tư cho các tuyến đường thủy chưa được quan tâm đúng mức nên phần nào hạn chế khả năng phát triển giao thông đường thủy. Do đó, trong giai đoạn tới cần xác định các luồng tuyến lưu thông chính để tập trung nạo vét nhằm đảm bảo được khả năng lưu thông, phát huy thế mạnh vận tải đường thủy của huyện.

Phát triển mạng lưới đường thủy theo hướng liên kết với đường bộ, tạo điều kiện phát triển vận tải thủy, bộ kết hợp. Các tuyến đường thủy chủ yếu: kênh Ba Thê, kênh Rạch Giá - Long Xuyên, kênh Đòn Dong, kênh Mướp Vãn, kênh Kiên Hảo, đảm bảo có chiều rộng và độ sâu đủ năng lực cho thuyền ghe có tải trọng lớn lưu thông.

Xây dựng, phát triển hệ thống tàu bè, đảm bảo vận chuyển sản phẩm hàng hóa từ vùng sản xuất đến vùng tiêu thụ. Chú ý cải tạo, nạo vét luồng lạch, hai bên bờ kênh nhằm phục vụ công tác thủy lợi, phục vụ dân sinh và phát triển du lịch...

b) Mạng lưới điện

Mục tiêu của ngành điện là thực hiện tốt chương trình điện khí hóa nông thôn và đáp ứng nhu cầu điện cho sản xuất và phục vụ đời sống nhân dân. Đầu tư cải tạo và xây mới đường dây trung thế, nhất là đường dây trung thế 3 pha phục vụ cho sản xuất. các trạm biến áp và đường dây hạ thế đồng bộ đúng tiêu chuẩn kỹ thuật của ngành để giảm tỷ lệ tổn thất điện. Dự kiến tỷ lệ hộ dùng điện đạt 100% năm 2030.

Hoàn chỉnh hệ thống điện chiếu sáng công tuyến quốc lộ, tỉnh lộ và các tuyến đường đô thị của các thị trấn và khu trung tâm hành chính xã, các khu dân cư tập trung.

c) Cấp thoát nước và rác thải

- Hệ thống cấp nước:

Trong thời kỳ 2021 - 2025, định mức cấp nước sạch cho khu vực đô thị từ 120 - 150 lít/người/ngày và khu vực nông thôn là 70 - 80 lít/người/ngày. Như

vậy, tổng nhu cầu nước sạch khoảng 27.500 m³/ngày vào năm 2025 và khoảng 31.000 m³/ngày vào năm 2030.

Để đáp ứng được nhu cầu nước sạch như trên, cần phải đầu tư nâng cấp và xây dựng mới các công trình cấp nước tập trung, các hệ thống cấp nước trong phạm vi huyện và tăng cường thêm các giếng khoan, các thiết bị chứa nước khác.

Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch đạt 95% vào năm 2025 và 100% vào năm 2030; trong đó, tỷ lệ sử dụng nước sạch do các trung tâm cấp nước tập trung và các nhà máy nước cung cấp tăng lên 90% vào năm 2025 và trên 100% vào năm 2030.

- Hệ thống thoát nước và xử lý rác thải:

Việc xử lý nước thải cần được tính toán kỹ trong quy hoạch xây dựng chi tiết đô thị và khi xây dựng cần tuân thủ triệt để, tránh lãng phí trong việc xây dựng không đồng bộ, nhất là xây dựng các công trình ngầm. Các thị trấn cần xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng và thoát nước mưa riêng đúng tiêu chuẩn, đảm bảo tiêu chuẩn thoát nước, không gây ô nhiễm môi trường.

Mạng lưới cống thoát nước thải gồm có: các đường cống nhỏ thu gom nước thải từ các hộ dân chảy ra các đường cống chính khu vực lớn hơn và ra các trục cống chính lớn về các trạm xử lý, nhằm tránh ngập úng khu vực nội ô.

Nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp phải được thu gom theo hệ thống đường ống đưa về khu xử lý. Nước thải y tế tại các bệnh viện phải xử lý tại chỗ, khử trùng rồi mới đưa vào hệ thống thoát nước chung. Nguồn nước thải sau khi được xử lý, tùy theo mức độ sạch mà cung cấp cho sản xuất nông nghiệp, hoặc thải ra môi trường tự nhiên.

Từ nay đến 2025 tập trung xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải tại các khu đô thị đã có đường giao thông nội ô hoàn tất (thị trấn Núi Sập, Phú Hòa, Óc Eo). Giai đoạn 2026 - 2030, cơ bản hoàn thiện hệ thống thoát nước và các khu xử lý nước thải ở các khu trung tâm xã, các khu dân cư, khu du lịch, khu thể thao, khu thương mại...

Thực hiện dự án đầu tư thu gom và xử lý rác thải, thành lập đội vệ sinh môi trường của huyện, đảm bảo đủ số lượng lao động và phương tiện xe chuyên dùng để vận chuyển rác thải từ các khu dân cư đô thị, cụm công nghiệp và một số khu dân cư nông thôn đến nơi xử lý.

d) Bru chính viễn thông

Gắn với tiêu chí xây dựng nông thôn mới dự kiến đến năm 2025 tỷ lệ tối thiểu số hộ dân biết sử dụng tin học và truy cập internet trên địa bàn huyện đạt 70% và đến năm 2030 đạt 100% áp có internet và tỷ lệ tối thiểu số hộ dân biết sử dụng tin học và truy cập internet đạt 85%.

Lĩnh vực bu chính - viễn thông là ngành công nghệ cao, luôn đòi hỏi sự đổi mới và sáng tạo, do đó nhu cầu về lao động có trình độ kỹ thuật sẽ rất lớn. Ngành cần chủ động với những chính sách đào tạo thích hợp, thu hút các cán bộ trẻ có năng lực, nâng cao khả năng chuyên môn nghiệp vụ, phục vụ kịp thời và đảm bảo chất lượng kể cả trong nước và quốc tế.

1.5.2. Chỉ tiêu phát triển hạ tầng xã hội.

a) Giáo dục - đào tạo

- Phân đầu tổng số sẽ có 78 trường đạt chuẩn quốc gia (mẫu giáo 18; tiểu học 35; trung học cơ sở 16) đến năm 2025 và giữ vững đạt tỷ lệ 100% vào năm 2030. Trường học các cấp có văn phòng và các phòng trang thiết bị bộ môn thiết yếu đạt 100%.

- Bình quân cả thời kỳ quy hoạch đất giáo dục đạt 12m²/học sinh đối với cấp mầm non (thị trấn 8m²/học sinh), cấp tiểu học và trung học cơ sở đạt 10m²/học sinh (thị trấn 6m²/học sinh).

* **Giáo dục mầm non:** đảm bảo đủ giáo viên cho hệ thống giáo dục mầm non và đến năm 2025 có trên 80%, năm 2030 đạt 100% giáo viên đạt chuẩn trở lên. Khuyến khích phát triển hệ thống trường tư thục đi đôi với quản lý chất lượng. Thu hút các cháu ở độ tuổi học mẫu giáo đến trường tăng lên 100% vào năm 2025.

* **Giáo dục phổ thông:** Tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư các phòng thực nghiệm, phòng chức năng; chuẩn hóa chất lượng đội ngũ giáo viên là một trong những yếu tố quyết định để nâng cao chất lượng giáo dục. 100% trẻ em hoàn thành tiểu học ở độ tuổi 11. Tăng tỷ lệ học sinh cuối cấp chuyển vào học cấp cao hơn; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp các cấp đạt ở mức cao. Phân đầu hoàn thành phổ cập trung học cơ sở đúng độ tuổi; tiến tới phổ cập trung học phổ thông.

Chuẩn bị tốt các điều kiện để tăng nhanh số lớp học 2 buổi ở bậc tiểu học. Tổ chức các lớp bổ túc văn hóa, đảm bảo cho số học sinh không đủ điều kiện học phổ thông và người lớn tuổi được tiếp tục đi học. Phát triển các trường chất

lượng cao và tăng cường hoạt động theo các tiêu chí qui định làm hạt nhân thúc đẩy việc nâng cao chất lượng giáo dục.

Kết hợp thực hiện mục tiêu kiên cố hóa trường học với quy hoạch và xây dựng lộ trình các trường đạt chuẩn quốc gia.

*** Công tác đào tạo:**

Phát triển nhiều hình thức đào tạo, phân luồng học sinh vào các trường dạy nghề, tăng cường đưa giáo viên đi đào tạo trong và ngoài nước, coi trọng đào tạo tập trung chính quy; đồng thời có chính sách khuyến khích thu hút lao động trí tuệ theo các chương trình mục tiêu cụ thể.

Từ nay đến 2030, ưu tiên khuyến khích các cơ sở đào tạo những ngành nghề truyền thống tại các làng nghề trên địa bàn huyện Thoại Sơn. Nâng cấp và mở rộng trường nghề của huyện.

Mở rộng qui mô, nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm giáo dục thường xuyên, Trung tâm học tập cộng đồng.

Đa dạng hóa ngành nghề đào tạo, đổi mới trang thiết bị dạy và học, nâng cao trình độ đội ngũ giảng dạy. Duy trì liên kết với các doanh nghiệp, các cơ sở đào tạo trong và ngoài địa bàn, thường xuyên mở các lớp dạy nghề đáp ứng nhu cầu sản xuất và phục vụ xuất khẩu lao động của địa phương. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng các cơ sở dạy nghề trên địa bàn.

b) Y tế và chăm sóc sức khỏe

Tập trung đào tạo, gửi đi đào tạo lực lượng chuyên khoa trong các lĩnh vực chuyên sâu, đủ sức áp dụng các kỹ thuật y khoa hiện đại trong khám và điều trị bệnh. Có chính sách ưu đãi để thu hút và cung cấp đủ cán bộ y tế cho các cơ sở. Tiếp tục duy trì đảm bảo 100% trạm y tế có biên chế bác sĩ và nữ hộ sinh. Phấn đấu và duy trì 100% thôn ấp có nhân viên y tế cộng đồng. Tỷ lệ bác sĩ trên vạn dân dự kiến đạt 3,5 bác sĩ vào năm 2025 và đạt khoảng 4,4 bác sĩ năm 2030.

Công tác phòng chống dịch bệnh phải được quan tâm và tiến hành thường xuyên. Giảm tỷ lệ người mắc dịch bệnh, không để các dịch bệnh lớn xảy ra, đặc biệt là các bệnh mới phát sinh như: SARS, cúm H5N1, H1N1.... Duy trì kết quả thanh toán bại liệt, loại trừ uốn ván sơ sinh, hạn chế tốc độ lây truyền HIV/AIDS. Tiếp tục phòng chống sốt rét, sốt xuất huyết; quản lý các bệnh xã hội như: lao, da liễu, tâm thần....

Thực hiện nghiêm pháp lệnh về bảo hộ lao động. Mở rộng bảo hiểm y tế đến toàn dân. Chú trọng chăm sóc y tế cho các đối tượng và gia đình thuộc diện chính sách, vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng....

Nghiên cứu và áp dụng rộng rãi các phương pháp y học cổ truyền và các dược liệu dân tộc, kết hợp chặt chẽ giữa Đông và Tây y nhằm từng bước nâng cao hiệu quả và đa dạng hóa công tác khám và điều trị bệnh.

Đẩy mạnh xã hội hóa trong hoạt động y tế, thu hút đầu tư của các thành phần kinh tế nhằm nâng cao chất lượng và mở rộng cơ hội lựa chọn chăm sóc sức khỏe của người dân.

c) Văn hóa thông tin, thể dục - thể thao

Đẩy mạnh công tác xã hội hóa, huy động mọi nguồn lực, kết hợp nguồn vốn trong dân cùng với nguồn ngân sách nhằm củng cố hệ thống thiết chế văn hoá của huyện. Xây dựng mới sân vận động cấp huyện, trung tâm phức hợp văn hóa - thể dục thể thao, nhà văn hóa thiếu nhi, nhà thi đấu đa năng, hồ bơi cấp huyện... và đảm bảo 100% xã, thị trấn có nhà văn hóa, bưu điện văn hóa.

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, mở rộng hệ thống thông tin ở cơ sở dưới nhiều hình thức. Duy trì tổ chức các lễ hội truyền thống của địa phương và văn hoá dân gian. Phát triển các nhóm đàn ca tài tử, các tụ điểm sinh hoạt văn nghệ, các câu lạc bộ... để thu hút nhân dân tham gia sinh hoạt vui chơi giải trí lành mạnh.

Tiếp tục đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Tỷ lệ hộ gia đình văn hóa đạt trên 96%, tỷ lệ ấp văn hóa đạt 100% và tỷ lệ xã văn hóa đạt trên 100% vào năm 2025. Các chỉ tiêu này không ngừng được củng cố và nâng cao về chất lượng trong thời kỳ sau năm 2030.

Số xã, thị trấn có điểm tập thể dục thể thao đạt 100%, các trường học đưa giáo dục thể chất đi vào nề nếp. Tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao phong trào rèn luyện thân thể theo gương Bác trong quần chúng nhân dân. Tiếp tục phát hiện và bồi dưỡng những cá nhân có năng khiếu để huấn luyện, thi đấu đạt thành tích cao cho ngành thể dục thể thao huyện nhà.

3. Tổng hợp, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu (2021 – 2025) tỉnh An Giang đang thực hiện. Theo quy định, UBND tỉnh An Giang sẽ phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất của cấp tỉnh trên địa bàn cấp huyện để huyện làm

cơ sở lập Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030. Tuy nhiên, đến nay tỉnh An Giang chưa phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất cho huyện (do chưa được phê duyệt). Do đó, sau khi xác định các chỉ tiêu nhu cầu sử dụng đất của các ngành lĩnh vực đến năm 2030 như trên, huyện tạm thời so sánh với hiện trạng để tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất trên địa bàn, cụ thể như sau:

Bảng 08: Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 huyện Thoại Sơn

ĐVT: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2020	Quy hoạch đến năm 2030	Tăng (+), giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
1	Đất nông nghiệp	NNP	41.369,91	40.568,41	-801,50
1.1	Đất trồng lúa	LUA	38.880,26	36.444,76	-2.435,50
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>38.880,26</i>	<i>36.444,76</i>	<i>-2.435,50</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	132,86	125,61	-7,25
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.546,61	3.119,81	1.573,20
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	51,89	51,89	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	130,98	130,98	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	-	-	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	516,03	576,08	60,05
1.8	Đất làm muối	LMU	-	-	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	111,29	119,29	8,00
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	5.697,73	6.499,23	801,50
2.1	Đất quốc phòng	CQP	21,95	23,09	1,14
2.2	Đất an ninh	CAN	15,43	15,43	-
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-	-
2.4	Đất khu chế xuất	SKT	-	-	-
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	29,20	139,72	110,52
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	18,47	138,04	119,57
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	89,50	209,82	120,32
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	0,90	0,90	-
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	3.057,62	3.228,67	171,05
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>2,55</i>	<i>4,85</i>	<i>2,30</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội</i>	<i>DXH</i>	<i>2,58</i>	<i>5,78</i>	<i>3,20</i>
-	<i>Đất y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>7,36</i>	<i>7,40</i>	<i>0,04</i>
-	<i>Đất giáo dục và đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>55,50</i>	<i>67,32</i>	<i>11,82</i>
-	<i>Đất thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>5,14</i>	<i>11,95</i>	<i>6,81</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ</i>	<i>DKH</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
-	<i>Đất chợ</i>	<i>DCH</i>	<i>5,99</i>	<i>13,13</i>	<i>7,14</i>

*Báo cáo thuyết minh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030
và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Thọai Sơn - tỉnh An Giang*

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2020	Quy hoạch đến năm 2030	Tăng (+), giảm (-) (ha)
-	Đất giao thông	DGT	1.453,59	1.593,13	139,54
-	Đất thủy lợi	DTL	1.523,75	1.524,59	0,84
-	Đất công trình năng lượng	DNL	0,78	0,78	-
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	0,39	0,39	-
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	14,16	84,16	70,00
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-	-
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	2,49	2,49	-
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.075,20	1.214,68	139,48
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	238,68	293,97	55,29
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	18,77	21,81	3,04
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,10	0,10	-
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	25,25	31,61	6,36
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	16,52	17,64	1,12
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	-	-	-
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	-	-	-
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	5,80	8,77	2,97
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	4,57	4,57	-
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.041,11	1.041,11	-
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	20,03	20,03	-
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	1,97	1,97	-
3	Đất chưa sử dụng	CSD	36,14	36,14	-

3.1. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trong kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã được thể hiện chi tiết trong Biểu 03/CH.

3.1.1. Tổng hợp và dự báo nhu cầu sử dụng đất trong kỳ quy hoạch

Trên cơ sở các chỉ tiêu về quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của huyện đến năm 2030, nhu cầu về đất đai để đáp ứng các chỉ tiêu trên là rất

cần thiết và không thể thiếu. Do đó, dự báo đến năm 2030, huyện Thoại Sơn cần có quỹ đất phù hợp cho các nhu cầu phát triển thiết yếu sau:

- **Nhu cầu về đất đai cho phát triển kinh tế nông nghiệp:** Với định hướng đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế của khu vực I và khu vực II, do đó nhu cầu về đất đai cho sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện sẽ có xu hướng giảm dần, ước tính đến năm 2030, đất nông nghiệp của huyện có khoảng 40.568,41 ha, giảm 801,50 ha so với hiện trạng năm 2020.

- **Nhu cầu về đất ở:** Theo dự báo dân số đến năm 2030, tổng quy mô dân số của toàn huyện có khoảng 183.500 dân. Với việc dân số gia tăng thì nhu cầu về đất ở cùng với việc di dời nhà trên sông, kênh, rạch thì trong kỳ quy hoạch đất ở của huyện cần tăng thêm khoảng 194,77 ha cho việc bố trí xây dựng các khu dân cư trung tâm hành chính xã và các cụm, tuyến dân cư.

- **Nhu cầu đất đai cho phát triển công nghiệp:** Theo dự báo dân số đến năm 2030, số lao động phục vụ trong các ngành nghề thuộc khu vực II chiếm khoảng 32% số lao động cùng thời điểm của huyện. Trong kỳ quy hoạch, địa phương sẽ không phát triển các khu công nghiệp trên địa bàn mà sẽ xây dựng, hình thành các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp thuộc địa bàn một số xã, thị trấn: xã Định Thành, xã Vọng Thê, Vĩnh Trạch và mở rộng cụm công nghiệp Phú Hòa. Ước tính đến năm 2030, nhu cầu về đất đai để phát triển lĩnh vực này tăng thêm khoảng 110,52 ha.

- **Nhu cầu đất đai phục vụ phát triển y tế:** Quỹ đất đai để phục vụ phát triển ngành y tế hiện tại của địa phương tương đối đầy đủ. Tuy nhiên để đáp ứng tốt hơn nhu cầu khám và điều trị bệnh cho người dân trên địa bàn huyện Thoại Sơn cũng như các địa phương lân cận, trong giai đoạn từ nay đến năm 2030, đất đai để phục vụ cho việc phát triển ngành y tế cần tăng thêm khoảng 0,43 ha thì sẽ đáp ứng tốt cho nhu cầu xây mới và mở rộng các trạm y tế tại xã Vọng Đông và Tây Phú.

- **Nhu cầu đất đai cho việc phát triển văn hóa:** Nhằm phục vụ tốt nhu cầu về hưởng thụ văn hóa, vui chơi giải trí cho người dân, trong thời kỳ quy hoạch huyện cần phát triển hơn nữa các khu công viên cây xanh, các khu vui chơi giải trí, đặc biệt là nhà văn hóa ở các xã. Do đó, đất đai cần thiết để đáp ứng cho nhu cầu phát triển văn hóa của địa phương đến năm 2030, cần tăng thêm khoảng 2,3 ha.

- **Nhu cầu đất đai phục vụ giáo dục - đào tạo:** Đất đai phục vụ cho sự nghiệp giáo dục - đào tạo là nhu cầu không thể thiếu của địa phương. Dự kiến trong kỳ quy hoạch huyện sẽ dành thêm khoảng 11,82 ha cho việc xây mới và mở rộng các trường trên địa bàn huyện, đặc biệt là các trường mầm non, mẫu giáo và tiểu học.

- **Nhu cầu đất đai phục vụ phát triển thể dục - thể thao:** Trên cơ sở quỹ đất dành cho việc phục vụ nhu cầu về thể dục - thể thao. Trong kỳ quy hoạch huyện sẽ dành thêm quỹ đất khoảng 6,81 ha cho việc xây mới và mở rộng các sân bóng đá ở các xã, thị trấn.

- **Nhu cầu về đất đai phục vụ thương mại (chợ):** Để phục vụ tốt hơn nhu cầu giao thương, mua sắm hàng hóa... của người dân, trong kỳ quy hoạch huyện sẽ đầu tư quỹ đất để xây dựng các điểm chợ cho các xã trên cơ sở đạt chuẩn về tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Dự tính trong kỳ, đất phục vụ phát triển thương mại trên địa bàn toàn huyện tăng thêm khoảng 7,14 ha.

- **Nhu cầu đất đai cho việc phát triển giao thông:** Nhu cầu đất đai cho việc phát triển giao thông là một trong những yếu tố quan trọng hàng đầu của huyện trong việc định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện đến năm 2020. Ngoài quỹ đất phục vụ cho việc xây dựng đường cao tốc, đường dẫn cao tốc đi qua địa phương huyện Thoại Sơn mà cấp trên đã quy hoạch. Trong kỳ huyện cũng sẽ dành quỹ đất để xây dựng, hoàn thiện các tuyến đường từ huyện về đến xã, đường liên xã và các tuyến đường ra cánh đồng. Dự báo nhu cầu đất giao thông phục vụ các yêu cầu trên trong kỳ quy hoạch cần tăng thêm khoảng 139,54 ha.

2.2. Khả năng đáp ứng về số lượng, chất lượng đất đai cho nhu cầu sử dụng đất.

- **Khả năng đáp ứng của đất nông nghiệp:** Đến cuối kỳ diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn huyện Thoại Sơn giảm còn khoảng 40.568,41 ha. Với khoảng diện tích đất như trên thì đến năm 2030, tổng sản lượng lương thực thu được từ việc sản xuất nông nghiệp của huyện đạt khoảng 650 ngàn tấn/năm, bình quân lương thực đầu người ước đạt 3.100 kg/người/năm, đáp ứng được nhu cầu lương thực của địa phương và nhu cầu về thị trường xuất khẩu.

- **Khả năng đáp ứng của đất ở:** Với việc đầu tư quỹ đất phục vụ cho việc xây mới các khu dân cư trung tâm hành chính xã và các cụm, tuyến dân cư thì đến năm 2030, tổng diện tích đất ở của huyện đạt 1.508,65 ha, bình quân đạt

khoảng 80,60 m²/người cho toàn huyện. Nhìn chung đến năm 2030, nhu cầu đất ở của huyện đều đạt định mức theo quy hoạch sử dụng đất.

- **Khả năng đáp ứng cho phát triển công nghiệp:** Diện tích đất khu công nghiệp của huyện đến cuối kỳ quy hoạch đạt khoảng 139,72 ha, toàn bộ diện tích đất này thuộc đất phát triển các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Với quỹ đất phát triển công nghiệp đến năm 2030, theo nhận định chung của các chuyên gia sẽ đáp ứng được nhu cầu về đất đai phát triển công nghiệp của địa phương.

- **Khả năng đáp ứng nhu cầu về phát triển y tế:** Đến cuối kỳ quy hoạch, trên địa bàn huyện Thoại Sơn có khoảng 7,4 ha quỹ đất cho việc xây dựng các cơ sở y tế (các xã, thị trấn đều có trạm y tế đạt chuẩn theo tiêu chí xây dựng nông thôn mới), bình quân đất y tế đến năm 2030 đạt khoảng 0,40 m²/người. So với định mức quy hoạch sử dụng đất thì đất phát triển y tế của huyện đảm bảo yêu cầu, so với tiêu chí về quy hoạch nông thôn mới thì diện tích đất phát triển y tế của huyện đã đạt và vượt chuẩn quy định.

- **Khả năng đáp ứng về đất văn hóa:** Cuối kỳ quy hoạch, diện tích đất văn hóa của huyện có khoảng 4,85 ha, chủ yếu là đất đai dành để phát triển các khu vui chơi giải trí, công viên cây xanh và nâng cấp nhà văn hóa ở các xã. Trung bình đất văn hóa của huyện đạt 1,48 m²/người, đạt và vượt chuẩn so với định mức quy hoạch sử dụng đất (định mức 0,59 - 0,75 m²/người).

- **Khả năng đáp ứng cho nhu cầu đất giáo dục - đào tạo:** Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất giáo dục - đào tạo của huyện có khoảng 67,32 ha, bình quân đất giáo dục - đào tạo đạt khoảng 12m²/học sinh đối với tất cả các cấp học kể cả trung học hướng nghiệp - dạy nghề. Nhìn chung, đến năm 2030, tất cả các cấp học của huyện đều đạt và vượt chuẩn so với định mức quy hoạch sử dụng đất cũng như tiêu chuẩn xây dựng nông thôn mới.

- **Khả năng đáp ứng cho nhu cầu đất thể dục - thể thao:** Đến cuối kỳ quy hoạch hầu hết 17 xã, thị trấn của huyện đều có sân thể thao, tổng diện tích đất thể dục - thể thao có khoảng 11,95 ha, bình quân đạt khoảng 0,69 m²/người, so với tiêu chuẩn về xây dựng nông thôn mới thì diện tích đất thể dục - thể thao của huyện đã đạt chuẩn (định mức 0,47 - 0,95 m²/người).

- **Khả năng đáp ứng nhu cầu đất chợ:** Với việc đầu tư quỹ đất để xây mới và mở rộng các điểm chợ ở các xã, thị trấn nhằm duy trì đạt chuẩn so với

tiêu chí về xây dựng nông thôn mới. Đến năm 2030, đất thương mại của huyện có khoảng 13,13 ha (không bao gồm các khu siêu thị), bình quân có trên 3.000m²/chợ.

- **Khả năng đáp ứng nhu cầu đất giao thông:** Đến cuối kỳ quy hoạch, diện tích đất giao thông của huyện có khoảng 1.1593,13 ha, tăng 139,54 ha so với hiện trạng năm 2020. Với khoảng diện tích này thì đến cuối kỳ quy hoạch hệ thống giao thông của huyện sẽ được cơ bản hoàn thiện, đáp ứng tốt nhu cầu vận chuyển và đi lại của người dân. Các tuyến đường từ huyện về đến trung tâm xã đều đạt chuẩn loại A hoặc AH; tuyến tỉnh lộ đạt chuẩn đường cấp IV khu vực đồng bằng; đặc biệt các xã đều được bố trí đường liên xã, liên ấp và đường ra cánh đồng tương đối hoàn thiện.

2.3. Tổng hợp, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

Sau khi cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất do tỉnh phân bổ và do huyện xác định, xác định bổ sung, phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Thoại Sơn như sau:

- Đất nông nghiệp: 40.568,41 ha, chiếm 86,13% diện tích tự nhiên của huyện.
- Đất phi nông nghiệp: 6.499,23 ha, chiếm 13,79% diện tích tự nhiên của huyện.
- Đất chưa sử dụng: 36,14 ha, chiếm 0,08% diện tích trên toàn huyện.

2.2.3.1 Nhóm đất nông nghiệp

Trên cơ sở các chỉ tiêu về phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện đến năm 2030, trong kỳ quy hoạch sử dụng đất địa phương sẽ cân đối, phân bổ quỹ đất sao cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian tới, với cơ sở nền tảng đánh giá lại những tồn tại và các mặt đạt được trong việc quản lý và sử dụng đất của huyện trong giai đoạn 2011 - 2020. Đến cuối kỳ quy hoạch đất đai trên địa bàn huyện phân bổ cụ thể cho các mục đích sử dụng như sau:

Huyện xác định cho đến năm 2030, nông nghiệp vẫn là nền tảng, là cơ sở để phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ và tạo ra nhiều việc làm nhất cho lao động tại khu vực nông thôn.

Sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, tập trung củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp, khuyến khích hợp tác phát triển kinh tế trang trại.

Sau khi cân đối đầy đủ giữa chỉ tiêu phân bổ sử dụng đất, ranh giới diện tích đất trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt và quỹ đất nông nghiệp phải chuyển mục đích để xây dựng kết cấu hạ tầng, nhà ở, cụm công nghiệp... cho các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội đến năm 2030, tổng diện tích đất nông nghiệp còn lại là 40.568,41 ha, chiếm 86,13% diện tích tự nhiên (giảm 801,50 ha so năm 2020 do chuyển sang đất phi nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng và các mục đích khác), chỉ tiêu cho các mục đích sử dụng như sau:

Các loại đất nông nghiệp được huyện xác định và xác định bổ sung gồm:

a) Đất trồng lúa:

Để bảo đảm an ninh lương thực cũng như tạo nguồn cung ổn định cho xuất khẩu nông nghiệp hàng hóa, bằng các giải pháp hạn chế tối đa việc chuyển các loại đất chuyên trồng lúa, có năng suất cao, chủ động tưới tiêu sang các loại đất khác.

Có cơ chế, chính sách bảo đảm hài hòa lợi ích giữa bốn nhà, giữa áp dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ với các hình thức tổ chức sản xuất, phấn đấu thực hiện thắng lợi chương trình nông nghiệp nông thôn & nông dân và chương trình xây dựng nông thôn mới.

Mặc khác, nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển KT-XH, một phần diện tích đất lúa không thể tránh khỏi phải chuyển sang đất phi nông nghiệp. Nguyên nhân thu hẹp diện tích đất lúa khi nước biển dâng đã được tính toán nhưng diện tích mất không đáng kể khi đã xây dựng hoàn chỉnh hệ thống giao thông, thủy lợi kết hợp với đê bao, công, đập bảo vệ đất nông nghiệp thông qua hệ thống kiểm soát lũ Tây Sông Hậu.

Trên cơ sở mục tiêu, định hướng triển của ngành trồng trọt của huyện giai đoạn 2021 – 2030; kết quả đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sử dụng đất kỳ trước; nhu cầu đăng ký sử dụng đất của các địa phương, các ngành, lĩnh vực trên địa bàn huyện và kết quả tổng hợp cân đối quỹ đất của huyện đến năm 2030, huyện Thoại Sơn xác định diện tích đất trồng lúa giảm 2.435,50 ha so hiện trạng năm 2020, do chuyển sang các loại đất phi nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng....

Đến năm 2020, diện tích đất trồng lúa toàn huyện 36.444,76 ha đất trồng lúa chiếm 89,84% diện tích đất nông nghiệp.

b) Đất trồng cây hàng năm khác: Đến năm 2030, đất trồng cây hàng năm khác của huyện xác định là 125,61 ha, chiếm 0,31% diện tích đất nông nghiệp giảm 7,25 so hiện trạng năm 2020 để đáp ứng nhu cầu đất phát triển cơ sở hạ tầng, quốc phòng, an ninh, khu dân cư nông thôn,

c) Đất trồng cây lâu năm: Đến năm 2030, đất trồng cây lâu năm của huyện xác định là 3.119,81 ha, chiếm 7,69% diện tích đất nông nghiệp, tăng 1.573,20 ha so hiện trạng năm 2020. Chủ yếu tăng từ đất trồng lúa phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng tăng hiệu quả khai thác, sử dụng đất.

d) Đất rừng đặc dụng: Nhằm đẩy mạnh công tác bảo vệ rừng gắn với phát triển du lịch, giữ cân bằng sinh thái, bảo vệ môi trường, hạn chế thiên tai lũ lụt. Phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn kết hài hòa với phát triển kinh tế nông nghiệp, dịch vụ, du lịch... Đến năm 2030, diện tích đất rừng có diện tích 130,98 ha, không thay đổi diện tích so với năm 2020.

e) Đất nuôi trồng thủy: Trong lĩnh vực nông nghiệp thì ngành nuôi trồng thủy sản được xem là một trong những ngành mang lại hiệu quả kinh tế cao cho địa phương. Với định hướng phát triển thủy sản theo hướng chất lượng, hiệu quả, phù hợp với các điều kiện tự nhiên về nguồn nước, khí hậu... Tập trung xây dựng các vùng luân canh ở các địa phương có điều kiện thuận lợi. Ngoài ra, tiến hành chuyển đổi các ao nuôi nhỏ lẻ sang mục đích sử dụng phi nông nghiệp.

Đến cuối kỳ quy hoạch, đất nuôi trồng thủy sản có diện tích 576,08 ha giảm 60,05 ha so với hiện trạng năm 2020, chiếm 1,42% so với diện tích đất nông nghiệp.

f) Đất nông nghiệp khác: Đến năm 2030, diện tích đất nông nghiệp khác là 119,29 ha tăng 8,00 ha so với diện tích đất năm 2020, chiếm 0,29% so với diện tích đất nông nghiệp.

2.2.3.2 Nhóm đất phi nông nghiệp

Đến năm 2030, đất phi nông nghiệp của huyện tăng nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng đất để xây dựng cơ sở hạ tầng, cụm công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, phát triển đô thị, các khu dân cư, quốc phòng, an ninh... Đến năm 2030, diện tích đất phi nông nghiệp là 6.499,23 ha, chiếm 13,79% diện tích tự nhiên, tăng 801,50 ha so năm 2020, chủ yếu tăng chỉ tiêu đất quốc phòng, hạng tầng,

đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp... Phương án quy hoạch đất phi nông nghiệp đến năm 2030 như sau:

a) Đất quốc phòng

Căn cứ kết quả rà soát nhu cầu sử dụng đất quốc phòng trên địa bàn huyện. Đến năm 2020, đất quốc phòng của huyện là 23,09 ha, chiếm 0,35% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 1,14 ha so năm 2020 để thực hiện công trình sau:

STT	Hạng mục	Quy hoạch		Địa điểm	Năm thực hiện	Ghi chú
		Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
1	Doanh trại quân đội	1,14	LUC	Phú Hòa	2022-2030	

b) Đất an ninh

Căn cứ kết quả rà soát nhu cầu sử dụng đất an ninh trên địa bàn huyện. Đến năm 2030, đất an ninh của huyện là 15,43 ha, chiếm 0,24% diện tích đất phi nông nghiệp, không thay đổi so năm 2020.

c) Đất cụm công nghiệp

Đến năm 2020, diện tích đất cụm công nghiệp của huyện là 149,72 ha, chiếm 2,15% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 110,52 ha so năm 2020. Để thực hiện án dự công trình sau:

Stt	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện	Ghi chú
1	Cụm Công nghiệp	Vọng Thê	25	2022-2030	
2	Quy hoạch Cụm Công nghiệp	Vĩnh Trạch	40	2022-2030	
3	Cụm CN Định Thành	Định Thành	30	2022-2030	
4	CCN Phú Hòa	Phú Hòa	15,52	2022-2030	

d) Đất thương mại, dịch vụ

Đến năm 2030, đất thương mại, dịch vụ của huyện là 138,04 ha, chiếm 2,12% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 119,57 ha so năm 2020, để thực hiện các công trình dự án sau:

*Báo cáo thuyết minh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030
và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Thoại Sơn - tỉnh An Giang*

Stt	Hạng mục	Địa điểm (xã)	Diện tích (ha)	Năm thực hiện	Ghi chú
1	Khu du lịch Núi Trọi	An Bình	5	2022-2030	
2	Nhà Máy Xăng Sinh học E5-E10	Định Thành	3,7	2022-2030	
3	Trung tâm thương mại kết hợp khu dân cư	Núi Sập	6	2022-2030	
4	Ngân hàng Sacombank	Núi Sập	0,054	2022-2030	
5	Ngân hàng BIDV	Núi Sập	0,02	2022-2030	
6	Ngân hàng ACB	Núi Sập	0,013	2022-2030	
7	Ngân hàng Kiên Long Bank	Núi Sập	0,013	2022-2030	
8	Đất phát triển kinh doanh thương mại – dịch vụ	Phú Hòa	4,15	2022-2030	
9	Vùng thương mại dịch vụ	Phú Thuận	28	2022-2030	
10	Quy hoạch Cây Xăng	Vĩnh Chánh	0,5	2022-2030	
11	Đất TMDV trong dự án Khu Thương mại kết hợp dân cư	Vĩnh Chánh	1,5	2022-2030	
12	Đất TMDV trong dự án Khu Thương mại kết hợp dân cư	Vĩnh Chánh	4,0	2022-2030	
13	Đất phát triển kinh doanh thương mại – dịch vụ	Vĩnh Trạch	0,4	2022-2030	
14	Chuyên công năng trạm Y Tế thành Trung tâm thương mại	Vọng Đông	0,22	2022-2030	
15	Trung tâm thương mại	Vọng Đông	8,5	2022-2030	
16	Đất TMDV trong dự án Khu dân cư và Thương mại Dịch vụ	Thoại Giang	25	2022-2030	
17	Đất TMDV trong dự án Khu dân cư và Thương mại Dịch vụ	Thoại Giang	7,5	2022-2030	

e) Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

Đến năm 2030, diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp của huyện là 209,82 ha, chiếm 3,23% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 120,32 ha so năm 2020, lấy vào đất trồng lúa, đất trồng cây lâu năm, đất ở để thực hiện các công trình dự án sau:

Stt	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện	Ghi chú
1	Kho lương thực Agimex	Bình Thành	8	2022-2030	
2	Mở rộng Nhà máy lau bóng gạo	Định Thành	0,85	2022-2030	
3	Chuyển công năng trường THCS sang SKC	Núi Sập	0,59	2022-2030	
4	Chuyển công năng UBND thị trấn cũ sang SKC	Núi Sập	0,48	2022-2030	
5	Khu sản xuất kinh doanh	Phú Hòa	0,2	2022-2030	
6	Khu ứng dụng công nghệ cao (Công ty Thượng Đình)	Phú Thuận	3,2	2022-2030	
7	Kho dự trữ lương thực	Tây Phú	10	2022-2030	
8	Khu tiêu thụ công nghiệp	Thoại Giang	85	2022-2030	
9	Đất phát triển sản xuất kinh doanh	Thoại Giang	2,5	2022-2030	
10	Mở rộng lò sấy Trí Thuận	Vĩnh Chánh	2,94	2022-2030	
11	Khu sản xuất kinh doanh	Vĩnh Phú	5	2022-2030	
12	Quy hoạch nhà máy nước	Vĩnh Trạch	0,01	2022-2030	
13	Cụm tiêu thụ công nghiệp	Vĩnh Trạch	3	2022-2030	
14	Quy hoạch đất sản xuất kinh doanh theo công văn 718/UBND-KTN	Vĩnh Trạch	30	2022-2030	
15	Nhà máy xay xát lò sấy Hưng Việt	Vọng Đông	1,16	2021	
16	Lò giết mổ tập trung	Vọng Thê	0,3	2022-2030	

f) Đất phát triển hạ tầng

Trên cơ sở chỉ tiêu tình phân bổ, quỹ đất hiện trạng phát triển hạ tầng của huyện và nhu cầu sử dụng đất của các ngành giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, giao thông, thủy lợi, năng lượng, chợ... Đến năm 2030, diện tích đất phát triển hạ tầng của huyện là 3.228,67 ha, chiếm 49,68% diện tích đất phi nông

nghiệp, tăng 171,05 ha so năm 2020. Chủ yếu lấy vào đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị, để thực hiện các công trình, dự án trọng điểm như sau:

➤ **Đất xây dựng cơ sở văn hóa:** Đến năm 2030, diện tích đất cơ sở văn hóa của huyện là 4,85 ha, chiếm 0,15% diện tích đất phát triển hạ tầng, tăng 2,3 ha so năm 2020, để thực hiện các công trình như sau:

Stt	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện	Ghi chú
1	Khu văn hóa - thể thao	Thoại Giang	2	2022-2030	
2	Xây mới TT văn hóa - TTHTCĐ	Thoại Giang	0,25	2022-2030	
3	Chuyên công năng thị đội cũ thành nhà văn hóa	Phú Hòa	0,05	2022-2030	

➤ **Đất xây dựng cơ sở y tế:** Đến năm 2030, diện tích đất cơ sở y tế của huyện là 7,40 ha, chiếm 0,23% diện tích đất phát triển hạ tầng, tăng 0,04 ha so năm 2030. Trong đó: Tăng 0,47 ha đất y tế do đầu tư xây dựng mới 02 trạm y tế của xã Tây Phú và Vọng Đông. Bên cạnh đó, giảm 0,43 ha do chuyển công năng 02 trạm y tế cũ sang mục đích khác.

Stt	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện	Ghi chú
1	Trạm y Tế	Tây Phú	0,25	2022-2030	
3	Trạm y Tế	Vọng Đông	0,22	2022-2030	

➤ **Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo:** Đến năm 2020, diện tích đất cơ sở giáo dục và đào tạo của huyện là 67,32 ha, chiếm 2,08% diện tích đất phát triển hạ tầng, tăng 11,32 ha so năm 2020, để thực hiện các công trình như:

Stt	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện	Ghi chú
1	Chuyên công năng văn phòng áp thành công trình giáo dục	An Bình	0,12	2022-2030	
2	Mở rộng trường Tiểu học	Mỹ Phú Đông	0,18	2022-2030	
3	Mở rộng trường Mẫu Giáo	Mỹ Phú Đông	0,08	2022-2030	

*Báo cáo thuyết minh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030
và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Thoại Sơn - tỉnh An Giang*

Stt	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện	Ghi chú
4	Trường THCS	Núi Sập	1,5	2022-2030	
5	Trường TH Thoại Ngọc Hầu	Núi Sập	1,5	2022-2030	
6	Mở rộng trung tâm dạy nghề	Núi Sập	1,34	2022-2030	
7	Quy hoạch mới trường THCS Phú Hòa	Phú Hòa	2,00	2022-2030	
8	Mở rộng CSGD nội trú tỉnh thương Khai Trí	Phú Hòa	0,7	2022-2030	
9	Mở rộng trường TH "C" Phú Hòa	Phú Hòa	0,35	2022-2030	
10	Mở rộng trường THCS Phú Hòa	Phú Hòa	1,44	2022-2030	
11	Trường đào tạo nghề	Phú Hòa	2,35	2022-2030	
12	Mở rộng trường tiểu học B2	Phú Hòa	0,2	2022-2030	
13	Mở rộng trường tiểu học B (Điêm phụ)	Phú Hòa	0,2	2022-2030	
14	Chuyên trạm Y Tế sang đất giáo dục	Tây Phú	0,21	2022-2030	
15	Trường mầm non	Thoại Giang	0,36	2022-2030	
16	MR Trường tiểu học A Thoại Giang	Thoại Giang	0,5	Thoại Giang	
17	Quy hoạch mới Trường Mẫu Giáo Vĩnh Trạch (ĐP)	Vĩnh Trạch	0,13	2022-2030	
18	MR Trường THCS Vĩnh Trạch	Vĩnh Trạch	0,34		
19	Trường mẫu giáo Vĩnh Trạch (ấp Trung Bình Nhi)	Vĩnh Trạch	1,0		
20	Mở rộng trường tiểu học B	Vĩnh Phú	0,1	2022-2030	
21	Mở rộng trường THCS Vĩnh Phú	Vĩnh Phú	0,1	2022-2030	
22	Mở rộng trường Mẫu Giáo	Vọng Đông	0,1	2022-2030	

➤ *Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao:* Đến năm 2030, diện tích đất cơ sở thể dục thể thao của huyện là 11,95 ha, chiếm 0,37% diện tích đất phát triển hạ tầng, thực tăng 6,81 ha so năm 2020, để phát triển thể dục thể thao toàn huyện, gồm các công trình:

Stt	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện	Ghi chú
1	Sân thể thao	Mỹ Phú Đông	1	2022-2030	
2	Sân vận động	Vĩnh Phú	1,31	2022-2030	
3	Sân Vận Động	Vĩnh Chánh	1,5	2022-2030	

➤ **Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội:** Đến năm 2030, diện tích đất giao thông của huyện là 5,78 ha, chiếm 0,18% diện tích đất phát triển hạ tầng, thực tăng 3,2 ha so năm 2020, để thực hiện các công trình như:

STT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện	Ghi chú
1	Nhà dưỡng lão	Vọng Thê	2,5	2022-2030	
2	Chuyển Trường Tiểu học A (điểm phụ) thành Nhà ở xã hội (trung tâm nuôi dưỡng người già neo đơn)	Vĩnh Phú	0,7	2022-2030	

➤ **Đất giao thông:** Đến năm 2030, diện tích đất giao thông của huyện là 1.593,13 ha, chiếm 49,35% diện tích đất phát triển hạ tầng, thực tăng 139,54 ha so năm 2020, để thực hiện các công trình như:

Stt	Hạng mục	Địa điểm (xã)	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
1	Nâng cấp, mở rộng đường vào Núi Trọi	An Bình	0,02	2022-2030
2	Mở rộng tuyến lộ 15	An Bình	0,5	2022-2030
3	Mở rộng tuyến bờ nam kênh D	Bình Thành	0,18	2022-2030
4	Mở rộng tuyến bờ bắc kênh B	Bình Thành	0,11	2022-2030
5	Mở rộng tuyến Rạch Giá - Long Xuyên (đoạn từ TT Núi Sập đến giáp ranh Kiên Giang)	Bình Thành	0,76	2022-2030
6	Mở rộng tuyến bắc xã Diểu	Bình Thành	0,88	2022-2030
7	Mở rộng tuyến giao thông Nam Ba Thê cũ	Bình Thành	1,61	2022-2030
8	Mở rộng tuyến giao thông Bắc Ba Thê cũ	Bình Thành	0,6	2022-2030
9	Mở rộng tuyến Bắc kênh Thoại Giang 3	Bình Thành	1,13	2022-2030
10	Mở rộng tuyến Nam kênh Thoại Giang 3	Bình Thành	1,16	2022-2030
11	Mở rộng tuyến Nam kênh Thoại Giang 2	Bình Thành	0,62	2022-2030
12	Mở rộng đường tuyến bờ Nam kênh Định Mỹ 2	Định Mỹ	0,82	2022-2030
13	Mở rộng đường giao thông Kênh F (bờ Đông)	Định Thành	1,13	2022-2030
14	Quy hoạch đường kênh DH (đoạn từ Kênh Ông Đốc đến Cầu Thoại Hà 1)	Định Thành	6,02	2022-2030
15	Lộ tẻ Định Thành (đoạn từ tỉnh lộ 943 đến DH 78)	Định Thành	1,54	2022-2030
16	Mở rộng đường kênh G (bờ Tây)	Định Thành	1,4	2022-2030
17	Đoạn giao thông từ Rạch Long Xuyên đến TL943	Định Thành	0,6	2022-2030
18	Tuyến tránh (Định Thành - TT. Núi Sập)	Định Thành - Núi Sập	10,5	2022-2030

*Báo cáo thuyết minh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030
và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Thoại Sơn - tỉnh An Giang*

Stt	Hạng mục	Địa điểm (xã)	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
19	Mở rộng đường tuyến bờ Đông Kênh Núi Chóc - Nặng Gù	Mỹ Phú Đông	0,19	2022-2030
20	Bến xe	Núi Sập	1,98	2022-2030
21	Đường Tuyến tránh (giai đoạn 2)	Núi Sập	2,31	2022-2030
22	Bãi xe kết hợp Khu dân cư	Núi Sập	6	2022-2030
23	Đường nối tuyến tránh - kênh 600	Núi Sập	0,4	2022-2030
24	Đường nối kênh 600 qua KDC Tây Sơn	Núi Sập	0,4	2022-2030
25	Tuyến đường vành đai	Núi Sập	9,5	2022-2030
26	Đường dẫn vành đai	Núi Sập	0,44	2022-2030
27	Đường dẫn vành đai	Núi Sập	0,33	2022-2030
28	Mở rộng đường Kênh Thổ Mô	Óc Eo	0,51	2022-2030
29	Mở rộng đường ra Gò Cây Thị	Óc Eo	0,02	2022-2030
30	Mở rộng đường Vành Đai Núi	Óc Eo	0,92	2022-2030
31	Mở rộng đường tuyến bờ Tây Kênh Vành Đai	Óc Eo	0,7	2022-2030
32	Mở rộng đường Hậu Tân Đông	Óc Eo	0,1	2022-2030
33	Mở rộng Hẻm 3 Sanh	Óc Eo	0,06	2022-2030
34	Mở rộng đường Phan Thanh Giảng	Óc Eo	0,24	2022-2030
35	Mở rộng đường lên núi Ba Thê	Óc Eo	0,1	2022-2030
36	Mở rộng đường Phạm Thị Vinh	Óc Eo		2022-2030
37	Mở rộng hẻm Tư Sài	Óc Eo	0,03	2022-2030
38	Đường tuyến Nam kênh Ba Thê mới	Óc Eo	0,05	2022-2030
39	Hẻm nhà Công vụ (Đường số 7)	Óc Eo		2022-2030
40	Tuyến Nam kênh Ba Thuê Mới	Óc Eo		2022-2030
41	Đường Chùa Phước Sơn	Óc Eo	0,5	2022-2030
42	Đường tỉnh 943B	Óc Eo + Vọng Đông + Thoại Giang	19,5	2022-2030
43	Bến xe	Phú Hòa	1,4	2022-2030
44	Mở rộng tuyến giao thông kênh ranh	Phú Hòa	1,26	2022-2030
45	Mở mới tuyến giao thông đường tránh Phú Hòa với chiều dài 2,3 km.	Phú Hòa	6,9	2022-2030
46	Đường số 7 CDC Phú Hữu	Phú Hòa	0,12	2022-2030
47	Mở rộng đường nối Mạc Cần Dện đi kênh Xã đội	Phú Hòa	0,1	2022-2030
48	Đường dẫn cao tốc 2	Phú Hòa, Vĩnh Chánh, Vĩnh Khánh, Định Thành	105	2022-2030
49	Đường dẫn cao tốc 1	Phú Thuận	50	2022-2030
50	Mở rộng tuyến giao thông tây rạch Bờ Ao (điểm	Phú Thuận	1,3	2022-2030

Đơn vị tư vấn: Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật tài nguyên môi trường
Địa chỉ: 822, Trần Hưng Đạo, P. Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

*Báo cáo thuyết minh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030
và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Thọại Sơn - tỉnh An Giang*

Stt	Hạng mục	Địa điểm (xã)	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
	đầu ranh Phú Thuận - Mỹ Thới, điểm cuối ranh Phú Thuận - Phú Hòa)			
51	Tuyến giao thông nam Đòn Dong (điểm đầu ranh Phú Thuận - Mỹ Thạnh, điểm cuối ranh Phú Thuận - Vĩnh Chánh)	Phú Thuận	1	2022-2030
52	Mở rộng tuyến giao thông tây kênh Phú Tây (điểm đầu kênh Đào đến điểm cuối cầu kênh Bô (Bên đò số 6).	Phú Thuận	0,88	2022-2030
53	Mở rộng tuyến giao thông đông rạch Bờ Ao (điểm đầu ranh Phú Thuận - Mỹ Thới, điểm cuối ranh Phú Thuận - Phú Hòa)	Phú Thuận	0,12	2022-2030
54	Mở rộng tuyến giao thông đông kênh xã Đội (điểm đầu ngã ba kênh Xã Đội - kênh Đòn Dong, điểm cuối ranh Phú Thuận - Phú Hòa).	Phú Thuận	1,54	2022-2030
55	Mở rộng tuyến giao thông Tây kênh Hương Điền (điểm đầu cầu Hương Điền, điểm cuối ngã ba kênh Hương Điền - kênh Lung Xẻo Mây)	Phú Thuận	0,74	2022-2030
56	Mở rộng tuyến giao thông đông kênh Phú Tây (điểm đầu cầu kênh Đào trong, điểm cuối cầu Trạm bơm)	Phú Thuận	0,84	2022-2030
57	Mở rộng tuyến giao thông Đông kênh Hương Điền	Phú Thuận	0,74	2022-2030
58	Mở rộng tuyến giao thông nam kênh ông Đốc	Phú Thuận	0,18	2022-2030
59	Mở rộng tuyến giao thông bờ Bắc kênh Cái Sắn	Phú Thuận	0,41	2022-2030
60	Mở rộng tuyến giao thông kênh ranh Vĩnh Chinh	Phú Thuận	0,22	2022-2030
61	Mở rộng tuyến giao thông bờ bắc Lung Xẻo Mây	Phú Thuận	1,75	2022-2030
62	Mở rộng tuyến giao thông kênh Hội Đồng (bờ Bắc)	Phú Thuận	0,14	2022-2030
63	Mở rộng tuyến giao thông bờ đông kênh Ranh Mỹ Hòa - Mỹ Thới	Phú Thuận	0,86	2022-2030
64	Mở rộng tuyến giao thông bờ bắc kênh Đòn Dong (đoạn từ kênh Xã Đội đến kênh Xáng Mới)	Phú Thuận	0,06	2022-2030
65	Mở rộng tuyến giao thông bờ bắc kênh Đòn Dong (đoạn từ kênh Xáng Mới đến kênh Ranh Mỹ Thạnh)	Phú Thuận	0,39	2022-2030
66	Mở rộng tuyến giao thông bờ nam kênh Đòn Dong (đoạn từ kênh Xã Đội đến kênh ranh Mỹ Thạnh)	Phú Thuận	0,74	2022-2030
67	Mở rộng tuyến giao thông Đức Thành 5 (qua kênh Xáng Mới)	Phú Thuận	0,6	2022-2030
68	Mở rộng tuyến giao thông kênh Ranh Mỹ Thạnh - Vĩnh Chánh	Phú Thuận	1,07	2022-2030
69	Mở rộng tuyến giao thông kênh Đào nhỏ	Phú Thuận	0,11	2022-2030
70	Mở rộng tuyến giao thông kênh Sua Đũa (bờ bắc)	Phú Thuận	0,43	2022-2030
71	Mở rộng tuyến giao thông kênh Bảy Khoái (bờ nam)	Phú Thuận	0,39	2022-2030
72	Mở rộng tuyến giao thông bờ đông kênh Xáng Mới	Phú Thuận	0,28	2022-2030
73	Mở rộng tuyến giao thông bờ tây kênh Xáng Mới	Phú Thuận	0,35	2022-2030
74	Mở rộng tuyến giao thông bờ đông rạch Bờ Ao	Phú Thuận	0,35	2022-2030
75	Mở rộng đường tuyến bờ Nam kênh Ranh Làng	Tây Phú	1,18	2022-2030

Đơn vị tư vấn: Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật tài nguyên môi trường
Địa chỉ: 822, Trần Hưng Đạo, P. Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

*Báo cáo thuyết minh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030
và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Thoại Sơn - tỉnh An Giang*

Stt	Hạng mục	Địa điểm (xã)	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
76	Mở rộng đường tuyến bờ Tây kênh Mướp Giăng	Tây Phú	1,12	2022-2030
77	Mở rộng đường tuyến bờ Nam kênh Phú Tuyến 1	Tây Phú	1,16	2022-2030
78	Mở rộng đường tuyến bờ Nam kênh Trường Tiền	Tây Phú	0,76	2022-2030
79	Mở rộng đường tuyến bờ Nam kênh Vĩnh Tây	Tây Phú	0,54	2022-2030
80	Mở rộng đường tuyến bờ Đông kênh 600	Thoại Giang	1,28	2022-2030
81	Đường nối từ bờ Đông kênh 600 đến khu dân cư ven sông Rạch Giá - Long Xuyên	Thoại Giang	0,42	2022-2030
82	Mở rộng đường tuyến bờ Đông kênh 600	Thoại Giang	1,3	2022-2030
83	Đường nối từ bờ Đông kênh 600 đến khu dân cư ven sông Rạch Giá - Long Xuyên	Thoại Giang	0,7	2022-2030
84	Mở rộng đường tuyến bờ Bắc kênh 600	Thoại Giang	0,99	2022-2030
85	Mở rộng đường giao thông liên xã	Vĩnh Chánh	3,96	2022-2030
86	Mở rộng giao thông đường Rạch Ông Thiện (bờ Tây)	Vĩnh Chánh	2,7	2022-2030
87	Mở rộng giao thông đường Kênh Thanh Niên (bờ Đông)	Vĩnh Chánh	3,45	2022-2030
88	Mở rộng giao thông Kênh 5 (bờ Tây)	Vĩnh Chánh	1,8	2022-2030
89	Mở rộng giao thông Kênh Lâm (bờ Bắc)	Vĩnh Chánh	1,62	2022-2030
90	Mở rộng giao thông Kênh Đòn Dong (bờ Nam)	Vĩnh Chánh	2,19	2022-2030
91	Mở rộng đường tuyến bờ Nam kênh Đòn Dong	Vĩnh Khánh	2,21	2022-2030
92	Mở rộng đường tuyến bờ Tây kênh Bốn Tổng (đường liên xã)	Vĩnh Khánh	3,88	2022-2030
93	Mở rộng đường tuyến bờ Đông kênh Núi Chóc - Năng Gù	Vĩnh Phú	0,67	2022-2030
94	Mở rộng đường Liên Xã	Vĩnh Phú	2,99	2022-2030
95	Mở rộng đường tuyến bờ Tây kênh Rạch Giá - Long Xuyên	Vĩnh Phú	0,33	2022-2030
96	Mở rộng giao thông Tây Ông Cờ	Vĩnh Trạch	1,8	2022-2030
97	Mở rộng tuyến giao thông Vĩnh An	Vĩnh Trạch	1,4	2022-2030
98	Mở rộng Lộ Tẻ Vĩnh Trạch	Vĩnh Trạch	0,4832	2022-2030
99	Mở rộng Lộ Thanh Niên	Vĩnh Trạch	0,9044	2022-2030
100	Mở rộng giao thông Bờ Tây Mương Trâu	Vĩnh Trạch	0,32	2022-2030
101	Quy hoạch đường giao thông Thái Sơn	Vĩnh Trạch	0,275	2022-2030
102	Mở rộng giao thông bờ Đông Cái Vồn	Vĩnh Trạch	1,947	2022-2030
103	Mở rộng giao thông bờ Tây Cái Vồn	Vĩnh Trạch	0,55	2022-2030
104	Mở rộng giao thông bờ Bắc Kênh 10 Cai	Vĩnh Trạch	1,06	2022-2030
105	Mở rộng giao thông bờ Nam Kênh 10 Cai	Vĩnh Trạch	1,06	2022-2030
106	Mở rộng giao thông Tây Bà Cả	Vĩnh Trạch	0,737	2022-2030
107	Mở rộng giao thông Kênh Rạch Giá - Long Xuyên	Vĩnh Trạch	1,96	2022-2030
108	Đường cao tốc	Vĩnh Trạch, Vĩnh Chánh, Phú Thuận	250	2022-2030
109	Mở rộng đường tuyến lộ 15 (bờ bắc Kênh Cùg - Núi Tượng)	Vọng Đông	0,77	2022-2030
110	Mở rộng đường tuyến bờ Đông Kênh Núi Chóc - Năng Gù	Vọng Đông	0,46	2022-2030
111	Mở rộng đường tuyến bờ Tây Kênh Núi Chóc - Năng Gù	Vọng Đông	0,46	2022-2030
112	Mở rộng đường tuyến bờ Tây kênh 3A	Vọng Thê	0,2	2022-2030

*Báo cáo thuyết minh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030
và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Thọại Sơn - tỉnh An Giang*

Stt	Hạng mục	Địa điểm (xã)	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
113	Mở rộng đường tuyến bờ Nam Kênh Vành Đai	Vọng Thê	0,12	2022-2030
114	Mở rộng đường tuyến bờ Đông Mương ranh Kiêng Giang	Vọng Thê	0,2	2022-2030
115	Mở rộng tuyến giao thông đường tỉnh 947 (bờ Đông kênh Mướp Vắn - Càng Dừa)	Vọng Thê	0,67	2022-2030
116	Dự án xây dựng Cầu Mướp Vắn - ĐT 943	Vọng Thê	0,81	2022-2030

➤ Đất công trình năng lượng: Đến năm 2030, diện tích đất năng lượng của huyện là 0,78 ha, chiếm 0,02% diện tích đất phát triển hạ tầng, không thay đổi diện tích so với hiện trạng 2020.

➤ Đất công trình bưu chính viễn thông: Đến năm 2030, diện tích đất công trình bưu chính viễn thông của huyện là 0,39 ha, chiếm 0,01% diện tích đất phát triển hạ tầng, không thay đổi diện tích so với hiện trạng 2020.

➤ Đất chợ: Đến năm 2030, diện tích đất chợ của huyện là 13,13 ha, chiếm 0,41% diện tích đất phát triển hạ tầng, thực tăng 7,14 ha so năm 2020, để thực hiện các công trình như:

Stt	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
1	Mở rộng chợ	Vĩnh Phú	1	2022-2030
2	Đất chợ trong dự án Mở rộng Khu dân cư + Chợ	Vĩnh Trạch	1	2022-2030
3	Đất chợ trong dự án MR KDC + Chợ Kênh F	Định Thành	0,7	2022-2030
4	Quy hoạch chợ Bình Thành	Bình Thành	4	2021
5	Quy hoạch Chợ Đêm	TT. Núi Sập	0,44	2022-2030

h) Đất có di tích lịch sử - văn hóa

Nhằm khôi phục nét đẹp văn hóa độc đáo của nền văn minh Óc Eo thời vương quốc Phù Nam, huyện sẽ đầu tư quỹ đất mở rộng khu di tích Óc Eo thuộc địa bàn thị trấn Óc Eo. Đến năm 2030, đất di tích lịch sử - văn hóa của huyện là 84,16 ha, chiếm 1,29% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 70,00 ha so với hiện trạng năm 2020.

i) Đất bãi thải, xử lý chất thải

Đến năm 2030, đất bãi thải, xử lý chất thải của huyện là 2,49 ha, chiếm 0,04 % diện tích đất phi nông nghiệp, không thay đổi diện tích so hiện trạng năm 2020.

j) Đất ở tại nông thôn

Trong kỳ quy hoạch địa phương sẽ bố trí phát triển đất ở nông thôn theo các tuyến giao thông chính, thuận tiện về nguồn nước và điện sinh hoạt. Diễn hình như tuyến dân cư cấp đường giao thông chính trên đại bàn huyện và các khu dân cư vượt lũ, khu dân cư hành chính ở các xã. Đến năm 2030, đất ở tại nông thôn của huyện là 1.215,78 ha, chiếm 18,69% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 140,58 ha so năm 2020.

Stt	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện	Ghi chú
1	Phát triển đất ở	An Bình	2	2022-2030	
2	MR CDC Sơn Hiệp	An Bình	0,8	2022-2030	
3	KDC vượt lũ	Bình Thành	5	2022-2030	
4	Phát triển đất ở	Bình Thành	4	2022-2030	
5	Mở rộng Khu dân cư Trường Tiền	Định Mỹ	15	2022-2030	
6	Phát triển đất ở	Định Mỹ	3	2022-2030	
7	Đất ở trong dự án MR KDC + Chợ Kênh F	Định Thành		2022-2030	
8	Mở rộng Khu dân cư (Hòa Thành)	Định Thành		2022-2030	
9	Khu đô thị mới và Trung tâm giáo dục an sinh xã hội Định Thành	Định Thành	6,5	2022-2030	
10	Phát triển đất ở	Định Thành	5	2022-2030	
11	Phát triển đất ở	Mỹ Phú Đông	4	2022-2030	
12	Phát triển đất ở	Phú Thuận	8	2022-2030	
13	Phát triển đất ở	Tây Phú	6,5	2022-2030	
14	QH Khu dân cư và Thương mại Dịch vụ	Thoại Giang	15	2022-2030	
15	Mở rộng Khu dân cư Bắc Thạnh	Thoại Giang	5,18	2022-2030	
16	QH Khu dân cư và Thương mại Dịch vụ	Thoại Giang	50	2022-2030	
17	Phát triển đất ở	Thoại Giang	3	2022-2030	
18	Quy hoạch Khu TM+ Dân Cư	Vĩnh Chánh	13	2022-2030	
19	Quy hoạch Khu TM+ Dân Cư	Vĩnh Chánh	8	2022-2030	
20	Phát triển đất ở	Vĩnh Chánh	2	2022-2030	
21	Phát triển đất ở	Vĩnh Khánh	4,5	2022-2030	
22	Cụm dân cư Trung Phú 4	Vĩnh Phú	10	2022-2030	
23	Chuyển công năng trường Tiểu học B (điểm phụ 2) sang ONT	Vĩnh Phú		2022-2030	
24	Khu dân cư áp Trung Phú 2	Vĩnh Phú	3	2022-2030	
25	Phát triển đất ở	Vĩnh Phú	2	2022-2030	
26	Mở rộng Khu dân cư + Chợ	Vĩnh Trạch	3,1	2022-2030	

*Báo cáo thuyết minh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030
và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Thoại Sơn - tỉnh An Giang*

Stt	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện	Ghi chú
27	Quy hoạch Khu Dân cư Vĩnh Trạch (ấp Vĩnh Trung)	Vĩnh Trạch	17	2022-2030	
28	Phát triển đất ở	Vĩnh Trạch	2	2022-2030	
29	Chuyển mục đích đất CLN sang ONT	Vọng Đông	0,75	2022-2030	
30	Phát triển đất ở	Vọng Đông	4	2022-2030	
31	Khu dân cư	Vọng Đông	17,98	2022-2030	
32	Mở rộng Khu dân cư	Vọng Thê	1	2022-2030	
33	Khu Dân Cư Ốc Eo (quy hoạch cũ là CCN Tân Thành)	Vọng Thê	18	2022-2030	
34	Phát triển đất ở	Vọng Thê	2	2022-2030	

k) Đất ở tại đô thị

Để xây dựng thị trấn Núi Sập xứng tầm là đô thị trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa của huyện; nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội chung của toàn huyện. Trong kỳ quy hoạch sử dụng đất, huyện Thoại Sơn sẽ đầu tư xây mới khu đô thị, khu dân cư trung tâm hành chính và các khu vực phát triển đất ở xây chen trên địa bàn 03 thị trấn.

Đến năm 2030, đất ở tại đô thị của huyện là 293,97 ha, chiếm 4,52% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 55,29 ha so với hiện trạng năm 2020.

Stt	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện	Ghi chú
1	Khu Dân cư Núi Cật	Núi Sập	3	2022-2030	
2	Khu Dân cư Tây Thoại Ngọc Hầu (giai đoạn 1)	Núi Sập	6	2022-2030	
3	Khu Dân cư Tây Thoại Ngọc Hầu (giai đoạn 2)	Núi Sập	5,5	2022-2030	
4	Khu Dân cư kết hợp Bãi xe	Núi Sập	11,5	2022-2030	
5	Quy hoạch KDC cấp tuyến tránh	Núi Sập	4,15	2022-2030	
6	Trung tâm thương mại kết hợp khu dân cư	Núi Sập	6	2022-2030	
7	Phát triển đất ở	Núi Sập	7	2022-2030	
8	Khu Dân Cư	Ốc Eo	3,4	2022-2030	
9	QH Khu dân cư và Thương mại Dịch vụ ấp Tân Hiệp A	Ốc Eo	20	2022-2030	
10	Phát triển đất ở	Ốc Eo	4	2022-2030	
11	Chuyển công năng nhà máy nước sang đất ở	Phú Hòa	0,5	2022-2030	
12	Phát triển đất ở	Phú Hòa	10	2022-2030	

Đơn vị tư vấn: Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật tài nguyên môi trường

Địa chỉ: 822, Trần Hưng Đạo, P. Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

l) Đất xây dựng trụ sở cơ quan

Đến năm 2030, đất trụ sở cơ quan của huyện là 21,81 ha, chiếm 0,34% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 3,04 ha so năm 2020. Trong đó: Tăng 3,69 ha để mở rộng, xây mới các trụ sở cơ quan. Bên cạnh đó, giảm 0,65 ha do chuyển sang công năng sang mục đích khác.

Stt	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện	Ghi chú
1	Chuyển công năng trạm cấp nước thành VP ấp	An Bình	0,01	2022-2030	
2	Chuyển trường Tiểu học B sang Văn Phòng Ấp	Định Mỹ	0,13	2022-2030	
3	Chuyển công năng trường Tiểu học A sang TSC (mở rộng UBND Huyện)	Núi Sập	0,49	2022-2030	
4	Khu Hành chính TT Phú Hòa	Phú Hòa	1,77	2022-2030	
5	Mở rộng thị đội	Phú Hòa	0,05	2022-2030	
6	Mở rộng văn phòng ấp Phú Thạnh	Tây Phú	0,05	2022-2030	
7	Mở rộng văn phòng ấp Phú Hùng	Tây Phú	0,05	2022-2030	
8	Mở rộng văn phòng ấp Phú Hòa	Tây Phú	0,05	2022-2030	
9	Mở rộng văn phòng ấp Phú Lợi	Tây Phú	0,05	2022-2030	
10	Mở rộng UBND xã Thoại Giang	Thoại Giang	0,4	2022-2030	
11	Mở rộng văn phòng ấp Trung Phú 1	Thoại Giang	0,03	2022-2030	
12	Mở rộng văn phòng ấp Trung Phú 3	Thoại Giang	0,03	2022-2030	
13	Mở rộng Trung tâm Hành chính xã	Vĩnh Trạch	0,5	2022-2030	
14	Mở rộng văn phòng ấp	Vọng Thê	0,01	2022-2030	
15	Chuyển trường Tiểu học Vọng Thê sang Văn phòng ấp Tân Thành	Vọng Thê	0,07	2022-2030	

m) Đất cơ sở tôn giáo

Đến năm 2030, đất cơ sở tôn giáo của huyện là 31,61 ha, chiếm 0,49% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 6,36 ha so năm 2020, để thực hiện các công trình, dự án như sau:

Stt	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện	Ghi chú
1	Mở rộng chùa An Hương	Định Thành	1,15	2022-2030	
2	Ban trị sự Phật giáo Hòa Hảo	Vĩnh Phú	0,1	2022-2030	
3	Ban trị sự Phật giáo Hòa Hảo	Vọng Đông	0,1	2022-2030	
4	Quy hoạch mới Chùa	TT. Núi Sập	0,33	2022-2030	
5	Mở rộng tịnh thất Ngọc Chiếu	TT. Núi Sập	0,07	2022-2030	
6	Mở rộng tịnh xã Ngọc Thiện	TT. Núi Sập	0,09	2022-2030	
7	Mở rộng Thiền viện Trúc Lâm	TT. Núi Sập	4,52	2022-2030	

n) Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng

Đến năm 2030, Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng của huyện là 17,64 ha, chiếm 0,27% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 1,12 ha so năm 2020, do thực hiện nghĩa địa tại xã Vĩnh Chánh và Thoại Giang.

o) Đất khu vui chơi, giải trí công cộng

Đến năm 2030, đất khu vui chơi, giải trí công cộng của huyện là 8,77 ha, chiếm 0,13% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 2,97 ha so năm 2020.

STT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện	Ghi chú
1	Công viên, cây xanh	Phú Hòa	2,5	2022-2030	
2	Công viên, cây xanh	Núi Sập	0,06	2022-2030	
3	Công viên, cây xanh	Tây Phú	0,54	2022-2030	

q) Đất cơ sở tín ngưỡng

Đến năm 2030, đất cơ sở tín ngưỡng của huyện là 4,57 ha, chiếm 0,07% diện tích đất phi nông nghiệp, không thay đổi so năm 2020.

r) Đất sông ngòi, kênh, rạch

Đến năm 2030, đất sông ngòi, kênh, rạch của huyện là 1.041,11 ha, chiếm 16,08% diện tích tự nhiên, không thay đổi so năm 2020.

s) Đất có mặt nước chuyên dùng

Đến năm 2030, huyện xác định có 20,03 ha, chiếm 0,31% đất phi nông nghiệp, không thay đổi diện tích so với hiện trạng năm 2020.

2.2.3.2 Nhóm đất chưa sử dụng

Đến năm 2030 diện tích đất chưa sử dụng còn lại 36,14 ha, địa phương chưa có nhu cầu khai thác đất chưa sử dụng.

III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG

3.1. Tác động đến nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

Phương án đã phân bổ hợp lý tiềm năng từng loại đất để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, qua đó tạo ra giá trị gia tăng về kinh tế từ đất thông qua nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, nên mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người sử dụng đất và xã hội. Trong kỳ quy hoạch (2021-2030), ngân sách của huyện dự kiến sẽ thu được khoảng 600 tỷ đồng, trung bình 60 tỷ đồng/năm (đã trừ đi các khoản bồi thường, hỗ trợ và các chi phí hợp lý theo quy định). Đây là nguồn thu lớn cho ngân sách của huyện để đầu tư cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Đã gián tiếp tạo ra một khoản bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khoảng 300 tỷ đồng, trung bình 30 tỷ đồng/năm. Đây là nguồn nội lực góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế hộ gia đình, cá nhân nói riêng và kinh tế - xã hội của huyện nói chung.

3.2. Tác động đến khả năng bảo đảm an ninh lương thực

Phương án đã đề xuất, đến năm 2030 diện tích đất trồng lúa là 37.681,52 ha; cây hàng năm khác là 125,61 ha; cây lâu năm là 1.984,11 ha; đất nuôi trồng thủy sản là 576,08 ha. Trong thời gian tới sẽ tiếp tục tăng cao do ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, hình thành vùng sản xuất tập trung cây ăn trái chất lượng cao và nuôi trồng thủy sản công nghiệp, qua đó sẽ góp phần gia tăng giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích và nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường.

3.3. Tác động đối với việc giải quyết quỹ đất ở, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất

Về việc giải quyết quỹ đất ở, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở. Phương án Quy hoạch đã bố trí đủ đất cho nhu cầu về đất ở tăng thêm do tăng dân số và tách hộ tại khu vực đô thị và nông thôn; nhu cầu tái định cư của các dự án có thu hồi đất, với diện tích tăng thêm so với năm 2020 đất ở tại đô thị là 238,68 ha, đất ở tại nông thôn là 1.075,20 ha, nên đã giải quyết được quỹ đất ở, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ dân phải di dời chỗ ở.

Với số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất. Trong phương án, đã thực hiện chuyển mục đích sử dụng (từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp) là 708,43 ha, gồm: đất trồng lúa 535,43 ha, đất trồng cây lâu năm 391,21 ha. Trên cơ sở hạn mức giao đất tối đa đối với trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản là 3 ha/hộ, đất trồng cây lâu năm là 10 ha/hộ; với dự kiến số lao động bình quân của 01 hộ có từ 1-2 người, nên khi chuyển mục đích sử dụng của 926,64 ha đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp tương ứng có khoảng 212 - 628 hộ lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp. Để giải quyết vấn đề này, phương án đã bố trí đất cho phát triển khu, cụm dân cư, thương mại - dịch vụ, sản xuất phi nông nghiệp. Do đó, đã tạo điều kiện thuận lợi về chỗ ở và việc làm cho số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn.

3.4. Tác động đến quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng

Đối với phát triển hạ tầng. Phương án đã bố trí tăng thêm 358,43 ha so với năm 2020 để đáp ứng cho nhu cầu phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng, nhất là các công trình hạ tầng kỹ thuật trọng điểm của tỉnh và huyện, cụ thể:

- Đất dành cho phát triển hạ tầng kỹ thuật được tính toán đầy đủ, hợp lý góp phần phát triển hạ tầng kỹ thuật, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đẩy nhanh quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá và đô thị hóa trên địa bàn.

- Đất dành cho phát triển hạ tầng xã hội được bố trí đầy đủ để phát triển các ngành giáo dục, văn hoá, thể thao,... góp phần nâng cao dân trí, thu hút đầu tư, tạo việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động, ngành nghề và tăng thu nhập cho người lao động trên địa bàn.

3.5. Tác động đến việc tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tồn văn hoá các dân tộc

Đã bố trí quỹ đất tăng 15,00 ha so với năm 2020, trong thời gian tới huyện chủ yếu đầu tư mở rộng và nâng cấp, cải tạo các công trình di tích lịch sử - văn hóa, theo hướng đồng bộ, đa dạng đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế đi đôi với việc tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa, qua đó góp phần khai thác có hiệu quả các khu di tích lịch sử - văn hóa; đảm bảo, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, cũng như đáp ứng tốt nhu cầu về hưởng thụ văn hóa, tinh thần của nhân dân trên địa bàn và khách du lịch.

3.6. Tác động đến khả năng khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên, tỷ lệ che phủ

Trên cơ sở đánh giá tiềm năng đất đai, phương án đã bố trí diện tích đất sản xuất nông nghiệp là 7.292,13 ha để phục vụ sản xuất nông nghiệp theo hướng chuyển đổi nhanh cơ cấu cây trồng, áp dụng các biện pháp sinh học trong canh tác, hình thành vùng sản xuất tập trung chuyên canh lúa, cây ăn trái chất lượng cao và nuôi trồng thủy sản công nghiệp. Do đó, đã góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất, gia tăng giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích, cải tạo, bảo vệ và khai thác hợp lý tài nguyên đất đai.

Đã bố trí đất phục vụ cho phát triển hạ tầng kỹ thuật – xã hội, trong đó diện tích đất phân bổ cho từng hạng mục công trình, dự án được tính toán cụ thể đúng định mức quy định, nên đã góp phần duy trì, bảo vệ và khai thác hợp lý tài nguyên nước, tài nguyên đất, tài nguyên nhân văn và bảo vệ môi trường trên địa bàn.

Đến năm 2030, phương án đã xác định diện tích đất trồng cây lâu năm là 419,85 ha và khoảng 100 ha đất trồng cây xanh phân tán trong các khu đô thị, nông thôn, công viên cây xanh, khu vui chơi giải trí, tuyến giao thông,... Nên tỷ lệ cây xanh che phủ đạt 15%, góp phần tạo cảnh quan đô thị, nông thôn, tăng độ che phủ đất và bảo vệ môi trường.

3.7. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

Phương án quy hoạch sử dụng đất đã mang lại hiệu quả kinh tế được xác định cân đối thu chi từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và chi phí cho việc bồi thường hỗ trợ tái định cư dự kiến đạt khoảng 891 tỷ

đồng. Như vậy sẽ tăng nguồn thu cho ngân sách Nhà nước và phát triển mạnh quỹ đất để đầu tư trở lại cho phát triển hạ tầng và phát triển quỹ đất.

*** Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030:**

a) Căn cứ pháp lý để ước tính các khoản thu, chi liên quan đến đất đai

Theo quy định của Luật Đất đai hiện hành, các nguồn thu từ đất gồm có: giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, các loại thuế có liên quan đến đất đai, thu từ xử phạt vi phạm pháp luật về đất đai, thu từ bồi thường cho Nhà nước khi gây thiệt hại trong quản lý và sử dụng đất đai, phí và lệ phí trong quản lý, sử dụng đất; Các khoản chi liên quan đến đất đai gồm chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Việc tính toán các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Châu Phú được dựa trên các cơ sở tính toán như sau:

- Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;
- Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về việc thu tiền sử dụng đất;
- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;
- Nghị định số 96/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định về khung giá đất;
- Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 06 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp xác định giá đất; xây dựng bảng điều chỉnh giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;
- Quyết định số 70/2019/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2019 ban hành Bảng giá các loại đất áp dụng giai đoạn 2020 – 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang;
- Phương án Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

b) Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai

Việc tính toán thu, chi liên quan đến đất đai dựa trên bảng giá đất của tỉnh An Giang giai đoạn 2020 – 2024 (giá các loại đất mang tính bình quân), dự kiến

thực hiện đạt khoảng 50% quy hoạch và các văn bản hướng dẫn hiện hành tại thời điểm lập quy hoạch.

Bảng 33: Thu chi liên quan đến đất đai trong kế hoạch sử dụng đất

Hạng mục	Số lượng (ha)	Đơn giá (triệu đồng/ha)	Thành tiền (triệu đồng)
I. Các khoản thu			1.239.000
1. Chuyển mục đích sử dụng đất thực hiện dự án			99.000
<i>Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp (bằng 60%, 80% giá đất ở)</i>	180	550	99.000
2. Chuyển mục đích sử dụng đất của doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp			1.140.000
<i>Đất ở nông thôn</i>	90	6.000	540.000
<i>Đất ở đô thị</i>	30	20.000	600.000
II. Tổng chi (Thu hồi đất)			348.000
1. Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất			199.500
<i>Đất nông nghiệp</i>	90	550	49.500
<i>Đất ở nông thôn</i>	25	6.000	150.000
<i>Đất ở đô thị</i>	10	20.000	200.000
2. Hỗ trợ khi thu hồi đất nông nghiệp (dự kiến giá hỗ trợ gấp 3 lần giá đất nông nghiệp)			148.500
III. Cân đối thu chi (I-II)			891.000

Trên đây là dự kiến thu chi từ đất dựa trên khung giá hiện tại và các văn bản hướng dẫn hiện hành tại thời điểm kế hoạch sử dụng đất. Việc thu, chi thực tế sẽ phụ thuộc vào thời điểm triển khai dự án ở thời điểm nào thì trên cơ sở hướng dẫn áp dụng đơn giá, khung giá và giá cả thị trường cụ thể tại thời điểm đó cũng như cho từng dự án cụ thể.

Phần III
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021

I. CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021

1. Chỉ tiêu sử dụng đất còn lại

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2021 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt chỉ tiêu sử dụng đất còn lại áp dụng cho năm 2021 huyện Thoại Sơn.

Bảng 21. Chỉ tiêu sử dụng đất còn lại áp dụng năm 2021 huyện Thoại Sơn

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích theo quy hoạch được duyệt đến năm 2020 (ha)	Diện tích hiện trạng đến ngày 31/12/2020 (ha)	Chỉ tiêu sử dụng đất còn lại (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)
1	Đất nông nghiệp	41.137,00	41.176,75	-39,75
-	Đất trồng lúa	39.299,00	38.882,60	416,40
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>39.299,00</i>	<i>38.882,60</i>	<i>416,40</i>
-	Đất trồng cây hàng năm khác	51,00	132,9	-81,90
-	Đất trồng cây lâu năm	1.081,00	1.548,20	-467,20
-	Đất rừng phòng hộ	0,00	51,90	-51,90
-	Đất rừng đặc dụng	226,00	131,00	95,00
-	Đất rừng sản xuất	0,00	0,00	0,00
-	Đất nuôi trồng thủy sản	391,00	516,20	-125,20
-	Đất nông nghiệp khác	0,00	111,30	-111,30
2	Đất phi nông nghiệp	5.860,00	5.693,70	166,30
-	Đất quốc phòng	23,00	22,00	1,00
-	Đất an ninh	15,00	15,40	-0,40
-	Đất khu công nghiệp	0,00	0,00	0,00
-	Đất cụm công nghiệp	85,00	29,20	55,80
-	Đất thương mại, dịch vụ	17,00	18,20	-1,20
-	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	14,00	89,50	-75,50
-	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	3,00	0,90	2,10
-	Đất phát triển hạ tầng	3.079,00	3.048,40	30,60
-	Đất có di tích lịch sử, văn hóa	89,00	14,20	74,80
-	Đất danh lam thắng cảnh	0,00	0,00	0,00
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	6,00	2,50	3,50
-	Đất ở tại nông thôn	1.029,00	1.072,90	-43,90
-	Đất ở tại đô thị	248,00	237,60	10,40

*Báo cáo thuyết minh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030
và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Thoại Sơn - tỉnh An Giang*

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích theo quy hoạch được duyệt đến năm 2020 (ha)	Diện tích hiện trạng đến ngày 31/12/2020 (ha)	Chỉ tiêu sử dụng đất còn lại (ha)
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)=(3)-(4)</i>
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	0,00	0,00	0,00
-	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	29,00	18,90	10,10
-	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	2,63	0,10	2,53
-	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	0,00	0,00	0,00
-	Đất cơ sở tôn giáo	27,00	25,20	1,80
-	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	16,00	16,50	-0,50
-	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	0,00	0,00	0,00
-	Đất sinh hoạt cộng đồng	0,00	0,00	0,00
-	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	0,00	5,80	-5,80
-	Đất cơ sở tín ngưỡng	0,00	4,60	-4,60
-	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	0,00	1.041,10	-1.041,10
-	Đất có mặt nước chuyên dùng	0,00	20,00	-20,00
-	Đất phi nông nghiệp khác	0,00	2,00	-2,00
3	Đất chưa sử dụng	84,79	36,10	48,69

2. Tổng hợp, cân đối nhu cầu sử dụng đất năm 2021

- Đất nông nghiệp: 41.394,50 ha, chiếm 87,82% diện tích tự nhiên;
- Đất phi nông nghiệp: 5.703,14 ha, chiếm 12,01% diện tích tự nhiên;
- Đất chưa sử dụng: 36,14 ha, chiếm 0,07%.

*Báo cáo thuyết minh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030
và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Thoại Sơn - tỉnh An Giang*

Bảng 22. Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Thoại Sơn

ĐVT: ha

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính																
			TT Núi Sập	TT Phú Hòa	TT Óc Eo	Tây Phú	An Bình	Vĩnh Phú	Vĩnh Trạch	Phú Thuận	Vĩnh Chánh	Định Mỹ	Định Thành	Mỹ Phú Đông	Vọng Đông	Vĩnh Khánh	Thoại Giang	Bình Thành	Vọng Thê
1	Đất nông nghiệp	41.394,50	658,59	549,55	967,00	3.213,95	2.497,12	3.377,37	1.808,68	2.759,97	2.894,27	3.337,56	3.078,09	2.849,37	2.564,23	3.198,96	2.597,65	2.652,92	2.389,21
1,1	Đất trồng lúa	38.905,10	481,79	411,88	621,52	3.148,08	2.441,78	3.239,13	1.548,02	2.520,63	2.771,17	3.242,46	2.782,58	2.803,28	2.448,94	3.021,77	2.496,14	2.587,86	2.338,06
	<i>Trong đó: Đất chuyển trồng lúa nước</i>	38.905,10	481,79	411,88	621,52	3.148,08	2.441,78	3.239,13	1.548,02	2.520,63	2.771,17	3.242,46	2.782,58	2.803,28	2.448,94	3.021,77	2.496,14	2.587,86	2.338,06
1,2	Đất trồng cây hàng năm khác	132,86	3,64	9,08	10,61	14,43	0,20	11,52	17,73	24,59	2,48	0,29	7,97	-	5,13	21,46	1,93	1,80	-
1,3	Đất trồng cây lâu năm	1.546,36	99,26	108,37	192,02	38,66	47,02	101,80	154,07	91,07	69,54	82,99	140,72	37,94	94,88	106,26	84,94	55,60	41,22
1,4	Đất rừng phòng hộ	51,89	51,89	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1,5	Đất rừng đặc dụng	130,98	-	-	130,98	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1,6	Đất rừng sản xuất	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1,7	Đất nuôi trồng thủy sản	516,03	22,01	20,22	11,67	12,78	8,13	24,92	75,59	123,67	51,08	11,83	51,35	8,15	15,29	49,47	14,57	5,39	9,93
1,8	Đất làm muối	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1,9	Đất nông nghiệp khác	111,29	-	-	0,21	-	-	-	13,26	-	-	-	95,48	-	-	-	0,07	2,27	-
2	Đất phi nông nghiệp	5.703,14	291,98	243,24	223,86	304,13	273,81	407,95	385,53	364,53	369,22	371,44	435,04	240,08	379,77	401,25	346,34	343,73	321,24
2,1	Đất quốc phòng	21,95	0,03	6,24	12,84	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,05	-	2,79	-	-
2,2	Đất an ninh	15,43	3,11	-	-	-	-	-	-	-	-	-	12,32	-	-	-	-	-	-
2,3	Đất khu công nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2,4	Đất khu chế xuất	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

*Báo cáo thuyết minh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030
và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Thoại Sơn - tỉnh An Giang*

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính																
			TT Núi Sập	TT Phú Hòa	TT Óc Eo	Tây Phú	An Bình	Vĩnh Phú	Vĩnh Trạch	Phú Thuận	Vĩnh Chánh	Định Mỹ	Định Thành	Mỹ Phú Đông	Vọng Đông	Vĩnh Khánh	Toại Giang	Bình Thành	Vọng Thê
2,5	Đất cụm công nghiệp	29,20	-	11,37	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	17,82
2,6	Đất thương mại, dịch vụ	18,47	4,50	0,99	0,50	0,32	0,19	0,22	3,84	0,34	0,14	-	6,36	0,04	0,12	0,05	0,41	0,39	0,05
2,7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	90,66	6,45	28,68	0,84	2,53	0,03	0,27	6,91	0,50	9,91	0,35	6,83	0,02	15,25	0,11	9,38	2,55	0,06
2,8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	0,90	-	-	0,90	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2,9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	3.064,73	118,30	67,48	101,85	161,50	160,04	195,19	154,67	217,88	245,00	228,39	279,07	94,50	184,25	257,96	204,13	196,66	197,85
	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	2,55	0,89	0,14	0,14	0,01	-	0,35	-	0,70	-	-	0,08	0,24	-	-	-	-	-
	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	2,58	-	-	-	-	-	-	2,58	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Đất y tế	7,36	0,12	0,14	0,56	0,21	0,14	0,19	0,18	0,18	0,12	0,09	0,13	0,17	0,22	0,15	4,43	0,16	0,18
	Đất giáo dục và đào tạo	55,50	7,56	5,11	3,54	1,72	2,97	2,20	2,67	2,53	2,60	4,05	3,79	2,08	3,17	3,58	4,14	1,97	1,80
	Đất thể thao	5,14	1,26	1,10	1,25	-	-	-	0,30	-	-	-	0,44	-	-	-	0,13	0,65	-
	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Đất chợ	9,99	0,68	0,51	0,19	0,16	0,15	0,48	0,72	0,69	0,31	0,06	0,56	0,17	0,69	0,37	-	4,19	0,05
	Đất giao thông	1.456,70	62,78	47,24	56,01	89,90	90,77	81,57	73,93	86,23	113,02	102,55	109,66	70,03	77,49	117,87	89,34	87,73	100,58
	Đất thủy lợi	1.523,75	44,78	13,21	40,13	69,50	66,00	110,37	74,19	127,55	128,94	121,64	163,82	21,81	102,67	135,91	106,04	101,93	95,25
	Đất công trình năng	0,78	0,16	-	-	-	-	-	0,04	-	-	-	0,58	-	-	-	-	-	-

*Báo cáo thuyết minh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030
và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Thoại Sơn - tỉnh An Giang*

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính																
			TT Núi Sập	TT Phú Hòa	TT Óc Eo	Tây Phú	An Bình	Vĩnh Phú	Vĩnh Trạch	Phú Thuận	Vĩnh Chánh	Định Mỹ	Định Thành	Mỹ Phú Đông	Vọng Đông	Vĩnh Khánh	Thoại Giang	Bình Thành	Vọng Thê
	lượng																		
	Đất công trình bưu chính viễn thông	0,39	0,08	0,02	0,03	0,02	-	0,02	0,07	-	-	-	0,01	-	0,01	0,08	0,03	0,03	-
2,10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	14,16	-	-	14,16	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2,11	Đất danh lam thắng cảnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2,12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	2,49	2,15	-	-	-	-	0,35	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2,13	Đất ở tại nông thôn	1.072,59	-	-	-	50,65	49,90	104,04	141,18	79,20	77,29	62,80	105,10	39,77	90,53	90,88	72,17	73,82	35,25
2,14	Đất ở tại đô thị	238,43	93,54	79,33	65,56	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2,15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	18,77	6,30	1,05	0,62	0,84	0,70	0,78	1,24	0,73	0,42	0,99	0,40	0,66	0,59	1,36	0,84	0,68	0,58
2,16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	0,10	0,10	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2,17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2,18	Đất cơ sở tôn giáo	25,25	11,25	0,71	4,69	-	-	-	3,95	0,06	0,89	0,67	1,85	-	0,58	-	-	0,59	-
2,19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	16,52	4,08	0,88	0,87	0,01	-	1,44	3,13	0,34	0,49	1,01	1,90	-	0,80	0,33	1,09	0,13	0,01
2,2	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2,21	Đất sinh hoạt cộng đồng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2,22	Đất khu vui chơi, giải trí	5,80	5,49	-	-	-	-	-	0,13	0,08	-	-	-	-	-	-	-	-	0,10

Đơn vị tư vấn: Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật tài nguyên môi trường
Địa chỉ: 822, Trần Hưng Đạo, P. Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

*Báo cáo thuyết minh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030
và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Thoại Sơn - tỉnh An Giang*

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính																
			TT Núi Sập	TT Phú Hòa	TT Óc Eo	Tây Phú	An Bình	Vĩnh Phú	Vĩnh Trạch	Phú Thuận	Vĩnh Chánh	Định Mỹ	Định Thành	Mỹ Phú Đông	Vọng Đông	Vĩnh Khánh	Toại Giang	Bình Thành	Vọng Thê
	công cộng																		
2,23	Đất cơ sở tín ngưỡng	4,57	0,74	0,15	0,58	0,04	0,16	0,61	0,25	0,33	0,36	0,73	-	-	0,05	0,12	-	0,44	-
2,24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	1.041,11	18,32	46,36	18,00	87,96	62,62	105,05	69,99	65,08	34,44	76,50	21,00	105,08	87,55	50,43	55,53	68,29	68,92
2,25	Đất có mặt nước chuyên dùng	20,03	17,58	-	2,45	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2,26	Đất phi nông nghiệp khác	1,97	0,03	-	-	0,28	0,17	-	0,22	-	0,28	-	0,20	-	-	0,01	-	0,18	0,59
3	Đất chưa sử dụng	36,14	-	-	19,44	-	1,97	-	-	-	-	-	-	-	14,72	-	-	-	-
4	Đất khu công nghệ cao*	-																-	-
5	Đất khu kinh tế*	-																-	-
6	Đất đô thị*	2.953,66	950,57	792,79	1.210,30													-	-

II. DIỆN TÍCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021

1. Đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp

Năm 2021, diện tích chuyển mục đích sử dụng là 35,41 ha. Trong đó: từ đất trồng lúa 35,16 ha; đất trồng cây lâu năm 0,25 ha.

2. Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp

Năm 2021, không chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp.

III. DIỆN TÍCH ĐẤT CẦN THU HỒI ĐẤT NĂM 2021

Năm 2021 diện tích đất cần thu hồi là 5,31 ha. Trong đó:

- Đất nông nghiệp 4,25 ha.
- Đất phi nông nghiệp 1,06 ha.

IV. DIỆN TÍCH ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

Năm 2021, địa phương chưa có nhu cầu khai thác đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng.

V. DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN NĂM 2021

Stt	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
1	CCN Định Thành	Định Thành	30	2021
2	Dự án xây dựng Cầu Mướp Văn - ĐT 943	Xã Vọng Thê	0,81	2021
3	Nhà máy xay xát lò sấy Hưng Việt	Vọng Đông	1,16	2021
4	Đường Chùa Phước Sơn	Thị trấn Óc Eo	0,5	2021
5	Quy hoạch chợ Bình Thành	Bình Thành	4	2021

Phần IV

GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. GIẢI PHÁP VỀ QUẢN LÝ

Cụ thể hoá đồng bộ các chính sách về đất đai hiện hành vào điều kiện cụ thể của huyện. Đặc biệt thực hiện tốt các chính sách liên quan đến bồi thường hỗ trợ tái định cư như đào tạo nghề, chuyển đổi cơ cấu ngành nghề đối với những người bị thiếu đất hoặc không còn đất sản xuất khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng các công trình vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng.

Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến chính sách pháp luật về đất đai cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hiểu rõ về quyền và nghĩa vụ có liên quan nhằm sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

Tổ chức công bố các dự án đầu tư trên địa bàn sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đúng thời gian quy định để nhân dân kiểm tra, giám sát quá trình triển khai thực hiện.

Xây dựng kế hoạch kiểm tra, kiểm soát tình trạng tự phát chuyển đổi đất nông nghiệp sang sử dụng vào các mục đích khác không theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nhằm thực hiện nghiêm theo quy hoạch được duyệt.

Ban hành quy định về cung cấp thông tin quy hoạch đảm bảo được tính minh bạch, công khai của quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để người sử dụng đất có thể tham gia vào việc thực hiện các mục tiêu quy hoạch đề ra.

Tăng cường việc kiểm tra tình hình thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để có biện pháp xử lý nghiêm đối với các trường hợp cố tình chậm triển khai thực hiện quy hoạch sử dụng đất.

Đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính theo hướng đơn giản, hiệu quả trong các thủ tục giao cấp đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thuê đất.v.v.

Tăng cường công tác tổ chức ngành tài nguyên và môi trường của huyện đảm bảo đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ quản lý đất đai trong giai đoạn mới.

II. GIẢI PHÁP VỀ NGUỒN LỰC VÀ VỐN ĐẦU TƯ

Vận dụng linh hoạt các cơ chế, chính sách khuyến khích hỗ trợ, ưu đãi về giao đất, cho thuê đất; tạo hành lang pháp lý, môi trường thuận lợi cho đầu tư,... để thu hút và tập hợp các nhà đầu tư tham gia phát triển các dự án lớn, đặc biệt trong lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng, thương mại – dịch vụ và du lịch.

Đẩy mạnh công tác xã hội hoá nhằm tạo điều kiện cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia đối với các dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng có ý nghĩa quan trọng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, theo hướng sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả cao.

Tăng cường tính công khai minh bạch về cơ chế, chính sách ưu đãi về thuế, đất đai, tín dụng nhằm kêu gọi, khuyến khích mọi thành phần kinh tế trong và ngoài nước tham gia đầu tư vào các dự án có sử dụng đất với quy mô lớn trên địa bàn, đặc biệt đối với những dự án không gây ô nhiễm môi trường, sử dụng nhiều lao động.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động nhân dân hiến đất để xây dựng các công trình, dự án phục vụ cho mục đích công cộng: giáo dục, y tế, giao thông nông thôn, thủy lợi nội đồng nhằm sớm hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới nâng cao của huyện.

Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách của trung ương, tỉnh và các nguồn vốn hiện có để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho việc thúc đẩy đầu tư và phát triển trên địa bàn.

Vận dụng linh hoạt các cơ chế, chính sách trong việc bồi thường thiệt hại, tái định cư hiện hành áp dụng trên địa bàn nhằm hỗ trợ các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng các dự án để sớm triển khai xây dựng và đi vào hoạt động sản xuất.

III. GIẢI PHÁP VỀ KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ

Triển khai nhanh việc ứng dụng những thành tựu khoa học, công nghệ mới phù hợp vào công tác quản lý đất đai trên địa bàn.

Xây dựng mạng thông tin đất đai giữa các cơ quan quản lý đất đai từ huyện xuống đến các xã, thị trấn và các đơn vị có liên quan, cập nhật nội dung quy hoạch sử dụng đất và các quy hoạch, dự án khác có liên quan trên địa bàn huyện nhằm đáp ứng nhu cầu truy cập thông tin của các ban ngành, lĩnh vực, nhân dân và các nhà đầu tư.

IV. GIẢI PHÁP BẢO VỆ, CẢI TẠO ĐẤT, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU, NƯỚC BIỂN DÂNG

Áp dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp để thâm canh, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện của từng

khu vực trên địa bàn huyện nhằm nâng cao độ phì nhiêu của đất, tránh làm thoái hóa đất, nâng cao hiệu quả sử dụng đất và đảm bảo phát triển bền vững.

Tổ chức sản xuất nông nghiệp gắn với phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế; chú trọng phát triển kinh tế tập thể, sản xuất hàng hóa quy mô lớn, chất lượng cao; tăng cường liên kết trong sản xuất, chế biến, bảo quản và tiêu thụ nhằm tăng hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp, tạo giá trị gia tăng cao và phát triển bền vững.

Khuyến cáo nguy cơ gây ô nhiễm môi trường đất trong sản xuất nông nghiệp – thủy sản trên địa bàn do sử dụng quá mức phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật nhằm tích cực làm giàu đất và bảo vệ môi trường.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, đào tạo và nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng đất trên địa bàn huyện.

Ban hành quy định về quản lý đất đai gắn liền với bảo vệ môi trường, nhằm từng bước nâng cao ý thức về bảo vệ môi trường của tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trong quá trình quản lý, sử dụng đất.

Đối với các dự án đầu tư trên địa bàn, trước khi phê duyệt dự án cần bắt buộc thực hiện việc lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát khi các dự án đi vào hoạt động. Đồng thời kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về bảo vệ môi trường.

Thực hiện các chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với các dự án trên địa bàn ứng dụng các công nghệ tiên tiến thân thiện với môi trường trong hoạt động sản xuất.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn.

Xây dựng hoàn thiện kế hoạch thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng giai đoạn 2021-2025. Trong đó, tập trung nghiên cứu thực hiện các biện pháp chống ngập cục bộ ở khu vực nội ô; củng cố hệ thống cống thoát nước, đê bao các sông, rạch tại khu vực dân cư vùng thấp, khu vực sản xuất nông nghiệp; có kế hoạch di dời những hộ dân sống ven sông, rạch có nguy cơ sạt lở; đề xuất giải pháp chi tiết để ứng phó và thích nghi với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

4.1. UBND huyện

Tổ chức công bố công khai Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt theo đúng quy định, cụ thể:

- Đến các phòng ban, UBND các xã, thị trấn;
- Tại UBND huyện trong suốt thời gian quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất có hiệu lực;

- Đăng tải các thông tin chủ yếu của quy hoạch, kế hoạch trên các Website của UBND tỉnh, UBND huyện, UBND các xã, thị trấn và một số cơ quan khác có liên quan.

Phối hợp với các sở, ngành tỉnh tổ chức triển khai thực hiện nội dung của Quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt theo đúng quy định.

Tổ chức tuyên truyền nội dung Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, và xây dựng kế hoạch quản lý, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhằm đạt hiệu quả cao.

Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, tổ chức thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt theo đúng quy định.

4.2. Sở, ngành tỉnh

Trên cơ sở chỉ tiêu sử dụng đất của ngành, lĩnh vực đã được duyệt, phối hợp với UBND huyện tổ chức thực hiện các công trình, dự án liên quan đảm bảo tiến độ, trình tự, thủ tục theo đúng quy định. Đồng thời, tiến hành rà soát, điều chỉnh các quy hoạch, kế hoạch có liên quan trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để làm cơ sở thực hiện.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

Phương án Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện được xây dựng trên cơ sở chỉ tiêu sử dụng đất của tỉnh phân bổ, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2021-2025) của huyện, tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các ngành, địa phương và kết quả điều tra, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối (2016-2020). Mặt khác, các thông tin về nhu cầu sử dụng đất được điều tra, khảo sát đến từng công trình, dự án và đã được sự đóng góp ý kiến các ngành và địa phương qua nhiều lần hội thảo. Vì vậy, đã đáp ứng đúng, đủ nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực và phù hợp với mục tiêu chung về phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030, đảm bảo khai thác hợp lý, có hiệu quả tài nguyên đất đai gắn liền với bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường; bảo vệ và tôn tạo di tích lịch sử văn hoá trên địa bàn huyện.

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của huyện là căn cứ để phân bổ, khai thác sử dụng hợp lý, có hiệu quả tài nguyên đất đai, lao động trên địa bàn, có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường sinh thái cho cả trước mắt và lâu dài. Đồng thời là công cụ để huyện thực hiện quản lý đất đai theo pháp luật. Do đó, sẽ tạo tiền đề cho việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội trên địa bàn, góp phần hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện giai đoạn 2021-2025 theo đúng mục tiêu đã đề ra, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và chất lượng cuộc sống của nhân dân.

II. KIẾN NGHỊ

Để Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng năm 2021 của huyện Thoại Sơn đạt hiệu quả cao, phát huy hết tiềm năng, thế mạnh của huyện, và quản lý sử dụng đất đai đúng theo quy định của pháp luật. Đề nghị:

- UBND tỉnh, sớm tổ chức, thẩm định phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 để huyện Thoại Sơn làm căn cứ tổ chức thực hiện quản lý và sử dụng đất đai đúng pháp luật, có hiệu quả cao.

- UBND tỉnh, các Sở, ngành sớm có phương án tập trung nguồn vốn để đầu tư xây dựng hoàn thành các công trình trọng điểm của tỉnh trên địa bàn huyện Thoại Sơn.

- UBND tỉnh sớm có giải pháp hỗ trợ, ưu đãi về giao đất, cho thuê đất; tạo hành lang pháp lý, môi trường thuận lợi cho đầu tư, ... để thu hút các nhà đầu tư tham gia đầu tư các dự án trên địa bàn huyện trong quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030.

- UBND tỉnh có chính sách đầu tư, hỗ trợ, đặc biệt là đối với phát triển cơ sở hạ tầng để huyện hoàn thành các công trình, dự án trên địa bàn nhằm thực hiện tốt phương án Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt, đảm bảo thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 mà huyện đã đề ra./.

PHỤ LỤC